

PHỔ THÔNG

Tạp-chí Văn-Hóa ra ngày 1 và 15

Giám-đọc : **NGUYỄN - VỸ**

152

1-7-1965

- * Cách mạng trong ngành
Giáo-dục và Văn-hóa **NGUYỄN-VỸ**
- * Họ đã chết cho ai ? **KIM-GIANG-TỬ**
Thi sĩ Khuất-Nguyên **THÁI-BẠCH**
Đường độc đạo (truyện ngắn) **VÂN-SƠN**
- Những hội nghị quốc-tế từ Bandoeng
đến Alger ngày nay **NGHIÊM-PHÚ-LƯU**
Thần thoại Hy Lạp **ĐÀM-QUANG-THIỆN**
Bí mật của Ông Vô-vẽ **QUẾ-THANH**
- * Mình ơi ! **DIỆU-HUYỀN**
- Trong cửa và ngoài cửa
(truyện hay ngoại quốc) **NGÀI-VĂN**
Nhu-thuật, Thối cụt đạo **TÍN-KHANH**
Tuấn, chàng trai nước Việt **NGUYỄN-VỸ**
- Bức thư Paris **NGUYỄN-VĂN-CỔN**
- Tân nhạc Việt đi về đâu ? **DUY-SINH**
Cô ấy đi lấy chồng (phiếm luận) . . **MINH-ĐỨC**
Vụ đốt phá hồi đêm (truyện) **LAN-ĐÌNH**

Thơ : **SONG-HOÀI, YÊN-BẰNG, PHƯƠNG-DUYÊN**
HUYỀN-PHONG, Đ. TUYẾT-HỒNG v.v...

TRUYỆN DÀI

- **NGƯỜI TÙ 69** của **NGUYỄN-VỸ**
- **LỬA TÌNH** của **TRẦN-TUẤN-KIỆT**
(xem mục lục đầy đủ ở trang 4 - 5)

CARDIOCORINE

Thuốc giọt



DÙNG CHO NGƯỜI LỚN VÀ TRẺ EM

Cardiocrine

TRỊ: YẾU TIM, CƯỜNG NHƯỢC
MỆT MỎI, NGẤT SÚ



Viện bảo chứng NGUYỄN-CHÍ
Số 2, Tự Do, Saigon

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

CARDIOCORINE

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CÔ

Giám-đốc, Chủ-bút: Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn: 233, đường Phạm-Ngũ-Lão, Sài Gòn — Đ.T. 21.553



NĂM THỨ VII ★ số 152 ★ 1-7-1965

1.— Cách-mạng trong ngành Văn-hóa G.D. Nguyễn-Vỹ	6	—	9
2.— Họ đã chết cho ai ? Kim-Giang-Tử	10	—	19
3.— Cuộc sống (thơ) Yên-Băng			20
4.— Trong cửa và ngoài cửa (truyện dịch) Ngải-Vân	21	—	25
5.— Những hội nghị quốc tế Nghiêm-Phú-Lưu	26	—	31
6.— Khi anh nhìn (thơ) Song-Hoài			32
7.— Ông Vô vẽ Qué.Thanh	33	—	39
8.— Tuấn, chàng trai nước Việt Nguyễn-Vỹ	40	—	43
9.— Đường độc đạo (truyện ngắn) Văn-Sơn	44	—	48
10.— Thần thoại Hy Lạp. Đàm-quang-Thiện	49	—	51
11.— Mùa hè (thơ). Phương-Duyên			52
12.— Tàn nhạc di về đâu Duy-Sinh	53	—	56
13.— Nhu thuật, kiếm đạo Tín-Khanh	57	—	68
14.— Lênh đênh (thơ) Tuyết.Hồng			69

W190461

101

R

4

15.— Người thiếu phụ trong đêm (truyện) . Mặc-Tướng	70	—	75
16.— Cô đi lấy chồng Minh-Đức	76	—	80
17.— Bức thư Paris Nguyễn-văn-Còn	81	—	87
18.— Vụ đốt phá hồi đêm (truyện) Loa-Đình	88	—	97
19.— Nhà thơ Khuất Nguyên Thái - Bạch	98	—	104
20.— Minh ơi ! Diệu-Huyền	105	—	114
21.— Dặm buồn (thơ). Huyền-Phong			115
22.— Lửa tình (truyện dài) Trần-Tuấn-Kiệt	116	—	120
23.— Cái chính một câu trong báo Văn			121
24.— Người tù 69 Nguyễn-Vỹ	122	—	130



- ★ Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- ★ Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỔ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG » và đừng viết tắt.
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- ★ Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- ★ Copyright by PHỔ THÔNG, printed in Việt-Nam.

- Tổng phát hành PHỔ THÔNG toàn quốc :
ĐỒNG NAI, 270, Đề-Thám — Saigon
- Tổng-phát-hành PHỔ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu
- Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique
- Our general agent in Europa & Africa
LONG-HIỆP

13 Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS Vè
(vente — abonnements — Publicité)

triết
hoc
của
giới
Bình-Dân

MẶC TỬ

★ Lê-Thú

ĐẾN nay, người ta chưa biết Mặc-Tử sinh và mất vào năm nào, nguyên-quán ở đâu. Mặc nghĩa là đen. Trong thiên « quý-nghia », chép chuyện một người thầy bói bảo Mặc-Tử : « Sắc da Ngài đen, không nên đi phương bắc vì Thượng-Đế giết con rồng đen ở phương ấy hôm nay ». Có lẽ vì nước da của ông đen mà người ta gọi là Mặc chứ không phải họ thật của ông chăng ? Mặc-Tử sinh nào cuối thời Xuân-thu đầu Chiến-quốc, có lẽ cùng thời với Dương-Chu. Mặc là người có đầu óc chuộng thực-tế, có tài ứng đối rất nhanh, hy sinh chí cực. Nhưng khác với các tay biện sĩ đương thời dùng khoa ngôn-ngữ làm phương tiện tiến-thân. Mặc trái lại dùng nó để gây tình đoàn-kết, thân-ái và bình vực sự lợi ích cho lớp bình dân. Đứng ra tranh đấu cho lớp bình dân và những người cô-quả yếu kém, Mặc đã hiệu thẩu

MẶC TỬ

đạo tâm trí của họ. Về sau, học giả có người phê bình học thuyết của Mặc-Tử đã cho ông là người có ý nghĩ thiên-cận khi bàn đến những điều cao xa như quỷ-thần hay thiên mệnh. Sự thật không phải thế. Lập trường của Mặc là vì lợi thiên hạ mà tranh đấu cho thiên hạ, mà thiên hạ là ai nếu không phải là giai cấp bình dân chiếm phần đa số? Cho nên, trong các thiên sách của Mặc ta thấy ông thường gọi những tên quân tử, đại-nhân như ngụ ý bao biếm giai cấp quý tộc, sĩ-phu đương thời vậy. Mặc-Tử suốt đời chỉ nhắm đích: « Vụ cầu hưng thiên-hạ chi lợi, trừ thiên-hạ chi hại », và Mạnh-Tử phê-bình: « Mặc-Tử chủ trương Kiêm Ái đến mòn trán lông gót cái gì lợi cho thiên hạ thì làm ».

Học thuyết tích cực hành động của Mặc-Tử (Tổng quan và phê bình)

Trong học thuyết của Khổng Tử ta biết lý tưởng cao nhất mà họ Khổng xây dựng là sự sửa mình làm sao để đạt đến bậc Nhân (chí ư chí thiện); người tu học khi đã đến trình độ này sẽ đem cái đức của mình áp dụng vào việc xử-thế tùy thời mà cải cách dân chúng, làm sáng cái đức Sinh của trời đất. Đến Mặc-Tử lý tưởng này được thực hành triệt để. Mặc suốt đời làm lợi cho thiên hạ há không phải là bậc chí nhân đó ru? Mà khôn pháp hành-động của bậc chí nhân là đức Sinh của Trời Đất thì Mặc-Tử cũng gọi là Thiên chí tức là đối tượng màu-mực « làm việc rộng-rải không riêng tây, cái ăn đức sáng-láng hậu-hỹ mà không hư suy ». Suốt đời Mặc-Tử bất chước cái khôn-pháp đó với một nghị-lực sắt đá, một niềm tin tưởng vô biên, quên hết mọi sự hiềm-nghèo gian khổ. Vì bậc Nhân chủ sự Sinh nên Mặc-Tử phản-đối chiến tranh mà chỉ lo làm sao cho dân đông, nước giàu. Ông biết rằng nếu nói chủ đích đó ra cho người thường nghe họ không hiểu, nên Ông lập phép ba biểu, lấy việc của cỏ nhân làm bản, dò xét thực trạng quần chúng làm nguyên và tiên đoán cái hậu quả chắc chắn sẽ xảy ra và làm đúng. Như vậy phép ba-biểu của ông đặt có thứ-tự tiên-hậu, thủy chung

MẶC TỬ

nội ngoại vậy. Nhờ dựa vào tánh cách thứ-lự của những hiện tượng cố định nào đó đã hay đang xảy ra, ông có thể tiên đoán được hiện tượng tương lai : (« Bành-khinh-sinh nói với Mặc Tử : « Ta có thể biết việc đã qua nhưng không thể biết việc sắp tới ». Mặc-Tử trả lời : « Thí dụ người có cha mẹ ở cách đây hơn trăm dặm bị ngộ nạn nhằn gặp với người mau đến nội ngày hôm nay, nếu chậm e khó sống nổi, kìa là hai thứ xe ngựa bền khỏe và ngựa hèn xe hỏng để cho người chọn, thì người lấy thứ nào ? » — « Chọn thứ xe ngựa bền khỏe đi mau tới » — « Thế sao lại bảo không thể biết việc sắp tới ? » Thật là lối biện chứng rất đích xác và khế-hợp với các định luật khoa-học ngày nay. Mặc-Tử đã vạch cho ta thấy hai con đường hay, dờ tùy ý ta chọn một. Nếu ta biết chọn giống tốt thì sẽ gặt quả tốt. Như vậy cái quả của cồ-nhân, nói như Mặc, rất tốt đẹp, nhưng nguyên-nhân của nó ở đâu mà ra ? Phải chăng cồ-nhân đã dựa vào đức sinh-hóa của Trời Đất ? Theo luận-chứng này ta nói Mặc-Tử là người đã hiểu tính-vi cái nguyên-lý tam-tài.

Đã nói ông là người vì thiên hạ, tức là lớp bình dân nghèo khổ, đứng ra tranh đấu cho họ, tất phải hiểu tánh tình mộc-mạc giản dị của họ. Tuy đi lại với bọn vương-hầu sĩ-phu nhưng lòng bao giờ cũng hướng về đám dân đen bần-cùng trong xã hội. Ông thấy cái nguồn vui ở đời là làm việc. Trong khi làm tự nhiên ta sinh ra cái ý thích-thú, niềm hòa-khí vị tất cần đến tiếng chuông, trống, cầm, sắt ? Và lại cái mục-đích của âm nhạc là để di-dưỡng tánh tình hòa-cảm với tạo vật; thì một người suốt đời chăm chăm làm lợi cho thiên hạ như Mặc tất phải có nguồn cảm hứng tràn-trề nhựa sống đã kích-thích ông, khiến ông vì đại nghĩa mà không nhọc lòng nản chí, há không phải là một bậc chí-thành đó ru ? Âm nhạc không thể tách rời khỏi đời sống, khải tấu ở trong một ngôi đình miếu cung điện oai nghiêm nào, trái lại nó phải hòa hợp với đời sống như câu ca dao tục-ngữ của dân quê. Một khi âm nhạc tự nó tách biệt khỏi đời sống quần chúng, trầm bổng du dương trong lâu đài cung điện của bọn thượng-lưu quý tộc thì tự hỏi nó có ích dụng gì ? Không phải Mặc Tử không biết cái hòa

MẶC TỬ

lạc của âm-nhạc, cũng như cái đẹp của khoa điêu khắc, cái ngon của đồ xào nấu, cái yên tĩnh của nhà cao cửa rộng ; nhưng theo ý ông, cái gì không cần thiết thì nên giảm bớt đi : Ở sao cốt đủ để che nắng, mưa, không cần phải nhà cao cửa rộng. Mặc sao đủ ấm, không cần phải lụa là gấm vóc ; ăn uống sao đủ khỏi đói khát, làm mạnh tay chân, rõ tai mắt, sáng tâm trí, đủ lấp cái trống rỗng của dạ dày và nổi hơi thở, không cần phải cao lương mỹ-vị. Tóm lại ông không chuộng cái văn-sức kiêu cách tức là thứ phù-phiếm mà chú trọng vào những nhu cầu khẩn thiết của dân quê. Mặc chủ trương gồm kê thiên hạ tất coi thiên hạ như thân mình nên không thể làm ngơ trước những người không có cái khum tre mà ở cái khổ rách mà mặc, miếng cơm hầm mà ăn, lại có những kẻ ở cung điện nguy nga lụa là gấm vóc lộng lẫy thức ngon vật béo thừa mứa. Mặc là một nhà sớm có tư tưởng xây dựng một xã hội quân bình về tài sản và tinh thần : đó là chủ đích của thuyết quý nghĩa và Kiêm Ái vậy. Tuy có tư tưởng ấy nhưng ông không hề có ý xúi dục sự đấu tranh giai cấp. Ông biết rằng tư tưởng này có thể thi hành được hay không là tại bọn vương hầu. Cho nên một mặt ông cố gắng thuyết phục bọn ấy một mặt ông cổ xúy sự tiết dụng trong dân chúng. Ông chủ làm lợi ích cho dân nhưng không bảo dân đấu tranh một cách mù quáng cái tư lợi của mình. Khi người ta biết tiết dụng thói chơi bời xa xỉ, biết kiềm-chế bản năng dục vọng của mình, biết yêu người như yêu mình, không coi thân mình là trọng đề khi kẻ khác thì lấy chỗ đất đâu làm bãi chiến trường ? Nhưng muốn cho xã hội được quân bình về tài sản và dục vọng ông nghĩ đến việc phải đào-tạo cán bộ đặc lực trong kế hoạch thực thi chủ nghĩa ấy. Cán bộ của ông là những người không tốt ở sắc-diện nhưng giỏi chân tay, không tốt lời nói nhưng giỏi việc làm, giỏi ở việc làm lợi cho mình. Một cán-bộ giỏi là người biết khéo sửa những điều hư hỏng thói nát của xã-hội chứ không phải khéo bỏ để làm lại cái mới, Mặc khuyên các đấng vương công hãy dùng những cánh tay cán bộ như thế nếu họ muốn coi trọng sinh mạng của thiên hạ.

(còn tiếp)

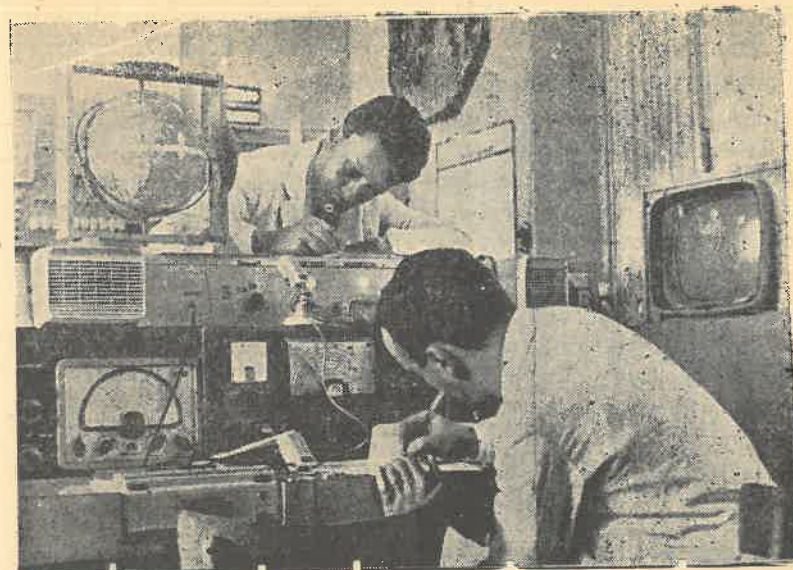
HỌ ĐÃ CHẾT CHO AI ?

★ Kim-Giang-Tử



- NHIỀU PHI HÀNH GIA KHÔNG GIAN ƯU TỬ ĐÃ CHẾT KHÔNG MỘT TIẾNG VANG TRONG NHỮNG CUỘC THÍ NGHIỆM CỦA NGA-XÔ

★ Tài bụng bí những thất bại của Nga-xô đã bị hai chuyên viên điện tử «tài tử» Ý khám phá



Giovanbattista và Cordiglia hai người đã tìm ra những cái chết của các phi hành gia không gian Nga

Một tin động trời được tung ra :

« Ngày 18-3-65, Nga-xô sẽ phóng lên không trung phi thuyền Voskhod II, có mang theo hai phi hành gia Belyav và Léonov. Khi vào quỹ đạo, Léonov sẽ rời khỏi phi thuyền trong 20 phút. »

Tin này tất nhiên là có thật, không ai chối cãi. Vì trước đó 3 ngày, tại Turin (Ý) có hai anh em người Ý nọ, tên là Giovanbattista và Cordiglia đã

loan ra tin này trước và do một nhật báo ở Milan đăng tải lại vào ngày hôm sau.

Hai anh em nhà họ Cordiglia cũng đã kể ra một số chuyện về chương trình chinh phục không gian của Nga, và với những chi tiết đầy đủ, họ đã quả quyết rằng trong 5 năm qua, ít nhất Nga cũng đã hạ sinh đến 9 phi hành gia không gian, một việc mà không một ai biết và cả Nga-xô cũng không tiết lộ.

Mới đây tờ « Sao đỏ », cơ quan ngôn luận của quân đội Nga cực lực cải chính tin này. Tướng Kamanine, giám đốc cơ quan huấn luyện phi hành gia đã tuyên bố :

Đó là một chuyện nói lão hi hữu.

Lời qua tiếng lại, tất nhiên gây ra nhiều ngờ vực trong giới tìm hiểu. Trong một cuộc phỏng vấn của một nhà báo, tỏ vẻ hồ nghi về quyết đoán này, hai anh em Cordiglia đã trả lời :

« Tất cả những tài liệu còn đồ. Ngày giờ, lộ trình các phi thuyền, những lời ghi chép trong máy ghi âm v.v... đầy đủ cả. Ai muốn biết cứ nghe, cứ xem ...



Vừa đài không gian vừa viện dưỡng lão

Ngôi biệt thự anh em Cordiglia là cả một kiến trúc đồ sộ. Họ đã phong cho nó cái tên, và trao cho nó một nhiệm vụ, mà đáng lẽ ra các chính phủ phải làm lấy, chứ đâu thuộc quyền một tư nhân. Đây là «Trung tâm nghe ngóng các cuộc phi hành không gian Torre-Bert.»

Biệt thự ở cách đô thị Turin 15 cây sô, tại Piemont, một vùng đồng quê khá hữu tình. Ngôi nhà theo lối kiến trúc thế kỷ XVI — nằm giữa một khuôn viên yên tĩnh, với sân

cỏ xanh tươi, những đường quanh co cân đối nằm kín dưới bóng sồi...

Biệt thự hai tầng. Phía dưới nền, một « căn » nhà thờ theo kiểu xưa. Bên trên các phòng trang trí lộng lẫy, vách đắp thêm danh mộc chạm trổ tinh vi, trên trần tô đắp rất đẹp, sơn thết đủ màu. Nhưng đặc biệt nhất là trên nóc, một chiếc « ăn tên » theo hình cong... 8 thước đường kính, lớn nhất trên đất Ý.

Dọc theo các đường đi, êm lặng như chìm đắm trong mộng, có mấy ông lão lưng thưng đi..., mới nhìn qua lối ăn mặc, tưởng đâu là người thời xưa còn sống sót.

Vì ở đây, ngôi biệt thự này là nơi gặp gỡ của hai cái trái ngược : Một bên là đài thiên văn với một lối hoạt động tung bưng phụt tạt, nắm cả bầu trời trong tay, một bên là một bệnh viện dưỡng già, nơi con bệnh tìm nơi thanh vắng để kéo dài ngày sống...

Tuy thế, họ vẫn thông cảm nhau.. Chẳng thế mà hôm 18, khi các cô nữ y-tá đem món ăn lót lòng vào các cụ và báo tin Léonov thoát khỏi phi

thuyền, một ông đã lắc đầu nói :

— « Nếu người nào mà đi đứng được ngoài không trung, thì đó là một thiên thần chứ không phải là đại tá... »

Một ban tham mưu « nghe lóng »

Trung tâm Torre-Bert gồm có bảy người trai trẻ từ 17 đến 30 tuổi. Trong số đó có mấy người giúp việc cho viện dưỡng lão... ăn mặc theo lối y tá, nhưng không ai rõ, có phải là y tá thật hay những kỹ sư điện tử kiêm nhiệm.

Một người làm bác sĩ cho viện. Viện là tài sản riêng của gia đình và mọi người cùng chung sức làm việc, như một ban tham mưu, ai có trọng trách này với một tinh thần tích cực. Trước hết là Achille, em là Giovanbattista, một cô em gái 17 tuổi; cô Maria Teresa, thông dịch viên Nga ngữ, hai người vợ của hai anh em Giovan, tên là Maurigia và Laura, ngoài ra còn hai anh bạn Carlo và Alberto.

Trong 8 năm qua, công việc thường xuyên của ban tham

mưu kỳ lạ này là dò xét các căn cứ liên lạc không gian của Nga, tìm biết những ngày phóng vệ tinh, đón bắt các luồng điện phát thanh của các vệ tinh đưa về v.v... Họ đã say mê với công việc mặc dù chỉ là chuyện tồn kém lớn, không mấy khi thu lại khoảng lợi nào.

Họ giải thích:

— Khi Ngasáp sửa phóng vệ tinh, tất cả các đài vô tuyến Nga đều nhứt loạt mở máy theo tắng sô mà phi thuyền sẽ xử dụng. Điểm liên lạc đầu tiên truyền ra một chữ. Chữ được chuyển đi khắp các đài, rồi tiếp theo đó là chữ thứ hai... Cứ thế cho đến khi chấm dứt.

Khi tất cả hệ thống đài vô tuyến đã chuẩn bị sẵn sàng những chữ đã truyền ra tự nhiên ghép nham lại. Đó là tin loan báo vào ngày 12 rằng phi thuyền Voskhod II sẽ được phóng đi.

Năm 1955, tại Ý... Vào thời này, vô tuyến truyền hình Ý còn ở giai đoạn thí nghiệm về cách phát tin.

Một bước mới về ngành điện tử tuy rầm rộ ở khắp nơi, lại trầm trầm ở đất Ý. Chỉ độ

15 trẻ em vừa trai vừa gái từ 13 đến 20, tuổi học sinh của trường Albertina ở Turin, chú ý đến và nghiên cứu theo dõi tài tử. Trong số đó, có anh em Cordiglia. Anh em Cordiglia mấy người bạn bắt đầu nghiên cứu cách thu tin và hình, nhờ kinh nghiệm sáng chế được một máy thu. Được thành công, họ càng mê say hăng hái hơn. Tiếp theo đó, họ hoàn thành một chiếc máy chụp hình vô tuyến. Chiếc máy được xem là một trong những máy đầu tiên ở Ý và vào hạng nhỏ nhất.

Càng thành công, mấy anh em càng tiếp tục nghiên cứu. Họ đã phát ra được mấy loạt truyền hình vô tuyến theo nguyên tắc dây đồng trung điểm. Nhóm điện tử tài tử này bỗng nhiên được nổi tiếng. Hai nhà cầm quyền lớn nhất ở Turin, ông Thị trưởng và ông Quận trưởng vì lòng ái mộ, xin gia nhập vào nhóm.

Tuy nhiên, thành công của nhóm không thể không gặp trở ngại. Vô tuyến truyền hình ở Ý cũng như ở Pháp, thuộc độc quyền Quốc gia, nên mấy anh em đành phải ngừng về mặt này để bước

vào mặt khác. Quả địa cầu quá chật hẹp, không đủ chỗ chen chân, họ quay qua mặt không gian. Trong khi còn nghiên cứu thì gặp lúc Nga phóng vệ tinh Spoutnik lần đầu tiên năm 1957, anh em Cordiglia quyết định đi sâu vào lĩnh vực không gian. Từ đó, họ bắt đầu theo dõi các vệ tinh.

Sẵn có máy thu tinh xảo, hệ thống ăn-tên khá tốt, máy ghi âm và cả mấy cây số dây, họ từ bỏ cái hầm kín đáo cũ kỹ quá bé nhỏ xù dưng lâu say, và đưa lên tầng trên ngôi biệt thự trong căn phòng riêng, rộng lớn của họ.

Những tiếng kêu cứu

Vào ngày 28-11-1960, tình cờ anh em Cordiglia bắt được một luồng tin phát thanh khác lạ và không rõ rệt. Lúc 12 giờ 15, máy thu chưa được rõ ràng, phân biệt chưa được là loại tin gì. Đến 16 giờ 39 phút, bắt được lần nữa nhưng cũng như trước. Rồi đến 16 giờ 7 phút, rồi 19 giờ 33 mới nghe được chút đỉnh, nhận đó mới tìm được phương hướng cho ăn-tên.

Bỗng vào lúc 9 giờ 3 phút đêm, một luồng chữ theo dấu hiệu Morse báo tin cầu cứu liên tiếp, chuyển đi khắp thế giới :

S.O.S... S.O.S... S.O.S..

Tiếp đó, máy lại im lặng như trước. Tuy chưa hiểu là gì, nhưng hai anh em đã thấy hy vọng tràn ngập. Điều họ mong ước bấy lâu đã thành tựu một phần lớn.

Trước tiên, họ nhận ra đây là những tiếng từ không gian báo về. Nhưng cho đến nay, Nga, Mỹ, hay các nước tiên tiến khác chưa báo tin phóng vệ tinh nào có mang theo người thì sao lại có mấy tiếng này ? Một lẽ khác, phi thuyền chở Gagarine (Nga) phải đến 12 tháng tư năm sau, mới phóng lên quỹ đạo... Thế thì sao ?

Anh em Cordiglia còn đang tìm hiểu, thì 3 hôm sau, nhằm ngày 1 tháng chạp, Nga xô bỗng loan tin cách đây mấy hôm, họ có phóng thí nghiệm phi thuyền Spoutnik VI... Bay được mấy vòng thì tiêu xác... So lại ngày giờ, hai anh em Cordiglia nhận ra những tiếng kêu cấp cứu hôm nọ

quả là của Spoutnik VI gọi xuống và sờ dĩ khi rõ, khi không là do phi thuyền mất thăng bằng và lệch con đường đã định.

Một phi hành gia ở trong phi thuyền cũng đã tan ra tro bụi, trong cuộc thí nghiệm này.

Về trường hợp Gagarine — cũng do anh em Cordiglia tiết lộ — chỉ được Nga loan báo rộng ra sau chuyến bay thành công. Nói ngược lại, nếu Gagarine cũng bị thiêu thân trong quỹ đạo thì chưa chắc thế giới đã biết có chuyến bay của chàng.

Những con vật hy-sinh đầu tiên

Cơ hội đặc biệt này đem đến cho anh em Cordiglia một nguồn sinh lực mới, đồng thời một môi nghi ngờ về các hoạt động chinh phục không gian của Nga-Xô.

Do đó, họ chuyển qua việc theo dõi các cuộc thí nghiệm mới của Nga mà nhà cầm quyền Nga cô che đậy.

Giovanbattista kể chuyện :

« Ngày 2-2-61, tôi ngồi nghe cuộn băng ghi âm về một

chuyến bay mới « bắt » được hôm ấy.

Giữa tiếng ào ào lẫn lộn với những tiếng vô danh của những làn sóng ký sinh, tôi nhận ra trước tiên những âm hiệu thường lệ của những vệ tinh, những tiếng « bíp, bíp » quen tai... Thành linh, phát sinh một tiếng ồn không rõ ràng từ đâu, lúc cao, lúc thấp, rồi lại cao, tiếp đó thấp lại, mới nghe như hơi thở của người khổng lồ... Lại nghe những tiếng đập, đục nhưng đều đặn. Rồi đến những hơi thở, ra về khó khăn, nặng nề đau đớn không khác tiếng rên một con thú lớn đang mắc bấy đầu bên cạnh ta.

Tôi đem cuốn băng đến cho mấy y khoa bác sĩ danh tiếng nhận xét, trong đó có giáo sư Mario Dogliotti, giám đốc trung tâm giải phẫu tim ở viện đại học Turin.

Sau khi nghiên cứu, ông kết luận :

— Một trong những tiếng đã ghi được là tiếng quả tim đập của một người hay của 1 loài vật lớn có vú. Về một thứ tiếng nữa, rất có thể là trường hợp của một kẻ bị ép nghẹt,

thở khó khăn, như sắp chết.

Giovan nói tiếp :

« Cách đó 2 ngày sau, Nga Xô loan báo vừa phóng phi thuyền Spoutnik... Chỉ vốn vẹn thể thôi. Không nói chuyện thành công hay thất bại và cũng không đề cập đến có phi hành gia hay không. Họ đã cô giầu, nhưng làm sao tránh được đài chúng tôi? Chúng tôi đã chứng kiến cái chết đau đớn của anh chàng bạc phước kia vậy.

Ban tham mưu nầy của họ nhà Cordiglia lần nầy khuyếch trương thêm trung tâm « nghe lóng » của họ, trang bị thêm máy móc và càng theo dõi hơn mọi hoạt động của Nga.

Chẳng bao lâu sau chuyến bay của Gagarine, họ di chuyển trung tâm lên đỉnh đồi San-Vito, trong một pháo đài lớn trước kia của Đức, do thị xã Turin nhượng cho.

Họ đặt một vô tuyến viễn vọng kính lớn hơn tất cả những viễn vọng kính ở Ý và nhân đó được giải thưởng hạng nhất trong cuộc triển lãm kỹ thuật quốc tế, tiếp theo họ lại được công ty Geloso, một trong

những công ty chế tạo về điện tử lớn nhất của Ý, giúp cho một số tiền khá lớn và những máy móc tối tân.

Trung tâm Torre-Bert đã nổi tiếng khắp nơi. Một Ngũ giác đài thu hẹp, không hơn không kém.

Trong phòng họa đồ, ở giữa là một tấm bảng điện tử lớn có mấy tự động ghi vị trí của bất kỳ một vệ tinh nào, 12 phút sau khi được phóng đi. Một bên là bản địa đồ lớn của 5 Châu dùng để theo dõi mọi di chuyển của vệ tinh, và một tấm họa đồ Đất-Nguyệt-cầu để theo dõi các vệ tinh Rangers của Hoa-Kỳ.

Vào phòng nhận tin, trước mặt một chiếc máy đo qui đạo, là những máy thu thanh, mở thường trực để « bắt » bất kỳ lúc nào, mọi luồng sóng của Nga và Mỹ.

Trên vách một bảng ghi số lượng các cuộc phi hành. Ở giữa, sát bên cái « vô lăng » để điều khiển ăn-tên trên nóc, có mấy tìm tăng số để bắt cho toàn vẹn các tin tức từ vệ tinh về đất liền và ngược lại.

Thêm vào đó lại có một máy tối tân « Sélébénomètre » dùng

để theo dõi hiệu quả hơn những cuộc khám phá Nguyệt-cầu sắp tới.

Kề đó là phòng ghi băng và tài liệu, phòng thí nghiệm, phòng tối v.v..

Một cái chết đau đớn

Ngày 11.11.62, một ngày đáng ghi nhớ. Cách đó ba hôm, anh em Cordiglia có theo dõi được một cuộc phi hành của một không gian thuyền, và theo họ đoán, có mang theo Belokonev.

Những tin tức qua lại đầu tiên giữa Nga và phi thuyền vẫn được bình thường, hai anh em nghe rõ mồn một.

Bỗng nhiên cuộc đàm thoại chuyển qua một hướng mới :

Phi hành gia Belokonev nói xuống :

— Coi chừng ! Coi chừng ! Có lẽ phi thuyền Vostok sẽ đi sai hướng... Chú ý, chú ý, đừng thí nghiệm nữa... Có thể nguy hiểm. Tôi đã quay phim bên ngoài cả rồi, như đã dự định... tốt lắm.

Nghe đến đây, tiếng máy thu thanh im bặt, thỉnh thoảng có những tiếng rất khó nghe

và không đoán được là gì, đại khái:

— Máy xoay tính thăng bằng đã hỏng — Belokonev nói xuống. Tất cả đều đen thui... rất đen... Vâng, những vật li ti độ 2 hay 3 ly...

Có tiếng hỏi dường như là: Những vật ấy như thế nào? Có thể thu ở bên ngoài một ít không?

— Tôi sẽ cố gắng — Belokonev đáp — nhưng không chắc được đâu. Trời lạnh lắm, nhiệt độ xuống rất thấp... Mong sẽ được... Vâng ngày mai, được đấy... chúc ngủ ngon...

Qua sáng hôm sau, anh em Cordiglia lại tiếp tục theo dõi. Sau mấy tiếng « lộn xộn » đầu thường lệ, là cuộc đàm thoại của Belokonev, đang lơ đãng. Anh chàng nói đến đoạn:

— Tôi đã... làm được việc ông dặn hôm qua rồi. Đã chụp được một mảnh. Rất kỳ lạ... cảm trên tay không thấy nặng nề gì cả.

Thình lình, nghe trong máy như có chuyện gì mới xảy ra. Nghe tiếp:

— Đợi chút! Hãy đợi! Sao? Bức xạ à? Sao không

thầy trả lời?... Anh nói đi... A, A, ừ, gấp ngay bây giờ... Còn cái gì gây tiếng động kỳ lạ ấy?

Máy lại ngừng một chút... Anh em Cordiglia đoán chừng như có chuyện bất lành đang xảy ra trên phi thuyền và mỗi lúc mỗi gấp rút hơn.

Lại nghe nói tiếp:

— A! ấy là... ấy là mấy bình điện -- (ừ, nói đi) .. Các bình điện bị hỏng... Tôi đang thay thế vào các đồ dự trữ đây... Được rồi! Được rồi đây! (Phải không?)... 46, 66, 456, 88... là những dụng cụ và bộ phận bị hư hỏng... Dưỡng khí! xin các ông tiếp tế dưỡng khí cho... các đồng chí ơi! Tôi không làm gì được nữa cả, không sửa chữa được. Chịu rồi! Chịu rồi! Xin các đồng chí tin cho! ... Và hiểu tôi, hiểu tôi... Ô! vâng về quá! Ghê rợn quá!..

Đó là những tiếng cuối cùng...

Cuốn băng chỉ còn ghi những tiếng không đầu vào đầu của muôn ngàn lần sóng giữa không gian đưa về.

Cô Teresa vừa dịch xong các đoạn vừa kể trên liền khóa máy lại. ★

Người ký giả theo dõi câu chuyện qua cuộn băng từ này giờ, mỗi phút mỗi thêm kinh ngạc.

Là chuyện thực tế hay ma quái đây? Anh còn đang hoang mang thì cô Maurizia kể tiếp theo một số chi tiết và những chuyện không ghi chép trong băng được.

Theo cô ta, phi hành gia Alexei Belokonev có lẽ được thiên hạ biết được là do một ảnh của anh trên tờ tuần báo Ogoniok của Nga vào tháng 8 năm 1960.

Còn về câu chuyện thu vào cuộn băng vừa nghe đây, có thật hay giả thì có nhiều bằng chứng để chứng minh là thật: Ấng-tên không lồ đã hướng đúng chiều của phi thuyền, nhờ đó mà theo dõi được phi thuyền lúc bay đứng hay bay nằm, rồi sau chuyến bay nằm, sự thu tin đều đặn cứ mỗi lần cách nhau từ 80 đến 90 phút, và nhất là trung tâm đã nắm được đích xác tầng số đặc biệt mà người Nga dùng riêng trong các công cuộc thí nghiệm không gian.

Những nghi vấn

Tuy nhiên, cũng có nhiều người còn thắc mắc.

Trước hết là tại sao anh em Cordiglia không cho ai biết tầng số là bao nhiêu. Và lại, tại sao máy móc họ thua kém xa các máy rất tồi tàn của các Đại lớn nhất thế giới mà lại « bắt » được những câu chuyện kinh dị như thế, trong lúc các đại kia chịu bất lực?

Cuối cùng nếu cuộc phi hành của Gagarine chỉ được tiết lộ sau khi trở về địa cầu là chuyện có thật thì sao các cuộc bay sau đó không nghe tiết lộ?

Những cuộc phóng phi thuyền của Nga tất nhiên không được công bố nhưng đợi khi các phi hành gia đang bay họ mới đưa tin ra. Thế thì tại sao chuyến bay của Belokonev lại không được loan tin? Nhất là khi anh này là người bay sau chuyến của Titov vào ngày 6-8-61 và của Nikolaiev và Popovitch ngày 11 và 12-8-62 và trong chuyến ấy, tai nạn đến sau 4 ngày bay mới xảy ra?

Sự thật là đâu? Mời các chuyên viên thế giới hãy đến tranh luận với ban tham mưu họ nhà Cordiglia.

★

N HỚ một lần hôn vớ
Nhớ một lần tìm se
Tao, mầy nường gác trọ
Nghe hồn sầu lê thê

Chưa một lần tao gọi :
— Tao thương mầy nghe Nhân!
Chưa một lần mầy nói :
— Tao thủy chung nghe Bằng!

Mầy sống bằng câu hát
Trong phòng trà buồn nôn
Nhìn gian phòng bộ-lạc
Buông lờ ca tử hờn

Tao sống bằng cây bút
Đem thơ bán chợ đời
Nhìn con người địa ngục
Tao cắn bút nét môi

Đây ly cà-phê đắng !
Đây ly rượu cay nồng !
Mây cú đầu câm lặng
Hồn tuổi đời đi rong

Đã bao lần thất nghiệp
Chúng mình nằm co-ro
Trong gian phòng kinh khiếp
Chứa ngày mai mơ hồ

cuộc sống, tương lai, và bạn bè...

Rồi bao lần mình khóc
Vì tao buồn, mầy buồn !...
Cuộc sống đầy tang tóc
Non sông đầy đau thương

Và một ngày mầy chết
Bên một nhà thương lao
Tiếng ca mầy theo dệt
Không còn buồn lên cao

Tao nhìn mầy nằm đó
Như thần thánh lưu đây
Tao quỳ bên nấm mộ
Chít khăn xô của n.ày

Bây giờ tao không khóc
Nhưng căng đầy bi thương...
Bây giờ tao cô độc
Nhưng hồn tao điên cuồng...

Ai cho đời là mộng ?...
Đâu ? địa-ngục-thiên-đàng
Gia đình và cuộc sống
Phủ trong đời con trai.

● **YÊN - BẰNG**
(trong thi phẩm SẦU
sấp xuất bản)

VĂN NGHỆ QUỐC - TẾ • VĂN NGHỆ QUỐC - TẾ



★ Ngái - Văn

● **NGUYỄN-KHANG** dịch

NGÁI-VĂN, tên thật là Hùng Côn Trân, người huyện Tô Châu, tỉnh Giang Tô, là một nhà văn có bút pháp tinh kỳ mới mẻ, bố cục sâu sắc.

Nhờ quyền «Thanh Xuân» mà chấn động văn đàn. Ngoài ra, còn những tập tùy bút «Ngư-cảng», tiểu thuyết «Lời nguyện sinh tử», «Xuân về trên gác trọ», «Những cặp vợ chồng» v.v... đều là những tác phẩm vang bóng một thời!

Ngoài cửa mưa bay lâm lâm
gió cuốn đẩy trời, tôi vội
vàng đóng cửa lại. Trong cửa
thật là êm đềm, yên tĩnh.

Ngoài cửa có tiếng ồn ào
huyên náo của những người
bán buôn tấp nập, tôi nhẹ
nhàng khép cửa. Trong cửa
lập tức im lìm, vắng lặng.

Chỉ cách có một từng cửa
mỏng manh, mà trong cửa và
ngoài cửa biến thành hai thế
giới khác nhau!

Tôi thích ngồi trầm tư
mặc tưởng ở trong này cánh
cửa. Tôi lại càng thích đắm
hưởng những phút êm đềm
thú vị của bầu không khí tĩnh
mịch yên lành bên trong cánh
cửa.

Nhưng tôi lại chê cửa, vì rằng
cửa đã tạo sự cách biệt giữa
người với người; cửa đã tạo
nên lòng hẹp hòi ích kỷ cho
nhân loại, chính cửa đã đẩy
bật người ta ra khỏi khung
cảnh thiên nhiên của trời đất.

Cõi lòng nào bị giam hãm
lâu ngày trong cánh cửa, thấy
đều không biết được sự mệnh
mang vĩ đại của vũ trụ, không
thể thưởng thức được sự trang
nghiêm của tạo vật.

Người nào bị cách biệt lâu

ngày bên trong cánh cửa, thì
có thể tự mình làm cho mình
bị cô lập.

Đứng trong này cánh cửa
với tư tưởng tự cao tự đại,
đền chừng đột ngột bước ra
khoảng mệnh mỏng vô tận bên
ngoài cánh cửa, tức khắc cảm
thấy mình thật là nhỏ nhoi,
như một chiếc bích trôi giạt
giữa trùng dương đại hải...

Trong cửa và ngoài cửa, có
hai thế giới hoàn toàn khác
biệt với nhau, thì con người
đôi với cánh cửa cũng có hai
quan niệm khác nhau:

Có người thích tự mình
giam hãm mình trong cánh
cửa để sống một cuộc đời im
lìm lặng lẽ, cũng có người
thích bay mình ra khỏi cửa, để
sống cuộc đời phiêu bạt giang
hồ.

Tôi từng hỏi một người
chôn chân bó gối trong cánh
cửa rằng:

— Bật chấp chung quanh
mình ba đào sóng dậy, anh cứ
sống yên ổn trong tổ ấm của
mình; bật chấp ba bên bốn bề
đều là cánh giông tố bão bùng,
anh thỏa mãn mà sống với
đời sống yên lành của anh, anh
thật là người sung sướng nhất
trên đời!

Anh ấy thờ dài trả lời:

— Bạn đừng cười tôi, tôi

TRONG CỬA

cũng từng có một lý tưởng
cao siêu, một hùng tâm bổng
bột, tôi cũng từng muốn làm
một việc oanh oanh liệt liệt để
đời, nhưng mà...

Anh ấy đưa mắt nhìn cánh
cửa đen ngòm, nói tiếp:

— Hoàn cảnh đã không cho
phép !...

Tôi hỏi:

— Anh vẫn có thể thoát
khỏi cánh cửa này một cách
can đảm kia mà?

Anh ấy cúi gằm đầu xuống,
lâm bâm:

— Nhưng tôi là con người,
tôi vùng vẫy không thoát
thường tình của nhân loại.

Tôi yên lặng không trả lời
nữa.

Tôi cũng đã từng hỏi một
người thích đời sống bổng
bềnh sông nước bên ngoài cánh
cửa, rằng:

— Ba bên bốn bề đều là
mưa gió tời bời, có sao anh
không đi tìm một cánh cửa yên
lành để mà đục mưa, tròn gió?
Trước mắt anh là cánh sóng
to biển cả, có sao anh không
đi tìm một chỗ yên ả
để mà tròn sóng? Một con
chim chiều mỗi cánh, cần phải

có một chiếc tổ ấm để nghỉ
ngơi?

Người ấy đưa mắt nhìn
khung trời bao la bát ngát,
nói một câu đầy hào tráng:

— Mưa gió có thể trui rèn ý
chí của tôi, biển to sóng cả có
thể làm cho tâm hồn tôi khoáng
đạt; chỉ có nằm trong cơn ba
đào biển động mới có thể tỏ
ra ý chí vững chắc của mình,
mới có thể xây dựng được một
sự nghiệp huy hoàng, sáng lạn.



Đôi mắt của anh bỗng dăm
chiều do dự, nói:

— Tôi sợ, tôi sợ tấm lòng
hẹp hòi ích kỷ bên trong kia
cánh cửa, tôi sợ sự yên lành
êm ái đó có thể làm hao mòn,
hủy diệt ý chí và tự do của
con người.

— Nhưng mà...anh cần tìm
người để thừa kế sự nghiệp
của anh!

Người ấy đôi mắt nhìn về khung
trời ngào ngát, gió đưa thẳng

luồng, nói một câu đánh thép :

— Nếu sự nghiệp của tôi mà cần người thừa kế, thì người thừa kế ấy không nhất định phải là người bên trong cánh cửa.

Tôi nghiêm trang, kính cẩn cúi đầu!

Nhưng... một vật gì có tánh chất huyền bí thì thấy đều có sức hấp dẫn lạ thường.

Chỉ một cánh cửa mỏng manh như thê mà ngăn cách bên trong và bên ngoài thành hai thê giới khác nhau! Thê là mỗi năm, mỗi tháng, mỗi ngày, không biết có bao nhiêu thanh niên nam nữ đã say sưa đề tưởng tượng xây đắp cho mình một cánh cửa.

Khi có một giọng nói trang nghiêm hỏi một chú rê đang tràn ngập vui tươi, sung sướng :

— Kết hôn là một cánh cửa thiêng liêng, từ nay về sau mi sẽ công hiến tất cả, để gánh lấy trách nhiệm bên trong kia cánh cửa ?

Thì chú rê ngang nhiên trả lời:

— Chính thê !

Giọng nói lại hỏi cô dâu mỹ miều, ranh mãnh, rằng:

— Kết hôn là một cánh cửa nghiêm trang, từ nay về sau mi phải hy sinh tất cả, để gánh lấy trách nhiệm bên trong kia cánh cửa?

Cô dâu nở một nụ cười tươi như hoa, trả lời:

— Chính thê !

Từng lớp, từng lớp cửa. Muôn-muôn nghìn-ngìn cánh cửa, cứ như thê mà xây dựng, mà lan tràn khắp ven trời góc biển, tận núi thẳm rừng sâu ...



Có những cánh cửa bằng cây đơn sơ giản dị, có những cánh cửa bằng cẩm thạch nghiêm trang kín cổng cao tường, có những cánh cửa bằng sắt uy nghi lộng lẫy.

Mỗi một loại cửa, đại diện cho thân thê và nếp sống của một lớp người, cửa tượng trưng cho sự thịnh suy của từng thê hệ.

Làm cho tôi khó hiểu nhất là cửa sắt.

Biết bao nhiêu người bắt hạnh phúc sau cánh cửa sắt

mà khao khát, thềm thuổng tự do. Họ trông đợi từng tia nắng ở bên ngoài cánh cửa, vậy mà lạ lùng thay, có nhiều người lại từ bỏ những tia nắng ấm áp bên ngoài cánh cửa, vùng tiến ra để tạo những cánh cửa sắt, giam hãm lấy cuộc đời mình.

Cửa đóng im ỉm, tỏ vẻ trang nghiêm mà ngạo nghễ; cửa khép hờ có vẻ huyền bí; cửa mở toát ra, tỏ vẻ hoan nghênh, chờ đợi...

Bên trong cánh cửa, có một

khung cảnh êm đềm, có lời ngọt ngào quyền rũ, có những giấc mộng đầy thi vị, có những ảo tưởng nghìn tía muôn hồng.

Bên ngoài cánh cửa, có mưa, có gió, có bão bùng giông tố, có cánh đất trời mênh mông vô tận, cũng có một tương lai sáng lạn, huy hoàng...

Ồ hô ! Chỉ có một cánh cửa mỏng manh, và ngăn cách bên trong và bên ngoài thành hai thê giới hoàn toàn khác biệt !



★ NÊN LÀM GÌ ?

Có người hỏi cô Dany Robin, làm đàn bà có lợi gì ?

— Lợi nhất cho họ — Dany trả lời — là người đàn ông không thê sống không đàn bà. Đó là điều làm cho họ tự mãn tự phụ nhất, và giúp cho họ tự đánh giá khá cao. Nhưng xin thành thật mà nói thêm, nếu Chúa cho tôi được tự do lựa chọn, muốn làm đàn ông hay đàn bà, thì thú thật... tôi xin làm đàn ông thôi.

— Tại sao ?

— Bởi vì tôi yêu đàn ông, và thích làm đàn ông. Đề làm những cái mà đàn ông làm trong lúc đàn bà không thê làm được.



midol

1360/BY.T/DPDC.

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

THỦ TÌM HIỂU
NHỮNG
HỘI NGHỊ
QUỐC-TẾ
QUAN-TRỌNG

TỪ
HỘI NGHỊ
BANDOENG
1955

ĐẾN
ALGER
NGÀY
NAY

* Nghiêm-phú-Lưu

THEO các nhà bình luận Quốc Tế thì từ năm 1945 tới nay, có ba sự việc quan trọng Quốc Tế, có nhiều ảnh hưởng nhất đã xảy ra trên Thế Giới.

Sự việc quan trọng thứ nhất là Hội Nghị Yalta đã họp vào năm 1945 giữa Anh, Nga, Hoa Kỳ để phân chia Thế Giới sau ngày Đại Chiến thứ hai.

Rồi tới Hội Nghị Bandoeng họp ngày 18-4-1955 tại Nam Dương, và Hội Nghị Quốc Tế Thương Mại họp vào tháng 3 năm 1964 tại Genève.

Hai Hội Nghị này là những cơ hội đã đánh dấu hùng hồn sự trỗi dậy và sự trưởng thành của các nước trước kia chỉ là những thuộc địa, hay là nửa thuộc địa của các nước Thực Dân và Đế Quốc tại Châu Á, Châu Phi và Châu Mỹ La-Tinh.

Trong bài này, xin nhắc qua mấy điểm chủ yếu về Hội Nghị Bandoeng. Một Hội Nghị đã gây được tình đoàn kết giữa nhiều nước còn đương phát triển trên Thế Giới.

THỦ TÌM HIỂU

**Hội Nghị Bandoeng
ngày trước**

Tại Djakarta, thủ đô của Nam Dương, trong tháng năm vừa qua, người ta mới kỷ niệm 10 năm ngày hội họp của Hội Nghị Bandoeng năm 1955.

Hội Nghị này thật là một bước ngoặt quan trọng của lịch sử nhân-loại, vì Hội Nghị đó, do Nam Dương triệu tập :

1.— Là một Hội Nghị đầu tiên trên Thế Giới, đã quy tụ riêng được các nước tại Châu Á và Châu Phi tức là các dân tộc da đen và da vàng chứ không có sự tham dự của một nước da trắng nào cả.

2.— Là một Hội Nghị đại diện cho một khối dân số gồm có một tỷ 500 triệu người trên Thế Giới. Những người này, họ đã cảm thấy cái vinh dự tự ý trỗi dậy, tự ý nâng cao liên tục trình độ giác ngộ và khoa học, văn hóa, kỹ thuật, tự ý đoàn kết đấu tranh để tự lãnh nhiệm những vai trò then chốt trên bình diện, Quốc Tế tương xứng với khối nhân lực hùng mạnh nhất Thế Giới và các kho tài nguyên phong phú của đất nước của họ.

3.— Là một cơ cấu đầu tiên và duy nhất đã làm nổi bật các ý chí nhẫn nại, cần cù, song cũng kiên cường, kiên cường bất khuất và sinh động của các dân tộc vẫn bị mệnh danh là « chậm tiến ». Tại Hội Nghị này cũng đã thiết lập được những đề cương chung, cùng nhau cố gắng đoàn kết và hăng say chống đế quốc, chống thực dân mới và đề bảo vệ nền độc lập dân tộc mới thu hồi được nền tự do dân chủ của nước đó.

4.— Là một cơ cấu có tầm quyền duy nhất, đã đề ra được những nguyên tắc căn bản của cuộc chung sống hòa bình, cần thiết lập giữa các nước trên Thế Giới.

**Mấy điểm chính
yếu về
Hội Nghị tại Bandoeng**

A) *Khung cảnh lịch sử của Hội-Nghị.*

Hội Nghị Bandoeng đã nhóm họp ngày 18-4-1955 tức là gần 10 năm sau ngày kết thúc Thế Chiến thứ hai.

Trong lúc đó :

1.— Tổng số các nước mới thu hồi được nền độc lập dân

tộc chưa quan trọng lắm. Tại Phi Châu lúc đó chỉ có các nước sau đây được độc lập. Đó là Ai Cập, Arabie, Séoudite, Libye, Soudan, Ethiopie, Côte d'Ivoire, Libéria. Ngày nay (tháng 4-1965) số quốc gia độc lập đã lên tới 37 quốc gia kể cả Zambie (Bắc Rhodésie) và Gambie là hai nước thứ 36 và 37 được độc lập tại Phi Châu.

2.— Trên Thế Giới chiến thắng Điện Biên Phủ chưa gây được nhiều tiếng vang sâu rộng trong đại chúng của nhiều nước Á Phi, vì lẽ các nước này chưa độc lập thì trách vụ thông tin chưa được xác thực và tự do, sự xuyên tạc và cố tình bưng bít sự thật của các bộ máy chánh quyền còn trong tay các nước thuộc địa.

Và lại lúc đó (4-1955) cuộc di cư từ Bắc Việt vào Nam Việt chưa được kết thúc. Quốc Dân Việt Nam chưa chú ý tới Hội Nghị Bandoeng.

3.— Tại Algérie, cuộc kháng chiến chống Pháp lúc đó chưa được hoàn toàn thắng lợi, nên dân tộc Algérie lúc đó cũng mới chỉ bắt đầu có quan sát viên thông thường tới dự Hội Nghị này thôi. Trong tháng 6-1965 thì lại

chính Algérie tổ chức Hội Nghị lần này tại thủ đô Alger và là một trong các Quốc Gia được đứng lên triệu tập Hội Nghị.

Tại sao thế? Vì ở Phi Châu, cũng như Ethiopie chống nước Ý, Algérie là nước đã có công kháng chiến thực sự chống Pháp để dành quyền độc lập dân tộc. Mà trên đường Quốc Tế, đối với các nước mới trỗi dậy thì dư luận Quốc Tế đã đề cao rất nhiều, các Quốc Gia đã treo gương sáng trong công cuộc kháng chiến anh dũng chống Đế Quốc và thực dân, dựa theo ý chí kiên ngang, kiên quyết và tinh thần chịu đựng gian khổ, tự cường, tự lực cánh sinh, quyết chiến quyết thắng của nhóm người lãnh đạo đã biết động viên được đông đảo quần chúng và khuyến khích quần chúng triệt để tham gia vào cuộc kháng chiến gian khổ này. Tại Algérie chính Ben Bella và chánh phủ kháng chiến Algérie là lãnh tụ và là kết tinh của tinh thần anh dũng bộc phát của dân tộc. Nay chính Ben Bella và Chính Phủ Kháng chiến này được vinh dự đứng lên triệu tập Hội Nghị Bandoeng lần thứ hai.

B) Thái độ của Nga. Mỹ đối với cuộc khai mạc Hội Nghị Bandoeng năm 1955...

Có nhiều nhà văn, nhà báo đã ví ngày khai mạc Hội Nghị Bandoeng (18-4-1955) cũng như là ngày (14-7-1789) tại Pháp, là ngày dân tộc Pháp đã nổi dậy cách mạng để phá thành Bastille ở Ba Lê. Thành này đã tượng trưng cho sự thối nát, áp bức, của những chế độ phong kiến, quan liêu tại Pháp từ trước.

Trong số nhà văn này thì có Ô. Arthur Conte, Chủ Tịch Liên Hiệp Tây Âu từ năm 1960 tới 1962. Ông này là tác giả nhiều tác phẩm về lịch sử cận đại, trong đó có quyển sách đáng chú ý nhất là quyển sách nói về Hội Nghị Yalta. Cũng vì tác phẩm văn chương và khảo cứu này, nên Ô. Arthur Conte đã được giải thưởng Quốc Tế Historia. Hiện nay ông sắp cho xuất bản một tác phẩm mới về Bandoeng.

Vậy theo Ông Arthur Conte thì Hội Nghị Bandoeng là một chỗ rẽ của lịch sử nhân loại, vì Hội Nghị này, cũng như ngày phá vỡ thành Bastille tại Pháp (14-7-1789), đã mở một kỷ

nguyên mới cho lịch sử và khởi mào cho công cuộc chia những mũi rìu chí tử vào thành trì kiên cố của những nước nào còn phong kiến tham nhũng, đế quốc, thực dân mới và cũ trên Thế Giới — người bóc lột người...

Đối với ngày lịch sử vẻ vang đó của các nước đương phát triển, thì Nga và Mỹ là hai nước đã chia đôi Thế giới ở Hội nghị Yalta, nghĩ sao và đã có thái độ gì?

Thật là một điều kỳ lạ...

Trong ngày lịch sử quan trọng của các nước chậm tiến Á Phi đó thì Tổng thống Mỹ, ông Eisenhower đã đi đánh cầu một cách ung dung; còn Ngoại trưởng Dulles thì đã tuyên bố rằng: « Hội nghị này không quan trọng mấy... Họ chỉ họp để bàn suông, rồi lại giải tán một cách hùng hồn thôi... Không hơn không kém... »

Còn các yếu nhân Mỹ khác thì họ đã khôì hài tuyên bố rằng: « Những người Á Phi đã định thiết lập một lực lượng thứ ba... Song một lực lượng thứ ba mà không có lực lượng thì chỉ là một lực lượng trống rỗng... » Thật là một sự

THỦ TÌM HIỂU

khinh miệt đáng kể đối với một Hội nghị có tính cách quan trọng như thế.

Còn Nga-sô ? Nga-sô lúc đó vì những sự mâu thuẫn và những cuộc thanh trừng nội bộ nên cũng đã bỏ rơi Hội nghị này mà không quan tâm đến mấy.

Thật vậy, tại Nga, Staline đã từ trần ngày 5-3-1953. Sau Staline mất đi rồi thì Khrouchchev đã tìm cách chiếm dẫn quyền thế, và cố gắng thanh trừng những phần tử thân Staline để nắm lấy ban Bí thư của Đảng và « bộ máy nhà nước ».

Vì vậy, ngày 14-3-1953 Malenkov đã bị cách chức Bí thư thứ nhất của Đảng, ngày 10-7-1953 thì đến phiên Béria nhận vật thứ hai của Nga-sô cũng bị cách chức và ngày 14-12-1953 thì bị thủ tiêu.

Sau những cuộc thanh trừng đẫm máu khác trong năm 1954, cho tới năm 1955 (tháng 2) Malenkov đã bị loại ở Nga và tại Hung-giá - lợi ngày 18-4-

1955 Hegedis đã thay thế Imre Nagy Thủ tướng.

Tới tháng 2-1956 thì có cuộc Đại Hội Đại Biểu lần thứ 20 của các Đảng Cộng Sản tại Mạc Tư Khoa. Vì bị quá bận về các cuộc thanh trừng nội bộ, Khrouchchev đã không chú ý nhiều tới phong trào mới nổi dậy ở Hội Nghị Bandoeng.

C) Người hoạt động thứ ba trong năm 1955 : Trung Cộng.

Nga Sô đã không được mời vào Hội Nghị Bandoeng vì Nga Sô đã bị liệt kê vào các nước đa trắng, tuy Nga có 2/3 đất đai ở Á Châu.

Như đã ghi ở trên, trong lúc sửa soạn và khai mạc Hội Nghị ngày 18-4-1955 thì Nga Sô không vận động gì cả, vì còn bận về các cuộc tranh chấp quyền hành nội bộ giữa phe đảng của nhà độc tài cũ Staline và nhà độc tài Khrouchchev. Còn Hoa - Kỳ thì không cho Hội Nghị Bandoeng và nhóm các nước mới trỗi dậy là quan trọng, vì Hoa Kỳ đã đứng

THỦ TÌM HIỂU

hàng đầu thế giới về võ khí nguyên tử và cường độ phát triển kinh tế. Thật vậy, trong năm 1955 Hoa-Kỳ có một số vàng dự trữ lên tới 27 tỷ mỹ kim và Hoa Kỳ lúc đó đã cấp viện trợ kinh tế cho nhiều nước trên Thế giới.

Trước hai thái độ lừng khừng và tiêu cực của Nga và Mỹ thì có một nước thứ ba đã hoạt động mạnh mẽ tại Hội Nghị này. Đó là Trung Cộng.

Khi khai mạc Hội Nghị năm 1955 tại Bandoeng, có hai nhân vật được chú ý tới nhất, là thủ tướng Nerhu và thủ tướng Chu Ân Lai.

Vì trong năm năm trước ngày Hội nghị tức là trong năm 1949, Trung cộng đã có thành tích thắng lợi trong công cuộc chế ngự chế độ phong kiến thối nát của Quốc dân đảng, và đường lối chính trị lẫn kinh tế của Trung cộng là tự túc tự

cường, chịu đựng gian khổ đã kháng chiến, xây dựng quốc gia, nên hồi đó ngôi sao của Nerhu đã phải nhường bước dần dần cho Chu Ân Lai. Bởi lẽ đó, phần nhiều các dự thảo nghị quyết về Hội nghị đều do các phái đoàn của Trung cộng đề trình nhất là các nguyên tắc về chung sống hòa bình mà ngày nay các báo chí Á Phi vẫn còn nhắc lại mãi.

Tháng ngày qua... Số các nước độc lập tại Á Phi tăng cường lên nhiều. Trước kia tại Hội nghị có 29 nước được mời trong đó có 3 quốc gia Phi châu độc lập nay đã lên tới 37 nước.

Như vậy, ngày hôm nay, Hội nghị « Bandoeng thứ hai » tức là Hội nghị Alger sắp đến chắc sẽ đem lại nhiều điều thay đáng kể trên vòm trời quốc tế...

* CÓ LẼ HƠN VIỆT NAM THƠ MỘNG NHIỀU

Tính vào cuối năm 1961, dân số Úc (Australie) là 10.604.000 người. Kề ra đó đồng cứ 100 người có 20 xe hơi, 22 máy điện thoại, 60 máy ra-đô, còn dân đô thị thì cả 100 người đều có trăm máy vô tuyến truyền hình.

Dũng midol

1360/BYT/D.P.C.

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

khi anh nhìn

• SONG-HOÀI
(Phú-Yên)

Bên phiên nước thủy-triều
anh ngồi yên ở đó
nhìn cuộc thế tiêu điều
bằng đôi ngươi lửa đỏ

Phổ phường — đồng ruộng xanh
giờ biến thành sa-mạc
dưới khối óc văn minh
của loài người độc ác

Bầy quạ đen bay qua
tiếng kêu gào quái dị
than vãn như hồn ma
khóc bài ca nguyên-thủy

Loài quỷ dữ kiêu căng
vỗ tay cười điên dại
xem những nỗi nhọc-nhăn
mảnh đất nghèo quần-quại

Chúng bàn đến chiến tranh
như rong rêu sỏi đá
xác thân Mẹ tan tành
sao chúng điềm nhiên lạ

Chiều lợt xác vào đêm
những buồn đau chuyển tiếp
còn gì nữa không em
tiếng súng gào đạn thét...

THẾ - GIỚI
BÍ - MẬT
CỦA

ONG VÒ - VÈ

★ Quê-Thanh

MỘT ngày nào đó thuộc về mùa Xuân, Ong Vò Vè đột nhiên xuất hiện bất thình lình và bị tê cứng mình mãi vì ở lâu trong « ngôi nhà » mùa đông của nó. Khi mặt trời sưởi ấm, nó vươn dài những cái chân ra, ban đầu một cái rồi đến những cái khác. Chậm chậm sự tê cứng biến mất và các khớp chân trở lại nhanh nhẹn với nó. Nó có thể còn ở lâu hơn đang lúc mùa đông lạnh ghê gớm còn tồn tại bởi vì nó có khả năng làm giảm bớt sự ẩm ướt chứa đựng trong thân thể nó cho

MỘT
LOẠI SINH
VẬT LÂU
ĐỜI TRƯỚC KHI
LOÀI NGƯỜI
HIỆN DIỆN TRÊN
TRÁI ĐẤT

đến khi cái da màng mỏng của nó khô — vì thế, thân thể của nó không thể bị chết cứng được! Để giúp việc đem lại sức mạnh, nó khẽ đập đôi cánh của nó kêu vù vù, như vậy, có thể đem lại cho nó một ít sức nóng.

Một lát như vậy, Ong Vò Vè bò chậm chạp từ chỗ ở của nó

nơi mảnh võ cây uốn cong to lớn. Nó bắt đầu rung cảm với đời sống mới, với ánh sáng và sự ấm áp của mặt trời mùa xuân. Nó bám chặt cành cây nhỏ làm cái neo và rồi cố gắng với cặp cánh của nó. Nó đã cử động được, dù vẫn còn tê cứng một lát trong việc xếp cánh lại, nhưng cặp cánh này sẽ hoàn toàn cử động được sau khi Ong Vò Vễ đã hấp thụ và sinh sản nhiều sự ấm áp.

Nó nói lững cái « neo » ra và lướt nhẹ vào không khí. Trong khi vài phút sau đó, nó lập tức tìm kiếm hàng xóm của nó trong một vòng bay ngắn. Lúc này nó xuất hiện là một con Ong Vò Vễ mãn nguyện. Tội cho rằng được mãn nguyện đối với sinh vật trở ra ngoài sau một giấc ngủ lâu dài và với một trực giác của bản năng tính và sự ước muốn có tính cách di truyền thành lập một « thuộc địa » mới cho nó.

Trong mùa hè trước, nhiều việc đã xảy ra làm cho sự tồn tại của nó có thể. Nó là một hội viên của đại gia đình đã gia nhập trong nhiều hoạt động cho lương thực công cộng, và tất cả những việc xảy ra cho đại gia đình đó, đã hình thành bản

năng của nó, dự bị cho nó những gì mà nó sẽ làm bây giờ cho mùa hè khác đến.

Gia đình cư ngụ trong một nhánh cây to lớn, chia ra bên trên một con lạch nhỏ, một nơi cư ngụ lý tưởng! Trứng nở của Ong Vò Vễ đã có từ một gian phòng tăm tối, to rộng hơn cái vũng của những đứa em ở dưới nó, những nhân công; thức ăn của nó được cung cấp từ những cái miệng của các chị vú; định mệnh đã ban cho nó đặc ân của một Hoàng Hậu, bởi vậy, là kẻ thu nhận sự dâng tặng, giữ gìn săn sóc kẻ nô lệ. Rồi đến sự quấy rối riêng biệt, sự giải tán tổ ấm, sự giao cấu của một vị nữ hoàng mới và cái chết của người còn lại ở gia đình.

Thời tiết lạnh đã báo cho biết biến cố đó. Cuộc giao cấu không lâu, nhưng vừa đủ cho sự còn lại đời sống của nó. Rồi nó (một con Ong Vò Vễ cái) trong số những nữ hoàng khác, đã tìm chỗ trú ngụ bất cứ chỗ nào ấm áp phía dưới những võ cây! Bây giờ điều đó là bóng mờ quá khứ.

Ở gần một cái ao nước nào đó tỏa ra ánh sáng mờ mờ. Trên những bờ ao đó hơi thở đầu

tiên của mùa xuân đã làm kích thích những cây xanh nhạt, chỗ điềm này Ong Vò Vễ ta đã khởi hành bằng đường thủy. Nó nhẹ nhàng đậu xuống một bãi cát trắng và uống một hơi dài nước trong.

Rồi nó hít thở khí trời cho tươi tỉnh và mạnh mẽ trở lại. Một vài vòng chăm chăm cá, vọt nhanh có đã mang nó đến bên cạnh một lùm chồi nhỏ. Lên tốp đỉnh cái chồi cửa rào, nó hạ xuống, giữ thăng bằng, mau lẹ như bộc lộ một niềm vui.

Do chất mềm nhão trong miệng nó, nó nhai gặm những chần cửa hàng rào mềm dịu, hoặc nhồi cho đến khi chất liệu này gần như là một chất nước có màu hơi xám. Rồi nó trét chất liệu này ở trên phía dưới một cành cây khỏe mạnh theo sức tưởng tượng của nó, làm thành hình dáng và đuổi rộng chất còn dán ra vào một thứ kính ảnh mà nó dính chặt vào thân cây như chính nó là cái võ cây vậy. Nó mê mải công việc này cho đến khi nó như nhỏ dần lại trong một sợi giây thường « giấy » cứng cáp, hoặc trung tâm cái cuống hoa quả. Cái cuống này sẽ là nền tảng cho cái tổ sắp tới của nó. Dĩ nhiên,

nó lại làm một vòng du lịch từ hàng rào để tìm kiếm chất liệu đủ cho công việc.

Công việc của nó thế là giây lát đã xong. Rồi từ điềm này nó bắt đầu tổ chức cơ cấu của tổ ong, (thường có bốn lỗ), tương tự một lỗ cá nhân tìm thấy trong tổ ong, thường ngoại trừ cơ cấu này không đến nỗi hoàn toàn như kỹ hà học nhưng là « giấy » thay vì sáp. Ngay sau khi cái lỗ đầu tiên này xong, nó để lại một trứng trong đó, buộc chặt cái trứng vào cái lỗ với một chất keo dính. Sau hết, bây giờ thì việc gì sẽ xảy ra cho nó? Chắc chắn là một đại diện cho giống giống nó sẽ tiếp tục sinh tồn khi nó qua đời và cứ thế như nước chảy qua cầu.

Sau cùng, những cái trứng bắt đầu nở trong chỗ nằm của nó. Ong Vò Vễ tận tâm để ý những con ấu trùng nòi lên này.

Những con ấu trùng này đối kinh khủng, la hét đòi thức ăn, trong vài cơ hội, ngay đến việc cào bên cạnh cái tổ của nó, giống như những đứa bé đập mạnh đồ chơi của chúng đòi hỏi thức ăn một cách rất là háu ăn. Hình như nó không thể có đủ thức ăn. Chất ăn bở

ONG VÒ VẼ

dưỡng này đến với chúng trong hình thức những viên tròn bao bằng « giấy » hoặc chất keo, mà Ong Vò Vẽ mẹ đã làm từ một con sâu bướm sống nó bắt được, hay ruồi hoặc những côn trùng dễ thương khác, và pha trộn với một loại mật có ở trong nhụy hoa của các thứ cây. Như thế, ong Vò Vẽ nuôi những đứa con đang lớn của nó suốt ngày, và đồng thời hoàn thành chiều dài của mỗi cái lỗ. Nó tiếp tục việc nuôi nấng này cho đến khi những ấu trùng hoặc các cô cậu ấu Ong Vò Vẽ đạt đến một cỡ thích đáng. Rồi nó dán kín chúng ở trong những cái lỗ với giấy mỏng. Đã hoàn tất một chặn đường, nó bắt đầu sửa soạn làm thêm những lỗ khác và để lại nhiều trứng trong đó. Cái tổ — hàng rào giấy — đang lớn, và chúng tổ nhiều việc tiến bộ nó đã làm, càng nhiều trứng nó để lại trong đó, càng nhiều ấu trùng nó nhốt kín trong chiếc nôi xám, và càng nhiều việc tương tự nó sẽ làm. Việc này sẽ không bao giờ chấm dứt sao?

Theo dõi Ong Vò Vẽ ngày nọ qua ngày kia, chẳng bao lâu tôi đã nhận thấy rằng đây

là một sự diễn hình nổi tiếng của mục đích hòa điệu và hợp nhất. Tạo hóa đã làm một việc quá hoàn thiện qua Ong Vò Vẽ. Từ lúc đang bắt đầu khi nó trộn một ít giấy đầu tiên nghiền nhừ ra từ những cồng hàng rào, dự án đã tiến tới trong một đường lối khiến tôi cảm thấy rằng bất cứ sự gì có thể chứng minh là có sức phá phách sự hạnh phúc của đoàn nhóm nó sẽ không có được dịp may xuất đầu lộ diện.

Rồi đến một ngày quang đãng khi các con ấu trùng bắt đầu cắt cái màng giấy dán kín của Ong Vò Vẽ Mẹ, để ra khỏi cái phòng loài bướm đêm của chúng. Chúng bỏ ra ánh sáng của một thế giới hoàn toàn mới lạ đối với chúng. Ong Vò Vẽ ve vuốt chúng. Không đo dự, chúng cuộn những cái chân của chúng một cách hữu hiệu và bắt đầu làm việc. Y như là chúng đã được huấn luyện trước, chúng bắt đầu xây dựng các lỗ tổ và tìm kiếm thực phẩm cho những cái trứng nở.

Trong vòng cái tổ như đã được hạn chế rõ ràng, những luật lệ, mệnh lệnh đã được quan sát và tuân hành. Mỗi hội viên tiếp tục phận sự đặc biệt của nó và nhiều nhu cầu cung cấp

ONG VÒ VẼ

đầy đủ với một loại tự động xác đáng. Đó là một tổ chức lạ thường, mỗi hội viên của mỗi gia đình có một công việc đề thi hành và làm rất cẩn thận. Mọi sự liên kết một cách đẹp đẽ, hiền nhiên, hợp nhất rất hoàn hảo.

Trong tổ chức làm kinh ngạc này, qua một nữ hoàng Ong Vò Vẽ, có một sự nối tiếp đích xác những gì đã xảy ra trong mỗi mùa hè cho việc xây dựng gia đình. Bản năng giống nhau chắc chắn là đã có trong mỗi con Ong Vò Vẽ, và không có gì bị thất lạc hoặc sai khớp được. Sự thật thì Ong Vò Vẽ là một sinh vật phát triển tốt bậc, và loại côn trùng này đã xây dựng đàn nhóm chung của nó lâu đời trước khi con người hiện diện trên trái đất.

Trong tổ chức, những ong Vò vẽ công nhân thì là ở đa số. Chúng tiếp tục nuôi dưỡng những ấu trùng bằng cách đút chúng những viên « kẹo » nhỏ. Trong khi đó, những nữ hộ sinh Ong Vò vẽ chỉ có việc bay

trước lỗ tổ ong, đập cái cánh nó phát ra một tiếng động đặc biệt làm hiệu cho ong con trôi đầu ra và nhận thức ăn.

Trong mùa tới việc làm tuyệt diệu của Ong Vò vẽ đã bị đập không thương xót bởi mùa đông lạnh giá, chúng bị tê cóng và tiến tới chậm chạp, bắt đầu tìm kiếm chỗ trú ngụ từ những cơn gió bất thần lạnh lẽo. Chúng lang thang khắp các ngã đường y như những kẻ lính nạn không nhà cửa. Chúng tìm trú ngụ ở những đường nứt của thân cây ngã, những đồng võ trút xuống thành đồng.

Nhưng chỉ một ít trong đoàn thiên cư vĩ đại có thể tìm ra nơi lánh nạn đó, nơi chúng có thể cầm cự với mùa đông. Nhưng dịp này các nữ hoàng lại sinh sản nhiều và chúng đã sẵn sóc « con cái » một cách cẩn thận. Những đứa con này sẽ lớn lên vào mùa xuân tới, và mỗi đứa phải tìm lấy nơi cư ngụ của nó y như ong Vò vẽ mẹ đã làm.

**midol**

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/BY.T/DPDC.

Một buổi chiều tôi thấy đứa con gái của Ong Vò vẽ đang bò một cách không vững chãi tí nào dọc theo hàng rào. Nó bò một cách chậm chạp đến nỗi mỗi bước của nó là cả một sự cố gắng. Tôi đoán rằng nó đang cố gắng tìm nơi trú ẩn cho mùa đông tới. Tôi thấy thương hại cái đáng bỏ ý của nó và thử giúp nó một tay, vì thế tôi nhấc nó lên một cách cẩn thận. Mặc dù bị cái lạnh giá từ buổi sáng làm trở ngại phần nào, nhưng nó cũng cố gắng tự phòng vệ. Dĩ nhiên, nó không thể biết rằng ý định tốt lành của tôi là chỉ giúp đỡ nó trong lúc khó khăn mà thôi. Tôi tìm một chỗ nơi hàng rào bị gãy nằm dài ra và cào những lá khô mục đã dồn lại đó suốt năm qua, rồi tôi đặt nó trên một chiếc giường khô đoạn bao phủ nó với nhiều lá khô, rồi tôi mang một miếng vỏ cây và phủ qua lá khô, làm như vậy để che gió mưa và sương mù khỏi thấm lạnh vào mình nó.

Khi mùa xuân đến, tôi trở lại chỗ này để xem kết quả ra sao. Nhưng sự giúp đỡ của tôi đã hoài công. Một cái xác cuộn tròn trống bụng như vỏ sò, đó là tất cả sự còn lại

của cô con gái gia đình Ong Vò vẽ. Điều này chứng tỏ nó là một nữ công nhân chứ không phải là một nữ chúa. Chỉ nữ chúa mới có thể tồn tại qua mùa đông buốt giá mà thôi.

Chính Ong Vò vẽ cái là một trong những loại sinh vật mà chúng không tìm kiếm chỗ trú ngụ. Nhưng đối với tôi, sau khi đã tò mò một cách bất lịch sự thì việc quan trọng dường như là tò của nó đã được xây dựng một cách đẹp để công phụ.

Chúng tôi cũng biết rằng Ong vò vẽ hoàn toàn là một loại chịu khó nên nó phải như vậy. Thân thể của nó bóng nhẵn sáng chói và đẹp đẽ như thế, bây giờ mang nhiều vết sẹo, lạng lẹ lo cho công việc mưu sinh của nó. Cánh nó cũng vậy, hơn một lần gọn đẹp và có màu ngũ sắc lấp lánh trong ánh mặt trời, giờ đây đã sần sùi, rách tan từng mảnh, mỏng hơn xưa và bị móp méo nữa. Chỗ trú ngụ chỉ là một công việc nhỏ nhoi của nó. Nó đã phụ thuộc sự cho mục đích của nó. Dù sao, nó cũng sẽ chết. Và vì vậy tôi, có thể sẵn sàng chấp nhận việc này với triết lý tự

phụ, không thể tránh khỏi sự ngạc nhiên, nhận định được giờ phút cuối cùng đáng sợ của nó.

Trên cánh cổng rào, chiếc tò vĩ đại của Ong Vò Vẽ đã nhào xuống trong ánh hoàng hôn của một ngày hiem hoi đối với nó trên mặt đất. Ở bên kia cánh cổng, những sự việc vẫn không thay đổi. Vẫn những hòn đá, cành cây, giòong suối chảy trong veo tương tự, giấy hàng rào cũ kỹ ở đầu ngõ. Sau đó một lúc, râu của nó khô héo rồi một sự run rẩy rung động thân thể trống không của nó, và lúc bấy giờ chính là sự chết đến với nó.



★ QUÁ LO XA

Bà Huân-tước Uzès là người đàn bà đầu tiên được cấp bằng lái xe. Thời ấy mảnh bằng còn gọi là : « Bảng lưu thông bằng xe chạy đầu lửa. »

Khi được tin này, vào ngày 9-5-1898, giới « nam nhi chí chí » nào động cả lên... Tin động trời làm họ vô cùng lo ngại, hơn cả khi nghe tin người đàn bà đầu tiên đồ bằng tú tài nữa... Lo ngại vì từ nay họ cho rằng quyền ăn trên ngồi trốc ; nam ngoại nội ; nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô của họ sẽ bị mai một.

Nhưng nó đã để lại trên cành cây trong rừng hoặc một nơi nào đó một công thức làm giấy cho con người.

Ong Vò-vẽ, một sinh vật không có xương sống, có khả năng nghiền gỗ nát như bột, trộn lẫn với những chất hóa học có trong thân thể nó đã sản xuất ra giấy. Và ngày nay, giấy là một kỹ nghệ quan trọng đã đóng góp một phần to lớn trong nền văn minh của nhân loại, và chính là con người đã học ở kỹ thuật sản xuất giấy tài tình của Ong Vò-vẽ vậy !





★ Nguyễn-Vỹ

(tiếp theo P.T. 151)

CUỘC « Tiểu thư đi bộ » chỉ gây được một tiếng vang hời hợt, chứ không có ảnh hưởng gì đến đời sống của các cô gái được gọi là « Tiểu thư tân thời ». Tuần theo sát các phong trào của thời đại, nhận xét rằng danh từ « Tiểu thư » có ý nghĩa rõ rệt là chỉ có các thiếu nữ con nhà khuê các, phần nhiều là con các quan, hoặc con nhà giàu, mới tham gia các phong trào lãng mạn mới này nọ, sốt sắng theo các cải cách tân thời về y phục (kiểu áo mới, giày cao gót, v.v...)

Hầu hết con gái bình dân và trung lưu đều trung thành với nề nếp nho phong cổ cụ.

Đồng thời ở Khâm Thiên, ngoại ô Hà Nội, Tuần thấy mở ra hai tiệm khiêu vũ đầu tiên, do hai thanh niên du học ở Pháp mới về. Một tiệm do người em của cô Đốc-Sao làm chủ, tên là Vũ-đình-Hải, và một tiệm do một chàng có cái tên « lãng mạn » là Jean Dod Khang. Những vũ nữ đầu tiên của hai tiệm này phần nhiều là các cô ả-dào.

Hai tiệm « Nhảy đầm » vừa mở ra, lôi kéo được một số công

TUẦN, CHÀNG TRAI

chức làm thông phán ở Phủ Thống-sứ, hoặc ở các công sở khác, phần nhiều là những ông ăn lương cao và chưa có vợ. Giới giáo sư và sinh viên chưa muốn đến các nơi này, trừ những người đã du học ở Pháp về.

Các báo mở ra một trận bút chiến khá sôi nổi chung quanh đề tài : « Người Việt-Nam có nên khiêu vũ không ? » Một số dư luận đông đảo đều kịch liệt công kích môn nhảy đầm. Trái lại, có những bài rất tán thành khiêu vũ, và tác giả đã viện ra những lý do về nghệ thuật, thí dụ như đó là một môn giải trí tao nhã của văn minh Tây-phương.

Đại đa số Sinh-viên, học-sinh, đều công-kích khiêu-vũ, nhưng dần dần chính nhiều cậu sinh-viên đã công-kích hăng nhất lại bị lôi cuốn mau nhất bởi cái mà trước kia họ cho là đồi phong bại tục.

Tuần là một trong số Sinh viên « muốn tập nhảy đầm thử xem sao », và Tuần đã thường đi nhảy những bản fox-trot, tango, valse, cùng vài người bạn, trong những tối chủ-nhật.

Phong-trào khiêu vũ bị công kích mỗi ngày mỗi kịch liệt, nhưng nó vẫn lan tràn mỗi ngày

mỗi mạnh trong giới thanh niên trường thành từ 21, 22 tuổi đến 40 tuổi.

Tuần nhận thấy rằng trong một vài năm đầu, vũ nữ toàn là những cô ả-dào hoặc những « cô gái làng chơi ». Giới nữ sinh dù là phái « Tiểu-thư tân-thời », vẫn còn tránh xa các vũ-trường, và thành kiến « khiêu vũ là bất lương », là « đồi phong bại tục » vẫn còn ăn sâu trong quan niệm của phụ-nữ Hà-nội thời bấy giờ.

Tuy nhiên, các cô đã bắt đầu say mê « âm nhạc cải cách », danh từ rất thông dụng để chỉ về tân nhạc, theo điệu những bài hát tây. Tài tử ca sĩ Pháp được các giới thanh niên nam nữ, nhất là nữ, mê nhất lúc bấy giờ là Tino Rossi. Khắp các thành phố Hà-nội, Nam Định, Hải-phòng, và sau đó tràn lan vào Huế, Sài-gòn, Mỹ-tho, Cần-thơ, các thành phố lớn có đông các cô « tiểu thư tân thời », các bài hát của Tino Rossi được phổ biến rất nhanh. Ở Hà-nội, đi đường nào Tuần cũng nghe các cô hát những bài *J'ai deux amours, mon pays et Paris, Je t'aimerais toujours, C'est à Capri que je l'ai rencontrée, v.v...*

Và một hôm, Tuần được một cô bạn học cùng lớp đưa đến một

căn gác trọ ở đường Rue des Vermicelles, nơi tụ-hợp của «Hội Ái Tino» gồm toàn các nữ-sinh «yêu» Tino Rossi, thờ Tino như một thần tượng. Các cô nhóm họp mỗi tuần một lần, tối chủ nhật để hát những bản của Tino Rossi, dưới một bức ảnh của Tino rồi lớn và lồng kính, đóng khung vàng. Tuấn được các cô cho biết rằng «Hội Ái Tino» không nhận hội viên đàn ông con trai, vì các cô chỉ «thờ» người đàn ông duy nhất là thần tượng của họ.

Số hội viên «hội Ái Tino» không quá 20 người. Tuấn được giới thiệu đến đây là một trường hợp đặc biệt, nhưng không được nhận vào Club (Thường các cô gọi bằng tiếng Pháp là Club Ái-Tino). Và lại, Tuấn không thích hát và cũng không phải là một «admirateur» của Tino Rossi.

Quyền tiểu thuyết «*José*» của Song An Hoàng ngọc Phách đã mất thời gian tính và đã bị các phong trào lãng mạn mới vượt qua. Tiểu thuyết bán chạy nhất trong thời kỳ này, 1930-1932 là quyền «*Tuyết Hồng Lệ Sĩ*» dịch của Tàu, và quyền «*Mồ cô Phượng*» mà Tuấn không nhớ tên tác giả.



Tuấn có một người bạn thân

quê ở Quảng-Nam, anh Phan Thanh, nguyên là trợ giáo (instituteur) giấy tại trường Thăng Long ở góc phố Hàng Cốt (Rue Takou) và phố cửa Bắc (Boulevard Carnot). Một trường Cao-Đẳng tiểu học gi thi «diplôme d'Études primaires Supérieures (1)» lớn nhất ở Hà-Nội. Phan Thanh giới thiệu Tuấn vào dạy trường này Tuấn dạy mỗi tuần 2 giờ Pháp văn ở lớp đệ nhị niên và 1 giờ ở Đệ nhất niên. Tuấn mặc bộ đồ Tây xấu xí bằng vải nội hóa, bị học trò chế nhạo là «Thầy giáo nhà quê». Tuấn lại có thói hút thuốc méliá nhiều quá, nên bị học trò đặt cho cái tên riêng là «Monsieur Méliá». Nhưng từ hôm chàng giảng cho học trò bài Lecture «Le petit Gavroche» trích trong bộ *Les Misérables* của Victor Hugo học trò hết chế nhạo Tuấn và trái lại thương Tuấn lắm.

Dân chúng Hà-Nội lúc bấy giờ đang bàn tán xôn xao về vụ một ông Phan sở hữu điện ngoại tình với một bà giáo sư, vợ của một ông Phan cùng sở, bạn thân của ông. Những chuyện «bạn và vợ» không phải là hiếm ở xã hội Việt nam bất cứ ở thời đại nào.

(1) Ngày nay là Trung Học Đệ Nhất cấp.

nhưng vụ «Th-Kh-Th.» sở dĩ gây ra dư luận vô cùng sôi nổi không riêng ở Hà-nội, mà cả xứ Bắc-kỳ, là vì bộ ba này là những nhân vật cao cấp trong hành chánh, mà người đàn bà ngoại tình lại rất có tiếng trong giới trí thức nữ lưu. Người chồng bắt được quả tang đôi gian phu dâm phụ trong một tòa nhà ở miền duyên hải. Do đó, vụ tai tiếng nổ bùng ra, làm rùm beng, gây vang dội khắp các giới trong xã hội.

Ngay trước cửa trường Thăng Long, có một nhà cho thuê xe đám ma, chủ nhân tên là Louis Chức (2). Muốn lợi-dụng cơ hội đề quảng - cáo cho cơ - sở của ông, Louis Chức bèn tổ chức một cuộc biểu diễn khắp thành phố Hà-nội một hoạt-cảnh đề đả kích vụ ngoại tình «bạn và vợ» trên kia. Đề tài của

cuộc biểu diễn là «Voi dầy ngựa xé», mà ông chủ nhà cho thuê xe đám ma thực hiện bằng cách buộc nơi bốn chân của con ngựa của ông cái hình nộm đôi gian-phu dâm phụ. Con ngựa bước đi là cái hình nộm đó bị xé ra tơi bời. Dân chúng các đường phố đổ xô ra xem cảnh «Voi dầy người xé» của Louis Chức, mặt sát đôi gian dâm của giới thượng lưu trí thức Hà thành. Học trò lớp Pháp - văn Đệ nhị niên của Tuấn xin Tuấn cho làm một bài luận về đề tài thời sự hấp dẫn đó. Một dịp đề đám học sinh 16, 17 tuổi đua nhau mặt sát vụ «đôi phong bại tục» và đề cao tinh thần luân-lý Á-đông.

(còn nữa)

(2) Ông này thời Việt-Minh tên là Lưu-Chức.



★ VÔ DỊCH ỚNG ĐIỀU VÔ

Ông Jeffrey Strafford ở tiểu ban Virginie đã ngâm ống tiêu thuốc trong 85 phút 28 giây. Không rời một giây lát nào. Ông được xem là vô địch. Người đứng đầu thế giới trước ông về «khoa» này đã hút liên tiếp trong 68 phút 22 giây.



ĐƯỜNG ĐỘC ĐẠO

*Đôi mắt Trâm ngược lên... Thời gian
dường như ngừng hẳn lại. Trâm không nhìn
thấy những vì sao trên trời nữa.*

● Truyện ngắn Văn - Sơn

HÀNG HÔN. Một cánh chim hải âu bay trong bóng
tối nhập nhoạng. Trâm đi sát vào người yêu hơn. Nàng rùng
mình nói khẽ:

— Anh trông kìa, cánh chim kia cô đơn đáng thương quá.

Huy âu yếm nắm chặt tay Trâm không nói. Cái nắm tay và sự
lặng bao hàm biết bao ý nghĩa. Trâm cảm thấy lòng ấm lại, dù rằng
hình ảnh cánh chim lạc lõng đã mang lại cho nàng những ý nghĩ bi
quan. Nếu mai này vì một lý do nào đó mà nàng phải xa Huy, thì số
phận nàng cũng có hơn gì cánh chim đó đâu. Huy như nhìn thấy rõ
những tư tưởng thầm kín trong óc Trâm, chàng nói khẽ:

— Chúng mình sẽ không bao giờ phải cô đơn như thế cả. Anh
nghĩ rằng càng sống gió bao nhiêu thì chúng mình chỉ càng yêu nhau
thêm bấy nhiêu. Trước mắt chúng ta chỉ có con đường độc đạo,
không lối rẽ. Chỉ tiến chứ không thể lùi. Em có nghĩ như anh không?

ĐƯỜNG ĐỘC ĐẠO

Đến lượt Trâm không nói, những ngón tay thon thon của nàng
đan quện vào những ngón tay Huy. Mười ngón tay âu yếm, từng đôi
một, thủ thủ. Bất giác, Trâm nhớ đến những ngày trước. Tình yêu
đến với nàng và Huy nhẹ nhẹ, ngan ngát như hương thơm của một
đóa hồng ban sáng. Không giống như nhiều người khác, tình yêu đến
như một tiếng sét. Trâm đã yêu Huy trầm lặng nhưng vô cùng tha
thiết. Tư cách của Huy, những hành động tế nhị, những nụ cười kín
đáo của chàng đã làm Trâm mến và yêu. Huy không có những lời nó
sống sượng, những cử chỉ bất nhã, hoặc những cái nhìn trộm không
trương thiện. Lần gặp nhau đầu tiên, Trâm còn nhớ rõ lắm, đôi mắt
Huy sáng lên một cách rực rỡ khi nhìn nàng. Đôi mắt trang nghiêm lạ.
Mỗi khi nói chuyện, Huy đều nhìn thẳng vào mắt nàng, hành động ấy
đã đem lại cho Trâm một nhận xét: sự thẳng thắn của con người
bao giờ cũng thể hiện qua ánh mắt. Trâm đã từng gặp biết bao chàng
trai nhìn trộm nàng, nhưng đến khi nàng bắt gặp ánh mắt của
họ thì họ đều lúng túng hoặc trốn tránh như kẻ có tội
lợi. Ngắm một người con gái đẹp đâu có phải là chuyện
xấu, nhưng sự trốn tránh, lúng túng vì có ẩn ý
ấy chính là một bằng chứng rõ rệt tố cáo những ý tưởng xấu của họ.
Mãi về sau này, khi yêu nhau rồi, Trâm mới biết rằng Huy đã yêu
nàng qua ánh mắt thẳng thắn có được chút nghiêm nghị làm kẻ nhìn
phải kính nể. Đôi mắt là cửa sổ tâm hồn đồng thời cũng là chiếc chìa
khóa mở cửa tòa lâu đài tình yêu của nàng và Huy.

Huy vẫn thường bảo Trâm rằng:

— Tính e lệ của người con gái là cần thiết, song những ánh mắt
e lệ và những ánh mắt kém thẳng thắn khác xa nhau. Anh không ưa
những kẻ nào khi nói chuyện không dám nhìn thẳng vào mắt nhau.
Đôi mắt là phản ảnh của tâm hồn, người có tâm hồn tốt thì ánh mắt
bao giờ cũng quang minh, trong sáng. Anh yêu Trâm không phải là vì
đôi mắt đẹp với làn mi cong vút, nhưng chính vì đôi mắt ấy đã phản
ảnh trung thực tâm hồn đẹp và cao quý của Trâm.

Nhìn vào mắt Huy, nhiều khi Trâm đã hiểu được một ý định
của người yêu, dù Huy chưa nói nên lời. Đôi khi để thử xem những
dự đoán của mình có đúng không. Trâm đã lấy tay bịt mồm Huy lại

không cho chàng nói đề tranh lấy nói trước, và kết quả nàng đã không nói sai là mấy. Mỗi khi đoán đúng ý định của nhau, Huy và Trâm đều sung sướng và càng thấy yêu nhau nhiều hơn lên.

Một cánh chim bay vút qua ngang mặt hai người. Trời đã tối hẳn. Trâm đang nghĩ ngợi, giật mình hoảng hốt :

— Lại một cánh chim nữa. Có phải là cánh chim lúc nãy không anh ?

Không nhìn rõ nhưng Huy chậm rãi, giọng tin tưởng :

— Anh không phải là cánh chim lúc nãy đâu. Có lẽ con chim này đi tìm con chim trước đây. Em có nghĩ rằng chúng nó đang lạc nhau và đang đi tìm nhau như anh không Trâm ?

Trâm dụi đầu vào má người yêu :

— Em cũng đang nghĩ như anh, và em còn nghĩ thêm rằng thế nào rồi chúng nó cũng tìm thấy nhau để đi vào tổ ấm.

Qua những câu trả lời tế nhị của người yêu, Huy cảm thấy rõ rằng ở đời này mọi cuộc tình duyên dù éo le ngang trái, trắc trở đến đâu cũng không làm cho con người đáng đau khổ bằng không có tình yêu. Điều quan trọng hơn cả là những kẻ yêu nhau có thực tình sống chết với nhau hay không mà thôi. Tình yêu chân thành bao giờ cũng an ủi được tất cả. Huy có thể chịu đựng được mọi cực hình, nhưng đời chàng không thể thiếu Trâm. Một sợi giây vô hình thiêng liêng của tình cảm đã nối liền cuộc đời chàng và Trâm từ lúc nào chàng cũng không biết rõ nữa.

Những vì sao đã mọc đầy bầu trời, lấp lánh. Dưới ánh sáng yếu ớt, con đường Huy và Trâm đang đi như biến thành một thảm nhung êm mượt. Con đường dài quá và thẳng tắp, xa vô tận.

Trâm có vẻ lo lắng:

— Sao mãi chưa tới bờ anh ? Có lẽ chúng mình lạc đường rồi cũng nên.

Huy quàng tay qua vai Trâm:

— Đường là đường độc đạo thì chúng mình lạc làm sao được hở Em? Dù đi nhanh, đi chậm hay gần hoặc xa thì rồi cũng đến đích.

Thấp thoáng xa xa có một ánh đèn le lói, Huy chỉ tay vào ánh đèn ấy:

— Có lẽ đích kia rồi em nhỉ ?

Trâm gật đầu. Nàng ngẩng lên nhìn bầu trời rộng đầy sao. Trời sắp vào Thu, sắp tháng Tám, nên giòng sông Ngân Hà đã bắt đầu xuất hiện. Con thỏ ngọc mờ mờ ẩn hiện sau sợi mây lụa thừa nằm vắt ngang bờ sông bên này sang bờ sông bên kia. Trong những sợi mây ấy, Trâm nhìn thấy loáng thoáng bóng một người con trai và một người con gái. Mỗi người ngồi một bên bờ sông. Người con gái khóc và người con trai cũng khóc. Giòng sông vẫn lạnh lùng trôi. Bất giác, Trâm có một ý nghĩ lạ: nếu Trâm là Chức Nữ như cô gái ấy thì nhất định Trâm sẽ chẳng chịu ngồi khóc như thế. Trâm sẽ dục Ngưu Lang bám lấy những sợi mây vắt ngang sông, rồi hai đứa trườn sang nhau, đến bao giờ gặp nhau thì thôi.

Thấy người yêu chăm chú nhìn lên, Huy hỏi:

— Em nhìn gì mà chăm chú thế ?

— Em đang nhìn xem Ngưu Lang, Chức Nữ đang làm gì trên sông Ngân-Hà để được gần nhau. Nhưng họ vẫn dờ dờ phải xa nhau anh ạ. Giòng sông nhỏ bé bằng một gan tay thế kia mà vẫn mãi mãi chia cách được họ. Làm sao mà họ không vượt được qua anh nhỉ ?

Huy hiểu ý Trâm, chàng bẹo má Trâm khẽ nói:

— Em của anh lại sắp nghĩ vẩn vơ gì rồi. Tại sao ấy à? Anh trả lời Trâm nghe nhé: vì Ngưu Lang, Chức Nữ không phải là Anh và Trâm. Nếu họ là anh và Trâm, thì sợi mây kia sẽ biến thành một chiếc cầu vô cùng chắc chắn.

Dưới ánh sao mờ mờ, đôi mắt Trâm ngược lên nhìn Huy, đôi mắt dường như lóng lánh lệ. Huy dừng lại, bàn tay chàng nhẹ nâng cằm Trâm lên:

— Trâm, tại sao em lại khóc ?

Trâm nói như trong mơ:

— Em khóc vì sung sướng quá anh ạ. Phải rồi anh nhỉ, nếu họ là chúng mình thì chẳng bao giờ họ tuyệt vọng khổ sở như thế.

Huy cúi xuống, đôi mắt Trâm ngược lên. Thời gian dường như ngừng hẳn lại. Trâm không thấy những vì sao trên nền trời nữa, nàng chỉ thấy đôi mắt đầy tình yêu của Huy. Và Huy cũng vậy, chàng thấy tất cả những vì sao trên nền trời như bấn đầu mất hết, chỉ còn lại

hai vì sao sáng chói. Hai vì sao ấy chỉ là của riêng chàng : đôi mắt đẹp của Trâm.

Có tiếng chim bay vút ngang qua. Trâm giật mình, thảng thốt :

— Cái gì thế anh ?

Huy chỉ theo bóng đôi chim vừa bay qua, giọng chàng mừng rỡ :

— Trâm, Trâm, em có nhìn thấy bóng đôi chim không ?

Trâm vội vã :

— Có, đúng là đôi chim lúc nãy đi tìm nhau phải không anh ?

Chúng nó đã tìm thấy nhau đấy anh nhỉ ?

Huy mỉm cười :

— Anh cũng nghĩ như em và anh còn nghĩ thêm rằng chúng nó đang mãi miết bay về tổ ấm đấy em ạ.

Trâm áp má vào má người yêu. Hai người đi nhau đi. Dưới ánh sao, hai chiếc bóng chập lăm một tiến nhanh trên đường độc đạo...



★ AN MÀY THỜI DÂN CHỦ

Một chú ăn xin đến trước hàng rào sắt biệt thự nọ, và xin bà chủ có mặt tại đó, mấy bộ áo quần cũ.

Bà chủ bảo đợi, mấy phút sau đi ra, với một chiếc quần cũ đưa cho anh ta :

— Đây ông ! tội nghiệp ông ! Hãy lấy cái này, sửa lại chút đỉnh thôi. Độ nửa giờ là xem như đồ lành...

— Không ngại gì, thưa bà ! Bà cứ làm hộ, chiều nay tôi trở lại lấy cũng được.



trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1350/547/DPDC



THẦN THOAI

HY - LAP

LÀ - MÃ

★ Đàm-quang-Thiện

• Cái chết của Hector

NHỮNG người Hy-lạp, dưới sự điều khiển của Achille, say sưa tiến ra trận. Quân sỹ Troie cũng sửa soạn để công phá hàng ngũ địch, nhưng khi họ trông thấy Achille mang bộ binh giáp sáng loáng với một cái mộc chói lọi như mặt trời, họ rùng mình run sợ. Quả thật, vị anh hùng đó trong sự hăng hái gặp Hector để trả thù cho bạn, trông hùng dũng như vị thần chiến tranh Arès vậy. Trước hết Enée xông ra nghênh chiến với Achille. Hắn ném ngọn giáo vào mộc của chàng. Hoàng đồng của mộc ngân vang lên nhưng cả bầy lá của nó đều không bị thủng chút nào. Achille đâm trả

một nhát. Enée vội cúi xuống tránh khỏi thì lưỡi dao bay vút qua lưng chàng cắm phập xuống đất. Achille rút mũi giáo lên định đâm nữa, nhưng Poséidon làm phép cứu Enée đem đi. Achille ngạc nhiên và tức giận về sự biến mất đó, liền xông vào đoàn quân Troie mà chém giết. Lúc chàng đi qua mặt Polydore, người con út và quý nhất của Priam, chàng bèn đâm chết anh ta. Hektor thấy em bị giết liền tiến lại. Trông thấy kẻ thù, Achille gầm lên và nhảy xổ vào đâm. Nhưng ba lần như vậy chàng chỉ đâm vào đám mây mà Apollon dùng để che chở cho Hector. Tức giận chàng hét lên : « Quân cầu trệ, tuy mi thoát khỏi lần này, nhưng ta sẽ lại bắt mi một lần

khác Bây giờ tahây giết hết những đứa nào vô phúc gặp phải ta». Lời nói đi đôi với việc làm, chàng đi đến đâu máu chảy thịt rơi đến đó. Ngựa của chàng đầy xéo lên không biết bao nhiêu xác chết. Những bánh xe của chàng nghiêng không biết bao nhiêu là mũ và mộc. Quân đội Troie kinh sợ vô cùng. Một số chạy trốn về Ilion, còn một số khác bị Achille đuổi dồn về bờ sông Scamandre. Ở đó bị quân Hy Lạp tấn công họ xô chạy xuống sông chết đuối không biết bao nhiêu mà kể. Đền ngọn giáo trên đường, chàng rút đoản kiếm xuống bờ sông chém giết quân thù. Mặt nước đỏ ối những máu. Sau chàng chọn trong bọn địch mười hai chiến sĩ thuộc vào các dòng họ cao quý nhất của Troie. Chàng kéo họ lên trời dật cánh khuỷu lại rồi giao cho người cẩn thận đem về để làm lễ tế Patrocle. Xong chàng lại tiếp tục chém giết một hồi. Chàng định lội qua sông Scamandre sang bờ bên kia đuổi theo quân Troie. Nhưng sóng thần Scamandre

muốn cứu Ilion nên dâng nước tràn qua bờ. Achille sợ bị dòng nước cuốn đi bèn nắm lấy một cây du mộc cạnh bờ. Cây đó bị kéo mạnh, bật rễ lên nằm chắn ngang sông như một cái cầu. Achille trèo qua cây sang bên kia sông đuổi theo quân Troie đến tận cổng thành.

Priam đứng trên cao trông thấy thế, vội xuống bảo quân sỹ gác cổng, mở ra cho bọn Troiens chạy vào rồi đóng lại ngay, để giữ không cho Achille vào theo.

Achille nhất định không rời khỏi thành Troie. Apollon phải đến hóa thành một tướng Troie trẻ tuổi tên là Agénor đến dừ cho Achille đuổi theo rồi đánh lạc đường của chàng. Trong khi đó, quân sỹ Troie chạy trốn cả vào thành. Mặc dầu quân Hy Lạp kéo đến nhiều, Hector đứng trước các cửa Scées nhất định không chịu vào Ilion. Achille sau khi biết mình bị lừa lại, tiến về phía cửa Scées. Ông già Priam trông thấy vội kêu nài Hector trở vào thành. Ông nói : « Con

ơi, con không nên đứng một mình xa quân đội, vì Achille sẽ hại con. Con hãy nghĩ đến cha, hãy trông mái tóc bạc trắng này đang cần nương tựa vào con. » Nhưng lời nói của ông đâu có lay chuyển nổi lòng Hector. Trong khi đó, Achille đã tiến đến gần. Mũ của chàng lóng lánh như mũ của Arès. Tay chàng cầm ngọn giáo bằng gỗ tần bì và cái mộc của chàng chói lọi dưới ánh sáng mặt trời. Trông thấy vị anh hùng đường đường như một thiên thần đó, Hector tự nhiên thấy sợ rồi quay đầu chạy trốn. Họ đuổi nhau chạy vòng quanh thành Troie ba lần. Đến lần thứ tư, Hector mệt quá, dừng lại. Achille vội tiến đến lao ngọn giáo vào mình kẻ thù. Hector cúi xuống tránh được và đánh trả lại Achille. Vì nhát giáo đó chỉ trúng vào mộc mà không có kết quả gì nên Hec-

tor chạy quanh Achille để tìm cách giết chàng. Còn Achille ngấm ngấm xem người Hector có chỗ nào hở, không có áo giáp che, xong liền đâm một nhát suốt bên này sang bên kia cổ của kẻ thù. Hector gục xuống. Achille vội lột lấy binh giáp của chàng, cắt gân chân chàng rồi lấy giây xâu vào để buộc vào sau xe của mình. Khi Priam trông thấy xác con bị xe ngựa lôi đi như vậy, ông vật mình than khóc. Toàn thể thành Troie cũng đau buồn theo ông. Những tiếng kêu than đó đến tai Andromaque. Nàng đang dệt trong nhà chột nghe tiếng rên khóc. Linh tính như báo cho nàng một tin dữ dội. Thoi trong tay nàng rơi xuống. Nàng đứng dậy, chạy lên thành xem và khi trông thấy trong đám bụi mù xác chồng bị lôi kéo đi, nàng gục xuống mà ngất đi.

★ DANH NGÔN

Nếu anh muốn biết giá trị của đồng bạc, hãy đi vay thử một chuyen xem.

(Si vous voulez connaître le prix de l'argent, cherchez donc à en emprunter).

Franklin

Dũng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/B.Y.T./D.P.D.C.

mùa hè *



Như một nàng tiên nhỏ
Mang tâm hồn trắng trong
Một mái trường nắng đỏ
Đôi mắt buồn mênh mông

Buổi chiều se-sẻ nhủ
Sáng mai này mùa hè
Những bàn tay nhỏ vẫy
Giòng lệ thầm vượt ve

thiếu nữ * *

Đóa hoa vừa hé nụ
Dập vùi trong mưa mai
Tháng năm nào quên được
Những nỗi niềm u - hoài !

★ PHƯƠNG-DUYÊN

TÂN NHẠC VIỆT ĐI VỀ ĐÂU?

● Những cái-
thầu tân - nhạc ;
Họ là ai ?
Thành phần
nào, đã cấu-kết đề
mưu cầu tư lợi ;
Và ở đâu ?

* Duy-Sinh

TRONG bài trước chúng
tôi đã nhận định qua về
hiện trạng tân nhạc Việt.
Trong phạm vi bài này, chúng
tôi tiếp tục phân tách nguyên
nhân gây nên tình trạng sa lầy
trầm trọng của ngành tân nhạc
Việt.

Sự bất lực của nghệ sĩ sáng tác trước đời sống

Chưa bao giờ chúng ta trải
qua một khoảng đời sống phức
tạp sinh động và căng thẳng
như ngày nay. Những biến
chuyển đầy khổ đau và nước
mắt của đất nước hôm
nay, đáng lý ra đã mang
lại cho người nghệ sĩ sáng tác
thật nhiều đề tài giá trị. Nhưng
sự thật mâu thuẫn, trái ngược
khiến chúng ta phải suy ngẫm
là đa số nghệ sĩ sáng tác lâm
vào ngõ bí, khô cạn đề tài.
Sinh hoạt sáng tác hầu như
ngưng đọng. Nói như vậy sẽ
có nhiều người cho là phi
lý : tại sao dám nói sinh hoạt
sáng tác ngưng đọng, trong
khi có rất nhiều « sáng tác
phẩm », ra đời ? Sở dĩ dám nói
như vậy, vì tôi phủ nhận những
« sáng tác phẩm thương mại »
của chợ nhạc hiện tại. Hầu
hết những « sáng tác phẩm »
đó không nói lên được tiếng

TÂN NHẠC

nói nào trong muôn vàn bản khoán, khắc khoải, đau đớn của đời sống. Nó thực sự xa lìa tâm sự của con người. Nó chỉ là sản phẩm của những tâm hồn lơ lửng, khô cạn, giả tạo đến kịch cỡm.

Đa số nghệ sĩ sáng tác tân nhạc đã bỏ quên nguồn rung động chân thành, để chạy theo thị hiếu giai đoạn thấp hèn. Hết dịch « dân ca mambo, boléro » tiếp đến dịch truyện ca vì truyện ca là một món hàng thời trang ăn khách.

Người nghệ sĩ sáng tác đã cô quên những tiếng súng vọng về rất gần trong đêm; đã không bao giờ có dịp nhìn thấy rừng cánh đồng xác người sau mỗi chiến dịch. Người nghệ sĩ sáng tác cũng cô ý làm lơ những cáo phó hàng ngày đăng trên mặt báo, để ngủ yên trong giấc mơ ảo tưởng. Đau khổ, bản khoán là chất liệu quý giá, là men ươm tác phẩm. Chất liệu đó không thể tìm thấy trong những ca

khúc hôm nay. Do đó, trong sinh hoạt hiện tại đa số nghệ sĩ sáng tác đã vắng mặt.

Họ ở đâu? Họ trốn trú ở chỗ nào, khi đời sống cần đến họ? Họ làm công việc gì khi những tâm hồn cô độc, khổ đau ở khắp các chiến trường, đang cần tới nguồn an ủi do họ mang tới?

Những công ty tội ác tân nhạc

Một sự thật mà những ai ở trong làng tân nhạc hay lưu tâm tới ngành này, đều thấy rõ là hiện tại có những « công ty tội ác tân nhạc » đang hoành hành, lũng đoạn ngành này. Những công ty đó do những cai thầu tân nhạc, lớp nhạc sĩ có biệt tài xoay sở, vận động cầu kết với các thành phần quân chánh dân chính có quyền đề hoạt động mưu cầu tư lợi. Chúng liên lạc chặt chẽ với các hãng đĩa, các nhà xuất bản, các viên chức đài phát thanh để thường xuyên liên tục phổ biến, cô

TÂN NHẠC

động quảng cáo cho bài bản của chúng. Những nhạc sĩ nào không ở trong tổ chức của chúng, thì kể như vô phương mọc mũi sủi tăm, vì không làm cách nào phổ biến nổi ca khúc của mình.



Sự trạng này ai cũng biết nhưng chưa thể có phương thức hữu hiệu để thanh toán. Căn bệnh phe đảng, cai thầu tân nhạc cũng khó giải quyết không kém nạn chợ đen vé số. Những ung nhọt đó vẫn tự do phát triển trên cơ thể làng tân nhạc.

Tân nhạc Việt đi về đâu?

Chúng ta đều biết rằng ca nhạc là một món ăn tinh thần

thiết yếu cho đời sống. Tiếng nói của thanh âm có tác dụng làm người bình sĩ phần khởi, quên đi phần nào những gian lao trong nhiệm vụ. Một giọng nhạc tươi đẹp làm thăng hoa đời sống, làm cho người nghe quên đi những phiền muộn, ray rứt. Do đó, nhạc không phải là một thứ xa xỉ phẩm, một thứ đồ trang sức của con người mà là một nhu cầu không có không được của đời sống. Nó cần thiết như cơm ăn, nước uống và khí trời.

Tại hại thay những món ăn tinh thần được gọi là sáng tác phẩm ca nhạc truyền bá trên môi người ca sĩ qua làn sóng điện, qua sóng vi âm lại là những món ăn có tầm thuộc độc. Thay vì gây phần khởi cho chiến sĩ ngoài mặt trận, nó đã làm nhụt chí chiến đấu. Thay vì làm thăng hoa đời sống, nó đã làm đối trụy đời sống, thay vì làm cho người nghe giải phiền, nó đã làm cho

PHONG-ĐHU


NEUROTONIC

BỔ ỨC
Tăng cường trí não

575 BYT 20-11-65


midol

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1365/BYT/DPDC

TÂN NHẠC

người nghe phiền muộn, nhàm chán, bức bối.

Tội lỗi đó chính do bề lũ thợ nhạc được một số viên chức lạc hậu, tham ô tòng đảng để soa đoạ hóa cảm quan, thị hiệu quần chúng. Bề lũ đó cần được trừ diệt cấp thời trong sinh hoạt tân nhạc hiện tại, để tiếng nói của tân nhạc được trở lại tươi sáng, để mầm non, lộc mới được dịp đâm nụ, nảy mầm.

Người nghệ sĩ sáng tác hôm nay không được quyền lãnh

đạm đi trên những khổ đau, những băn khoăn, ray rứt sôi bỏng của đời sống.

Nơi hậu tuyến an ninh này, người nghệ sĩ sáng tác không được quyền quên những hy sinh bằng máu của lớp chiến sĩ ngoài tiền tuyến.

Đã tới lúc họ phải thức tỉnh để thực sự tham gia vào đời sống, thực sự rung động với tâm sự đời sống hiện tại, để nói lên trung thành những tâm sự đó.



★ NHỮNG CÁI NỬA LUNG TRỜI

Tại Pháp, Hội đồng tối cao về «sưởi ấm và quạt lạnh» đã qui định các nhiệt độ vào mùa đông về nhà ở như sau :

— Phòng ăn, phòng học tập của trẻ em, thư viện, trung bình 16 đến 17 độ. Cứ hai giờ đồng hồ, có thể bớt hay thêm 1 độ

— Phòng bệnh nhân : 18 độ, có thể trụt xuống 16 vào ban đêm bệnh nhân ngủ.

— Phòng ngủ : 10 độ nếu dính liền với phòng tắm rửa, thay quần áo thường có nhiệt độ 18 đến 20 độ.

— 14 độ nếu không có phòng tắm.

— Phòng tắm : 22 độ.

— Và lạ hơn nữa, các nơi hành lang và thang gác : 12 đến 13 độ.

Không biết tỉ mỉ như thế để làm gì nhỉ ? Trong lúc trên đất Pháp còn cả mấy triệu người còn ngơ ngác dựa vào hè, gầm cầu, hàng triệu gia đình suốt đời ông đến đời cháu chưa từng biết đến nhà cửa, giường ghế.



Một cơn sóng gió

Bãi tắm Juan-les-Pins, một nơi thơ mộng nhất trên bờ Địa-trung-hải với muôn ngàn màu sắc. Với từng làn sóng nữ tú, nam thanh từ khắp nơi xa xuôi đến để gặp mặt nhau.

Nơi đây, là cả một cuộc sống tung bừng trong tình yêu, hạnh phúc, hy-vọng. Người ta đến đây để quên hết, cởi mở hết những gì đã làm họ lo nghĩ, buồn phiền...

Tối lại, khi ánh đèn đủ màu bật sáng, cuộc sống lại càng trở

dậy mãnh liệt hơn... Nhạc, thơ, vũ, những lời tình tự dưới bóng dừa, những tiếng đau thương réo rắt của các chàng nghệ sĩ vĩ cầm dạo hòa với giọng hát khiêu tình mấy ả đẹp như hoa, tình tứ như bướm...

Thế nhưng, bỗng một hôm vào cuối hạ năm qua, Juan les Pins qua một cơn khủng khiếp.

Một bão cuồng 50 tên lưu manh từ các vùng lân cận đô thị đổ về như giặc Tàu Ô, rải khắp

THAI CỤC ĐẠO

các con đường sang trọng nhất, chúng đến bằng xe máy dầu, bằng xi-cút-tơ và cả xe rô-lét nữa. Mặt mày chúng hùm hỏ, đũa cầm thanh sắt, đũa khúc gỗ có đóng đinh hay dây xích xe đạp... Chúng la hét vang trời, liệng đá vào các xe hơi lộng lẫy làm vỡ cả kính. Chúng phá các tiệm buôn mỹ phẩm; đập phá tủ hàng... Mấy phụ nữ sợ chạy, bị chúng bao vây, sờ mó tứ tung rồi lột áo quần, chúng hăm dọa bằng dao găm nên chẳng ai dám kháng cự. Chồng con họ thấy vậy cũng không sao dám nhảy vào, đành để mặc cho chúng hoành hành. Bọn khác vào mấy tiệm nước ca vũ nhạc, đập phá còn mạnh hơn, lật đồ hết bàn ghế, giật đàn, giật trống, đập vào tường nát nhểu. Bọn khác nữa châm lửa đốt mấy chiếc xe hơi...

Họ đang reo vui bên ngọn lửa thì có một chiếc xe chạy đến. Vì đường kẹt, xe phải ngừng và người lái xe thung dung bước xuống bảo bọn lưu manh tránh đường... Người này ra vẻ hiền hậu, nhưng vai rộng, tay to, ra dáng con người mạnh bạo cương quyết.

Không đợi người này dứt lời, bọn lưu manh đồn lên phía ông ta xô

đẩy, chửi mắng om sòm. Một đũa sắt thanh sắt đập vỡ hai cái đèn trước rồi tung khí giới ra xúm nhau bắt đầu lật chiếc xe hơi. Một đũa khác, rút hộp quẹt ra, bật lửa... Bỗng mọi người ìm lặng. Người chủ xe thình lình tấn công. Ông ta quay một vòng, chân đá mấy phát liền. Một đũa nhào lặn xuống đất. Mấy sợi dây xích quất lia lịa, tiếng gió hòa lẫn với tiếng mắt xích cọ xát nhau. Người kia tấn công già. Mấy đũa bị tung lên cao cả thước và rơi xuống đất cách đó 10 bước, mình mẩy loang máu, đầu u mũi sứt. Mấy đũa nữa bị bẻ tay quẹo ra sau, xương gãy răn rắc. Chưa đầy một phút, hàng chục đũa đã bị « hạ thủ » thương tích không thể gượng đứng dậy được. Bọn còn lại chạy trốn như đàn vịt... Mấy đũa gan dạ nhất, khí giới sẵn sàng cố cầm cự nhưng khi người kia bước tới một bước, chúng lùi lại hai... rồi thình lình chúng ù đầu chạy hết.

Người vừa làm việc dị thường vừa rồi là một huấn luyện viên tại trường võ bị Antibes, một giáo sư Nhu đạo Huyền đai. Nhân phục vụ ở trường này, ông ta lại bổ sung thêm tài nghệ bằng cách theo học một lớp đặc biệt về Nhu-thuật. Trường hợp ông vừa xử dụng

THAI CỤC ĐẠO

hai loại võ phối hợp có lẽ là lần đầu tiên được thấy ở Pháp, vì tại đây, luật pháp đã cấm hẳn dùng Nhu-thuật đến quá một phạm vi đã qui định.

Nhưng trước một hoàn cảnh bất khả kháng, trong lúc một mình ông mà bị 50 người có khí giới tấn công, tánh mạng có thể nguy, ông giáo sư kia buộc lòng phải xử dụng mọi khả năng sẵn có mặc dù biết đó là phi pháp.

Mềm, uốn — Rắn, gãy

Nhu thuật, nhu đạo v.v... bắt nguồn từ Nhật. Những chuyện chung quanh hai võ thuật này thật thì nhiều, nhưng hoang đường cũng không ít. Về nhu thuật có chuyện này nổi bật hơn cả.

Cách đây mấy ngàn năm, một hôm có một danh sư đi dạo chơi dọc bờ biển Nội Hải tại Bồn-đảo (Hondo) ở Nhật. Nhằm tiết đông thiên, cảnh vật đều bao phủ dưới một lớp tuyết dài, trắng toát... Bỗng bên mép đường, danh sư nhận thấy một cây anh đào rất già cỗi, tuyết phủ đầy cũng như tất cả cây cối khác, và các nhánh chính to lớn đã bị tuyết đè nặng nên gãy cả, treo lòng thòng trông rất đáng thương. Ngược lại chung quanh đó, mấy bụi tre mềm yếu



Võ sư Jigoro Kano, người sáng lập ra Nhu - đạo

ngã năm rạp xuống mặt đất nhưng không một cây nào gãy.

Nhân đó, vị danh sư sau khi nhận xét kỹ, đưa ra một lý luận. Nên nhượng bộ trước sức mạnh; hơn là chống cự lại nó.

Về đến nhà, ông không giây phút nào quên sự kiện trên và thấy rằng nếu đem áp dụng trong võ thuật sẽ thành công.

Vốn là một nhà giải phẫu lành danh, ông căn cứ vào cơ thể con người, và đặt ra nền tảng đầu tiên của Nhu thuật (Jiu-Jitsu) theo tiếng Nhật nghĩa là « kỹ thuật xử dụng sự mềm dẻo » (Nhu).

Những nền tảng đầu tiên

Câu chuyện trên nghe qua rất hay ho, thi vị nhưng chỉ là một trong những chuyện ít nhiều huyền bí của kho tàng văn hóa Nhật. Sau nhiều năm khảo cứu lại, truy nguyên tận gốc, cội rễ của Nhu thuật khác hẳn với câu chuyện trên.

Theo các nhà nghiên cứu Tây phương thì Nhu thuật của Nhật trước tiên đã chịu ảnh hưởng Trung quốc rất sâu xa.

Một tu sĩ Trung-Hoa xưa, Hòa thượng Tát Môn (Tat-Mow) là người đầu tiên ở Á Châu đã xướng ra « thuật đánh nhau đặt tên là « Lo-Han » (Lạc-Hán) ? Thuật Lo Han kết hợp nhặc chế với khoa châm cứu và căn cứ trên việc điểm một số huyết trên thân thể người ta. Nếu lật ngược bàn tay, hay dùng mấy đầu ngón tay đánh vào một chỗ nào trên thân thể đã định sẵn (huyệt), Hòa thượng Tát Môn có thể làm cho người kia bất tỉnh nhân sự hay chết.

Từ đầu kỷ nguyên, làn sóng các nhà sư Phật Giáo Trung quốc bắt đầu tràn sang Nhật bằng đường eo biển Triều tiên, truyền bá nền văn minh Trung Quốc như cách viết chữ Hán, nghệ thuật họa

bằng thủy mặc điêu khắc, kiến trúc đại quy mô... và tất nhiên là có cả võ thuật Lo-Han.

Các nhà sư bác học uyên thâm về ở tại Điện Shorindji và thu nhận đệ tử Nhật truyền các khoa châm cứu, giải phẫu và võ thuật Lo Han.

Không bao lâu người Nhật rất tinh thông về võ thuật Lo-Han. Lúc đầu võ này mới có 18 thế chính. Các nhà sư Nhật căn cứ vào đây phong phú thêm lên và tạo thành một võ thuật rất cao, làm cho họ trở nên tài ba, không ai đánh nổi, và đặt tên là võ Atéwaza.

Biệt tài của các nhà sư này là việc sử dụng cái đấm, đến mức linh nghiệm khác thường. Họ là những người đầu tiên trong mọi phái võ thuật có thể lấy bàn tay chặt gãy một đốt xương.

Đánh vào các huyết

Atéwaza bắt đầu được vững chắc và phát triển. Tuy nhiên, không phải ai cũng được theo học.

Các nhà sư Nhật rất chú ý đến việc lựa chọn đệ tử, trong đó họ chọn ra một phần nòng cốt rất ít để truyền toàn bộ võ thuật, còn số kia chỉ học được một phần thôi.

Võ Atéwaza nhằm đánh vào 80 huyết của thân thể người, bằng cách chặt bằng tay, chà nát, đè ép, vặn tay, bẻ gãy xương, xé xác v.v... « Khí giới » là nắm tay, mấy đầu ngón tay, bàn tay chặt nghiêng, cùi tay, đầu gối, phía trên bàn chân gót chân và dùng bàn chân chặt.

Mục đích của võ Atéwaza là làm cho địch thủ « đo ván » ngay bằng cách làm tê liệt một chân tay của địch thủ, bất tỉnh nhân sự hay chết giả rồi chết luôn.

Ngay trên đất Nhật đã có 3 ngàn trường dạy võ. Tại Đại bản (Osaka) và Kinh đô (Kyoto). Các nhà sư lại nghiên cứu bổ túc thêm về kỹ thuật.

Từ đơn thuần lúc ban đầu, võ này được phong phú thêm bằng nhiều thế khác như « hốt ngựa », bóp cổ v.v... và bỏ tên cũ, lấy tên mới là Nhu thuật (Jiu Jitsu).

Song song với Nhu thuật, các võ sư tiền phong Nhật phát triển thêm khoa Kouat-Sou, một y thuật riêng của hạng võ sư huyền đại. Khoa này có thể cứu sống những địch thủ bị bất tỉnh hay chết vì bị bóp cổ bằng cách chặn mạnh vào một số huyết trên thân thể, và cũng có thể sửa chữa lại các khúc xương bị sai khớp.

Ngoại khoa bí mật này, ngày nay vẫn còn truyền dạy lại cho các võ

sư Nhu Đạo (Judo) nhưng phải qua nhiều lần tuyên thệ khó khăn.

Tây-phương bắt chước

Ngày nay Nhu thuật được xem là môn võ hiệu quả nhất trong các loại võ. Một số thế võ đánh cận thân huấn luyện cho các đội nhảy dù và biệt kích khắp thế-giới ngày nay, do lấy trong Nhu thuật ra. Nếu trong một cuộc đấu võ mà được sử dụng Nhu thuật toàn diện nghĩa là không phải lệ thuộc một số thế bị pháp luật của nhiều quốc gia nghiêm cấm, thì mỗi trận chỉ trong mấy giây đồng hồ là kết thúc. Kẻ bị thua trận thường bị một vết thương nặng hay bất tỉnh nhân sự.

Do thế võ Nhu thuật nguy hiểm như thế nên ở Nhật không mấy khi có những cuộc biểu diễn Nhu thuật, ngoài những cuộc trình bày « chơi cho vui mắt », trong đó các võ sĩ chỉ múa may la hét cho có lệ.

Nhiều người thường lầm lẫn Nhu đạo (Judo) và Nhu thuật (Jiu-Jitsu).

Nhu đạo mới ra đời từ năm 1880. Đây là tổng hợp về các khoa của Nhu thuật, và hạ thấp bớt xuống để thích hợp cho mọi hạng tuổi muốn theo học.

Người cao đề ra Nhu-đạo, võ sư Jigoro Kano, được lòng danh là nhờ ông đã có sáng kiến dùng Nhu-đạo làm một thể võ giết người, mà đồng thời cũng là một môn thể thao giúp thân thể nở nang đều đặn.

Về Nhu-đạo, người ta cấm đánh ở đoạn dưới, đánh ở con mắt vào mặt, cấm cả đâm, đá.

Ngược lại Nhu-thuật thì không cấm, có thể xử dụng đủ các thể trong đó có « cú » Atémi.



Những mảnh lời nhà nghề

Atémi là một « cú » khác mọi cú khác. Nó không đánh mạnh nhưng chỉ nhằm đánh đúng vào một điểm nào ít được che chở nhất của thân thể địch thủ.

Võ sư Takamura hiện nay ở Nhật là một nhà Nhu-thuật lão luyện nhất, hiện còn sống ở Đông Kinh. Ông ta xử dụng quả Atémi rất tài tình. Bất kỳ là ai, ông chỉ dùng một atémi là phải do ván.

Cứ mỗi tuần, hai lần, ông biểu diễn Nhu-thuật chống lại 5 võ sư khác mang đủ đồ hộ thân, và trận nào ông cũng thắng.

Ông thường nhắc các đệ tử : « Không khi nào được rời con

mắt khỏi địch thủ. Người có tài đấu điểm thâm ý mình kín đáo tới đâu, cũng để lộ trên hai con mắt. Con người của người đang sợ sệt tự nhiên, nở rộng ra rất nhiều, nhân đó mà ta đoạt được thần tính họ. Ngược lại nếu con người rút hẹp lại, thì tức là địch thủ sẽ tấn công mình ngay lúc đó. »

Võ sư Takamura còn dạy tiếp :

— « Lúc nào cũng phải đối diện với địch thủ, nhưng không khi nào « đối diện » khi hấn tấn công mình. Nên giữ thái độ thản nhiên nhưng tự tin. Không để những lời nói la hét, cử chỉ điệu bộ hấn tác động đến tinh thần mình. Nếu ta bận tâm lo nghĩ, hay không kịp trấn áp tinh thần thì lúc nó tấn công ta sẽ không kịp chống đỡ. Nên lợi dụng mọi cơ hội, mọi sơ hở của địch, dù là một sơ hở rất nhỏ nhặt, và tấn công liền, không để hấn kịp đối phó. Đó là bí quyết chiến thắng. »

Không nên khiêu khích suông mà không tấn công. Khi lâm trận, phải vận dụng hết tinh thần chiến đấu. Phải đánh làm sao cho điểm mình muốn đánh phải ở sâu hơn điểm cụ thể 10 phân. Như thế có nghĩa là phải đánh ta lút sâu vào chỗ đánh thêm 10 phân nữa. Có thể, cú của ta mới « chắc ăn » — Cú được phóng đi với tất cả sức mạnh. Không có gì kèm hãm không

khác một viên đạn bắn từ nã ra, đi rất mạnh, cho đến khi hết sức mới rơi xuống. Cũng cần nên nhớ phải đứng cách xa địch một bước rưỡi, tức ra ngoài vòng công kích của cánh tay địch. »

Nắm được địch là thắng

Võ sư Takamura rất chú ý về hai thể bám vào địch và làm cho địch mất thăng bằng.

Trong Nhu-thuật, nắm được địch là thể rất có lợi và mở đầu cho các thể khác. Khi nắm được địch, phải làm hấn mất thăng bằng. Đây là việc rất dễ hiểu, là khi ta nắm địch và lôi vào mình ta, tức là đã làm địch mất thăng bằng rồi. Hấn bị tê liệt và lại bị atémi của ta đánh phải, làm cho địch bị thất thế dồn dập, và bị đau nhiều hơn là lúc không bị ta nắm được.

Tác dụng của Atémi rất quan trọng vì ba lý do như sau: điểm đánh trúng rất hẹp, đánh trong chớp nhoáng, và « vũ khí » xử dụng rất cứng rắn. Công hiệu của Atémi có thể giải thích dễ dàng, ai cũng có thể thấy được. Ta hãy lấy đôi ví dụ:

Diện tích đánh trúng của một chiếc « găng » tay của võ sĩ quyền Anh là một hình chữ nhật một cạnh 10 phân, cạnh kia 5 phân, tức 50 phân vuông.

Ngược lại, Atémi của cái nắm

tay của võ sĩ Nhu-thuật, chỉ vốn vẹn có 2 điểm tròn do 2 gốc ngón tay trở và ngón tay giữa hay lỏng tay thứ nhất từ trong gốc ra của ngón tay giữa mà thôi.

Diện tích đánh trúng do đó, không rộng quá 2 phần vuông nghĩa là kém hơn 25 phần rộng. Đứng về khoa học mà nói, diện tích đánh trúng càng nhỏ bao nhiêu cú đánh càng mạnh bấy nhiêu. Và khi diện tích đánh trúng của một Atémi chỉ bằng một phần hai mươi lăm cú của « găng » quyền Anh, thì tất nhiên sức mạnh của nó phải 25 lần lớn hơn. Ta hãy thí nghiệm bằng cái đinh thì biết. Đóng một búa mạnh trên cái đinh nhọn, đinh sẽ lút hết xuống gỗ. Nếu cũng đánh với sức ấy vào một khúc sắt (bằng cái đinh) mà đầu tà, thì khúc sắt không lút và miếng gỗ cũng không bị « thương tích » gì lắm.

Cú đánh có tác dụng quan trọng như thế, nên trong nghề võ, học đánh cho thành nghề phải đến mấy năm. Atémi của hai bàn tay, cùi tay hay hai chân chỉ công hiệu sau khi tập luyện lâu dài.

Nhu-thuật không phải là một môn võ huyền bí hay dựa trên pháp thuật nào. Nó là kết quả của sự bền chí, kiên nhẫn, tập luyện chuyên cần, tập dượt ngày một,

nhất là thân thể ta phải trắng
kiện.

Thái cực đạo

Từ năm 1951 đến nay, những
võ sư huyền đai Nhật, chuyên
nghiên cứu về kỹ thuật thượng
võ, luôn luôn muốn tiến đến
tuyệt luân nên kết hợp Nhu
thuật và Thái cực đạo (Karaté.)

Có ba « dụng cụ » cần thiết để
tập luyện Nhu thuật và Thái cực
đạo để tạo cho cú đâm thoi sơn
và cho chân tay được cứng rắn.

Theo thứ tự từ dễ đến khó như
sau :

1. — Makiwara là một trụ gỗ cao
2 thước, chôn sâu dưới đất 6
tấc. Một phần ba ở đoạn trên
ngọn có gắn vào một vật như cái
gối bằng rạ lúa đan bề cao độ 25
đến 30 phân. Gối này dùng để
luyện hai cánh tay. Một phần ba
kế tiếp đó lại có một gối khác để
luyện hai chân (đầu gối và bàn
chân).

2. — Takemaki là một bó lát,
đường kính 15 phân và cao 2
thước, dùng để luyện các đầu
ngón tay cho cứng, cũng như
cườm tay và đoạn cánh tay từ cùi
đến cườm tay (cẳng tay).

3. — Sunawatara là một bao bố
lớn đựng đầy đậu khô (đậu xanh

hay đen) hay sỏi sạn.

Bao được treo ngang đầu
người, dùng để luyện hai cánh tay.
Khi luyện hai chân thì đặt bao
xuống đất.

Bốn mươi lăm cách đỡ

Thái cực đạo (Karaté) là một
thuật thượng võ cũng xa xưa như
thuật bắn cung hay kiếm thuật.

Thái cực đạo bắt nguồn trước
tiên từ đảo Xung Thắng (Okinawa)
nhỏ bé của Nhật. Cách đây mấy
thế kỷ, giòng họ Fozuka lãnh chúa
ở đảo ra lệnh cấm sử dụng võ khí
như gươm đao v.v... ai vi phạm bị
xử tử. Do đó, dân Xung Thắng
phải đặt ra một võ thuật riêng và
gọi là Karaté (Thái cực đạo).
Theo chiết tự Kara có nghĩa là
« không » té là « tay » tức là
thắng bằng tay không.

Thái cực đạo cũng như nhu
thuật, do chỗ tối nguy hiểm, giết
người trong nháy mắt nên chỉ
truyền cho một số « đệ tử » trung
kiên mà thôi, ngoài ra cho các binh
sĩ và đa số là cho các gia đình
quý tộc.

Mãi đến năm 1922, nhờ
sự can thiệp của
Bộ Quốc-gia Giáo-dục Nhật, võ
sư danh tiếng, ông Funakoshi
(nay đã 94 tuổi) mới đem môn
Thái cực đạo phổ biến ra đại
chúng.

Từ đó, các trường học ở
Nhật đem ra dạy cho trẻ em.

Thái cực đạo không phải là
một loại quyền Anh (boxe), cũng
không phải là thuật đánh nhau
thường tình. Đây là cách « đấu
kiếm » bằng tay và chân. Tay và
chân là thanh kiếm dùng để
đỡ gạt và tấn công địch thủ vậy.

Thái cực đạo hơn hẳn các võ
thuật của Tây phương là ở sức
mạnh phi thường và rất nhiều lối
đánh Atémi bằng tay và chân.

Một võ sư huyền đai Thái cực
đạo có thể bẻ gãy bất kỳ một
loại xương gì dù cứng đến đâu
với hai bàn tay. Đâm xuyên
qua một cánh cửa sổ gỗ bằng
năm tay đè trần; dùng bàn tay
nghiêng đánh vỡ ra mảnh vụn 6
viên ngói chồng lên nhau, hay 10
viên khác bằng cùi tay.

Một võ sĩ Thái cực đạo không
dùng những phương pháp thông
thường để đánh, và cũng không
cần đánh vào một số điểm đã
định khi họ muốn đánh vào các
xương cứng trên sọ dừa, xương
quai hàm, các cánh tay hay
những phần mềm mại của cơ thể
dưới lớp áo quần hay thắt
lưng v.v...

Trong võ thuật Thái cực đạo
có 45 lối đá. Môn võ thuật này
cho rằng chân cẳng là thứ mà võ
thuật Tây-phương không biết dùng

đến, ngược lại, mạnh gấp ba lần
cánh tay, chân có thể đá vào địch
lắm khi ở xa miễn là biết đá đúng
cách.

Các loại Atémi bằng chân rất
nguy hiểm, nên ở Nhật mỗi lần có
cuộc đánh lộn, mà người xử dụng
atémi không phải trong trường hợp
tự vệ, thì có thể bị đưa ra Tòa án
trị tội. « Cú » Atémi bằng chân
được đặt ngang hàng với việc
gây thương tích bằng gươm đao.

Người Tây-phương không rõ
sâu sắc về võ thuật Nhật nên cho
Thái cực đạo cũng như quyền Anh
hay Pháp.

Hai môn quyền này nằm trên
những quy ước quá hẹp hòi và
cũng quá thật thà nên khi đấu với
Thái cực đạo, rất dễ bị võ sĩ Thái
cực đạo đánh bại.

Một võ sĩ quyền Anh không đeo
« găng » sẽ dễ bị gãy bàn tay. Họ
cũng không học tập được cách đón
đòn ở phía dưới thắt lưng hay ở
những chỗ mà luật quyền anh
không cho động đến.

Đối với quyền thuật Pháp cũng
thế. Quyền Pháp ra đời từ năm
1860, dựa trên quy ước quyền
anh và thêm lối đánh bằng chân
(chausson marseillais) là một môn
vô do các thủy thủ từ Viễn đông
đem về truyền bá lại.

Luật lệ quyền Pháp, không cho
sử dụng nhiều thế trong những
thế rất nguy hiểm như cú đá thẳng

chẳng hạn. Do đó, lúc họ quay mình né tránh « cú » của địch họ rất dễ bị võ sĩ Thái cực đạo đánh ngã.

Nhận thức được khiếm khuyết này một số lớn các nhà quyền Pháp đã phối hợp quyền Pháp và Thái cực đạo. Số này, hiện nay toàn cõi nước Pháp không quá 60 người.

Ngoài là nước đá — trong là lửa bỏng

Hơn nữa, tính chất hùm hổ dữ tợn, cái oai khí của các môn võ Nhật làm thất đảm người võ sĩ ngoại quốc. Một người Âu không thể nào quan niệm được một võ sĩ Nhật trong một giây đồng hồ, từ trạng thái yên lặng trầm tĩnh có thể trở thành một người vô cùng dữ tợn, đề rồi một vài giây sau lại yên lặng trầm tĩnh như trước.

Muốn nhận thấy rõ ràng sự thay đổi trạng thái ấy trên một võ sĩ Nhật, ta hãy nhìn kỹ lúc họ đánh gươm.

Người Nhật lúc đánh gươm, mang một mặt nạ che ngoài. Đối với ai chỉ xét qua loa thì cho họ niềm nở, vui tươi, lịch sự v.v...

Nhưng chính sau mặt nạ ấy là cả một sự hăm hực, dữ tợn, quyết một sanh một tử. Bên ngoài là nước đá bên trong là lửa vậy.

Tánh tình người Nhật buộc chặt với tính chất xứ sở họ : thường thường hiền hòa như khí hậu nhưng cũng có khi bỗng bùng lên mãnh liệt, dữ dội, không khác các hỏa-diệm sơn của xứ họ bao phủ hoa cỏ muôn màu...

Cái giận dữ của người Nhật rất khủng khiếp, phát xuất rất lạnh chóng và không thể bỏ qua, không giải quyết được. Người Nhật chôn sâu, giấu kín cái độc hiểm sát nhân ấy dưới một lớp vỏ dày, nào tục lệ, tập quán nghi thức, lễ phép và nhất là sự tôn trọng tuyệt đối các thể thức.

Các võ sư Nhật đã áp dụng đúng lời dạy bất hủ của Đức Không tử:

« Muốn xử thế cho đúng đạo làm người phải biết kiềm hãm bớt thiên tính và tự ràng buộc vào lễ nghi ».

Kiểm đạo (Kendo)

Kiểm đạo, tức thuật xử dụng

kiếm là môn võ phản ảnh trung thành quốc hồn quốc túy Nhật.

Đây là môn võ cổ truyền. Nhà kiếm thuật xử dụng « mặt nạ » bao phủ ra ngoài. Bộ áo giáp rất kỹ càng, kín đáo, mỗi lần bận vào lâu lắc cẩn thận.

Mỗi ngày, trước khi biểu diễn, võ sĩ phải ngồi im, bàn tọa đặc trên 2 gót chân, đọc hết « kiếm kinh » không bỏ quên một chi tiết nào.

Lễ nghi về kiếm thuật vừa phức tạp vừa long trọng, mà không một võ sĩ nào dám xem thường vì như thế là sai với kiếm đạo.

Kiểm kinh gồm những điều răn như sau :

« Lấy võ gươm đánh vào võ gươm một người khác là một lỗi nặng. Kéo lui kéo tới võ gươm trên đây thất lạng như sắp tuốt gươm ra là một cử chỉ khiêu khích. Đặt gươm xuống đất, lấy chân đẩy chuôi gươm về phía người mình đang nói chuyện là một lời nguyền rủa phải kết thúc bằng máu. Vào nhà người bạn với thanh kiếm cầm tay là triệu chứng cắt đứt tình bạn hữu. Lúc nào muốn lấy kiếm ra, phải rút luôn cả vỏ và kiếm mà đặt vào bên phải của mình. Như thế có nghĩa là, ta không thể tuốt kiếm để xử dụng ngay được. Không khi nào được đề kiếm bên phía

trái, trừ trường hợp phải đối phó tức khắc.

Khi ta muốn trình cho người khác xem thanh kiếm mình giá trị như thế nào, thì phải đưa bề sống ra ngoài, bề lưỡi vào phía mình, và chuôi kiếm ở phía trái ».

Sau khi đọc hết những điều răn trên, võ sĩ phải kể tên những thợ rèn kiếm danh tiếng nhất, trong khoảng 10 thế kỷ trở lại đây. Số này chỉ vồn vẹn 31 người.



Sau việc này mới đến lúc biểu diễn. Hai võ sĩ ngồi đối diện cách nhau 3 thước, gát hai « thanh gươm » bằng tre chẻ tẻo vào nhau, (thanh tre thay thế kiếm lúc tập luyện) đoạn đứng dậy, cúi đầu xá nhau rồi đứng thủ thế.

Sau khi trọng tài ra lệnh, cuộc đấu bắt đầu. Tiếng la hét hòa lẫn với tiếng thanh tre va chạm nhau. Các cú « đâm, chém » nối tiếp nhau lạnh lẽo một cách ghê rợn, đủ bốn mặt, mỗi giây phút, các địch thủ đánh càng hăng... xáp nhau với một sức mạnh vô song, với một



NEUROTONIC

BỔ CƯỜNG TRI NHU

575 BYT 20-11-80

hung tợn đến man rợ... Có lúc trận đánh quyết liệt đến nỗi «khí giới» là một thanh tre to, chẻ làm tư có bao da ở tay nắm, phải bẻ toang ra từng mảnh và bật lửa lên như một que diêm.

Mặc dù có áo giáp và kiếm bằng tre, lại đeo thêm mặt nạ, nhưng có lúc võ sĩ bị đánh vào cổ, vào đầu và bị thương đến chết trong giây lát. Nếu nghi lễ không ràng buộc chặt chẽ, hai địch thủ kia, thì có lẽ họ đánh nhau đến một chết một còn với máu hăng say dữ tợn, man rợ.

Thế nhưng, khi trọng tài ra lệnh dứt cuộc, hai địch thủ trở về vị trí cũ, bình thản, «vô sự» như không có chuyện gì vừa xảy



★ ĐÀN BÀ !!!

Một ông nọ kể cho bạn nghe câu chuyện :

— Anh à, đêm khuya qua, trong khi tôi trở về, phòng tôi nhìn thấy một người đàn bà đi ở hành-lang trong đêm tối. Tôi tưởng là con bêu phồng, tôi liền ôm hôn. Lúc ấy tôi mới nhận biết được là... vợ tôi.

Anh có biết trong bóng tối vợ tôi nói gì không? Nàng bảo :

— Cưng ơi, cưng không nên vào phòng em giờ này. Vì chồng em sắp trở về đây. Hẹn cưng đêm mai nhé !!!

ra. Họ lại đứng im, cúi đầu xá nhau rồi ngồi lại trên gót chân như trước, lột mặt nạ ra... Mặt mày vẫn như lúc nào, hiền hậu, niềm nở, khoan khoái, không một giọt mồ hôi, không nét ửng đỏ, đôi môi mỉm cười thoải mái.

Kiểm Nhật là một khí giới vô cùng nguy hiểm.

Trong thế chiến vừa qua, tại mặt Thái bình dương, kiếm Nhật đã đóng một vai trò khá quan trọng. Một lưỡi kiếm tốt của sĩ quan, có thể chặt lia đầu một tù binh... Nhiều trường hợp như thế đã xảy ra trên các chiến trường Nhật, sử sách kể lại không ít.

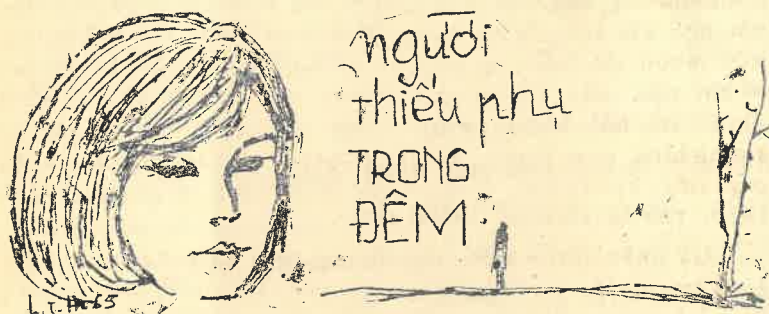


lênh đênh

Có gì để nói không em,
Mai này ly-biệt biết tìm nhau đâu?
Ngồn-ngang tâm-sự thêm sầu,
Nghìn khuya nuôi tiếc, nghìn sau đợi chờ...
Lạnh-lùng trở giấc bơ-vơ,
Bâng-khuâng vội viết bài thơ gửi người.
Ngược dòng lá thắm về xuôi,
Mà nghe tim lạnh từng hồi kêu đau!
Ngàn xanh gió núi rì-rào,
Biển xa sóng dậy cồn cao giạt mình.
Thuyền tình một sớm lênh-đênh,
Sương giăng bến hẹn — bãi gành hoang-sơ!
Dừng đây hồn mộng dật - dờ,
Mười phương tìm nhớ bao giờ gặp nhau?
Ý tình gửi giấc chiêm-bao,
Nửa khuya chợt tỉnh mà đau đớn lòng!

Tâm-tư này, cách mấy sông...
Người thương ngày trước còn mong nhớ mình?

★ Đ. TUYẾT-HỒNG



Truyện ngắn : **MẶC TƯỜNG**

C HUYỀN xe mang gã về thị trấn nhỏ ở miền Tây, lúc chiều tàn. Bức tường rêu xám, lờ lờ của ngôi biệt thự nằm gục đầu dưới ánh nắng nhợt nhạt, chết chóc. Nhìn cảnh hoang tàn gần như không có được một bàn tay nào săn sóc trông nom ; bỗng dưng gã nghe trong hồn sống lại những kỷ niệm tấm thường nhưng đậm đà nhất của thời ấu thơ. Gã đang buông người trong phút mơ tưởng, và tiếng xe rồ máy quay đi đánh mất một cuộc săn đuổi trong ký-ức gã. Gã đưa mắt nhìn chiếc xe xa dần. Gã nói thầm trong đầu, chính gã cũng như chiếc xe vô tri kia, đang lao đầu trên con đường vô tận, với những hành khách lên xuống dọc đường. Và rồi đến một nơi nào đó, sẽ không còn một hành khách nào hết. Không còn một cái gì hết.

NGƯỜI THIẾU PHỤ

Nhưng vẫn phải đi và cứ tiếp tục mãi như vậy... Trên lộ trình tiếp nối mãi như vậy, chắc chắn mình không ở được bình thường, mà còn phải chịu không biết bao nhiêu sự việc bất ngờ xảy đến. Mình không định đoạt được gì, đến những ước muốn tầm thường nhỏ bé. Cũng như hôm nay, gã trở về thị trấn này, không phải là một hành động do gã quyết định ; trái lại do một sự thúc đẩy vô hình nào đó mà gã không hình dung được. Nếu nói chuyện đi này của gã không mục tiêu, không chủ định thì vô lý. Nhưng chính sự thật gã không tìm thấy những thứ đó.

Gã phát cười một mình. Trong đầu gã không còn nghĩ gì về tương lai, hy vọng. Nhưng gã cũng không thấy mình chán chường, tuyệt vọng cho thân phận, tương lai. Gã chỉ thấy hiện tại mình đang ở trong thị trấn này, và buổi chiều xuống dần, xuống dần, xua đuổi mọi vật vào trong bóng tối... Và rồi trong một giờ phút nào đó, gã sẽ rời khỏi nơi đây. Có thể và chỉ có thể mãi...

Gã cầm xấp giấy trắng đi về phía bờ sông, với những kẻ xuôi ngược với gã, theo con lộ nhỏ. Gã đang ung dung như không có sự dò xét, chú ý gì đến những vật, những người ở trước mắt gã. Gã dừng lại trước ngôi nhà lạ — xây cất theo lối xưa, và được tu sửa lại, nhưng không làm thay đổi được hình thức mới mẻ hoàn toàn. Ngôi nhà nằm đối diện với một con sông khá lớn, không biết ngọn cùng ở đâu ; chỉ biết nó bắt nguồn từ bề cá mệnh mông. Mặt nước sông gợn gợn dưới ánh đèn lơ mơ của thị trấn. Vài chiếc thuyền câu đậu xa xa, với đóm đèn nhỏ lấp ló.

Gã bước vào nhà không cần gõ cửa, không có dáng dấp do dự, gã đi tự nhiên như đi vào nhà của gã. Người thiếu phụ ra tiếp gã một cách niềm nở, nhưng thoáng một ít ngạc nhiên trên gương mặt lúc vừa mới nhìn thấy gã. Người thiếu phụ cô giữ thái độ bình tĩnh, và khi đó, người thiếu phụ ra chiều môn trón — thứ môn trón của những người đàn bà đẹp,

NGƯỜI THIẾU PHỤ

lão luyện — để trần át đi một sự cần rút đang ngấm ngấm xâu xé trong tâm thể. Người thiếu phụ nhìn đắm đuối vào mắt như muốn thôi miên gã. Gã vẫn tự nhiên ngồi xuống ghế trong khi cô lời mời của chủ nhà. Gã ngả lưng vào thành ghế. Hai chân duỗi dài ra làm một cử chỉ khoái trá. Người thiếu phụ cũng ngồi xuống ghế đối diện và nở nụ cười ngoại giao quyền rũ.

— Cậu Cần ?

— Phải, tôi là Cần, con của ông Hải, người tình trước đây mười năm của bà.

— Lúc ba cậu mất, cậu còn nhỏ, và thời gian hơn mười năm qua mới gặp lại cậu, nhưng tôi vẫn đoán ra được. Cậu giống cha lắm, nhất là đôi mắt.

— Cảm ơn bà còn nhớ nét mặt người đã chết!

— Tôi mong đó không phải là lời phê phán và kết án mai mỉa.

— Bà nên hiểu tôi hơn một chút, nhất là bà khỏi phải nghĩ những gì đã xảy ra giữa cha tôi và bà. Sự thật, tôi về đây trong một phút tình cờ và không có chủ định gì hết. Tôi cũng không có ý muốn gặp bà. Có điều tôi không hiểu tại sao, sau khi xuống xe, tôi lại muốn ghé ngôi nhà này. Mong bà cảm thông điều đó.

— Cậu làm sao biết được, trong thời gian qua tôi cố tìm mấy anh em cậu, nhất là cậu.

— Xin lỗi bà, tôi không muốn biết bà cần tìm chúng tôi để làm gì, nhưng tôi phải nói cho bà rõ, để bà khỏi băn khoăn mất công. Hiện anh tôi đã khoác áo nhà tu. Tôi cho đó là một hành động can đảm mà không phải ở đời này ai cũng dám làm. Tôi không quan niệm quyết định đó là một quyết định chán đời. Bởi vì anh tôi hành động có ý thức. Anh tôi dám hiên ngang đi tới cội chết với đôi mắt sáng suốt, với thái độ bình tĩnh, và những bước chân hiên từ nhẹ nhõm; lẽ dĩ nhiên anh tôi không còn lệ thuộc vào sự cần thiết nào ở bên ngoài nữa. Nhưng đó cũng có thể là để giải thoát cá nhân trước hết.

NGƯỜI THIẾU PHỤ

Còn đứa em gái tôi thì nó đã chết. Vì sống trong một cuộc sống đầy lệ thuộc kềm hãm, mà nó lại thiếu can đảm chấp nhận những thứ ấy. Nó chạy trốn bằng cách tự tử. Tiện đây, tôi kể câu chuyện xảy ra cho bà nghe. Bà cũng đừng ngạc nhiên gì. Hôm đó tôi không còn nhớ ngày mầy, tháng mầy. Tôi chỉ nhớ một ngày mưa nhầy nhụa. Tôi đi lêu bêu vào một nhà chứa, chủ chứa là một bà to béo, tướng mạo khó mà có cảm tình với bà ta được. Bà ta niềm nở — một thứ niềm nở giả tạo đầy đoạ — bảo tôi còn một phòng trống và một cô tuyệt đẹp vừa ngủ thức dậy, đang chờ khách. Tôi gạt đầu và bà ta dẫn tôi đến phòng. Tôi mở cửa bước vào thì thấy em tôi đang ngồi sửa tóc trước gương. Tôi vẫn bình tĩnh cái chốt cửa lại. Em tôi hốt hoảng khi nhìn thấy tôi, dường như nó muốn tông cửa bỏ chạy. Tôi bảo nó hãy bình tĩnh và tôi vội ôm nó vào lòng hôn say sưa như hôn người tình. Tôi nói em coi anh như những kẻ xa lạ khác đã vào đây, và em cũng đối đãi với anh như thế. Anh cũng xem em là gái giang hồ. Bởi vì chúng ta không thể chối bỏ sự thật. Ở đây em đừng dùng lý trí, đừng nghĩ đến luân lý cương thường gì hết. Trong hoàn cảnh hỗn mang này những thứ ấy là thứ vũ khí sát nhân ghê tởm, nó không giải quyết được gì đâu. Lúc bây giờ, nó buông xuôi thân thể trong vòng tay tôi. Đôi mắt nó đầy nước. Và nó im lặng.

Sau đó, tôi đem nó về sống chung với tôi. Tôi săn sóc nó đầy đủ. Tôi không bắt buộc nó điều gì. Tôi nói ở đây em tự do hành động. Bây giờ nó hoàn toàn là một đứa em ruột thật. Tôi nói những chuyện đã qua không có gì đáng kể. Bởi vì tất cả đều ngoài ý muốn của chúng ta, không thể từ chối được sự thật đó. Em phải có can đảm sống, thân nhiên như không có gì xảy ra. Kể đó, tôi bỏ đi phò và đến khuya mới về nhà thì thấy nó...

Nó chết vì không đủ can đảm sống. Điều đáng buồn là cái chết không phải do nó quyết định. Bởi vì lúc tôi bỏ đi là nó bắt đầu ngủ. Và chắc chắn lúc nó thức dậy nhìn ngó bồn bể cô

đơn trông rỗng lạnh người vầy hăm làm nó điên loạn; nhất là trong tâm thể nó vẫn còn bị cuộc sống hỗn mang ám ảnh, dày vò từng giờ từng phút. Vì vậy, tôi không ngạc nhiên trước cái chết đó. Có điều buồn cười là sau đó những kẻ nhân danh pháp luật tìm bắt tôi để buộc tội về cái chết của nó. Họ cho là tôi đã giết ẹm tôi. Thật là diều!

Người thiếu phụ đã đổi sắc mặt lúc nghe gã kẻ trường hợp người anh và cái chết của đứa em gái. Bây giờ nét mặt người thiếu phụ thật thâm trầm, một vẻ đẹp xa vời ẩn hiện trong đôi mắt huyền—một vẻ đẹp chỉ có ở người đàn bà chớ không thể có ở người con gái được. Người thiếu phụ ngó chồm về phía gã. Hai tay chồng dưới cằm đưa ánh mắt thật quyền rũ đến thêm khát.

— Ba anh em, một người đã đi tu, một người đã chết, giờ đây coi như chỉ còn có mình cậu. Vậy cậu hãy ở lại đây, và cậu sẽ được hoàn toàn chủ động.

— Tôi sẽ được chủ động, nhưng bây giờ tôi là người bị động? Đâu có sự bắt buộc như vậy. Có chăng là tôi bắt buộc bà mới đúng chớ. Bởi vì tôi còn đủ bằng chứng pháp lý để lấy lại tất cả tài sản mà trước kia bà đã dùng sắc đẹp để buộc cha tôi phải sang tên cho bà. Nhưng tôi đã nói tôi về đây đâu phải với mục đích đó. Thật ra bà là người đáng thương hơn đáng trách. Và mặc dù bà già, nhưng bà còn đẹp lắm—một sắc đẹp kỳ lạ mà tôi chưa từng gặp bao giờ. Cho đến giây phút này tôi mới thấy là ba tôi có lý, ba tôi dám làm tất cả để chiếm đoạt bà.

— Cậu còn nhắc lại làm gì. Cậu thấy đó, giờ đây tôi có vui về chút nào đâu, tôi có được gì đâu. Sở dĩ tôi hành động như vậy, là vì xưa kia tôi nghĩ sai, tôi muốn có gì trong cuộc sống, và sẽ được bảo vệ mãi mãi.

— Bà không thỏa mãn à?

— Đó là niềm hy vọng lắm lắm!

Bỗng trên gương mặt người thiếu phụ mang vẻ buồn vô cùng. Hình như bà cố che dấu một nỗi niềm thâm lặng ăn mòn trong lòng bà từ bao năm qua, và nhất là bây giờ đang sôi sục mãnh liệt.

— Tôi đã nghĩ mình có tiền tài là có hạnh phúc, nhưng đó chỉ là một âm thanh thôi. Bây giờ thì chẳng có gì ngoài sự cô đơn ghê gớm thuở hai mươi chưa bao giờ tôi nghe thấy nỗi buồn thâm trầm thế này. Mỗi khi ngẫm nhìn một vật gì, tôi cũng thấy xa cách, xa cách dần. Và mình chỉ là một kẻ thụ động, nhận chịu. Tôi mong rằng cậu sẽ ở lại đây với tôi.

— Bà nên biết, cuộc đời không thể đứng lại được, dù mình muốn. Bà thì cô đơn trông rỗng với tuổi hổi xuân, đang cần một niềm an ủi, một sự xoa dịu. Tôi cũng là một kẻ cô đơn, nhưng khác hơn bà. Dù muốn, tôi cũng không thể đem đến cho bà những thứ cần thiết đó; bởi vì cuộc đời tôi chưa thể vào một khuôn khổ nhất định. Tôi còn là một kẻ đang xuôi ngược trên con đường dài. Rồi đến một ngày nào đó, tôi cũng sẽ như bà, sẽ nhìn ngó bốn bề trông không với sự cô đơn găm ghiết, với cái chết tất nhiên.

— Cậu không hy vọng gì hơn tôi à?

— Có gì đâu trên con đường dài vô tận.

Người thiếu phụ gục gặt đầu một cách chậm chạp. Gã đứng dậy đi loang quanh trong phòng một hồi, rồi gã bước tới gần người thiếu phụ:

— Bà có thể cho tôi một chỗ nghỉ yên tĩnh đêm nay. Tôi chỉ hy vọng có thế.

— Điều đó may ra cậu được thỏa mãn, cậu có chọn lấy. Ở phía trong.

Gã mất dạng vào bóng đen. Người thiếu phụ vẫn còn ngó lạng lẽ bên ánh đèn mờ mờ. Đêm tối của thị trấn thật yên lặng. Người thiếu phụ đưa khăn lau hai giọt nước đang lăn trên gò má. Bà vật đứng dậy, hình ảnh của bà gán liền vào bóng tối với niềm hy-vọng cuối cùng.



CÔ ĐI LẤY CHỒNG

• MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

CÁC bạn có bao giờ thử nói chuyện gả chồng cho cô-gái, các bạn có đề ý nghe cô-dấy này kêu âm lên rằng : « Tôi chẳng lấy chồng đâu ». Lắm cô còn giận hờn, xịu mặt rất lâu bắt bố mẹ phải dỗ. Sự thực có lẽ các cô còn ít tuổi quá chưa nghĩ đến hay các cô đã có lần nghĩ đến mà sợ xấu hổ nên gả vờ là lỗi như thế. Ngày xưa các cụ ta bảo câu « nữ thập tam nam thập lục » hẳn

cũng không phải là sai. Nhưng theo nhà xã hội học thì vì ngày xưa khoa học chưa tìm ra được những thứ thuốc để chữa các thứ bệnh hiểm nghèo nên mỗi người sống trung bình chừng 40 tuổi là nhiều. Do đó, nếu không gả các cô và cho các cậu cưới vợ sớm thì các cậu các cô không sống được bao lâu với nhau. Các cô gái nếu ngoài hai mươi mà chưa tìm ra chồng thì cha mẹ lo ngay ngáy. Lắm cô phàn nàn rằng lấy chồng thì sợ mất tự do mà không lấy

CÔ ĐI LẤY CHỒNG

chồng thì đi ra ngoài ai cũng hỏi thăm, bàn tán xì-xào rất bức mình. Chưa kể là làm phiền cha mẹ, các bà mẹ gặp ai cũng phàn nàn trước rằng con bé : cháu nó bú rổng bình không chịu lấy ai cả. Thật ra ở thời đại văn minh, Nam nữ bình đẳng này, bắt các cô lấy chồng sớm cũng là một cái tội để cho các cô sống cuộc sống của người con gái tự lập một thời gian đã. Các bạn có nghe nhà nữ văn sĩ Colette của nước Pháp khi nói đến lấy chồng thì bà bảo rằng, lấy chồng là gì : « là run sợ khi miếng thịt nướng của ông đã quá chín, nước ông xơi chưa đủ lạnh, cổ áo hở không cứng, sơ mi là không thẳng, nước tắm pha quá nóng, lấy chồng là phải biến thành cái gạch nổi ở giữa ông chồng và nhân loại ». Bên xứ ta cũng bị những câu « chồng chúa vợ tôi, cử án tể mi, phu xướng phụ tùy v.v... » Câu nào cũng ngụ ý bắt người đàn bà phải phục dịch nó lệ người đàn ông. Thế tại sao mà lại bắt các cô lấy chồng cho sớm, lắm bà mẹ từ khi con được 15 tuổi là bắt đầu đi đánh tiếng khắp nơi. Đêm đêm

cứ nói toàn những chuyện lo sợ, lo không gả được chồng cho con, lo ra đường cô đại đột nghe theo đũa nào nó dụ dỗ. Với những câu khôn ba năm đại một giờ, nghe mãi lắm khi chắc các cô cũng bức mình.

Giá các bà mẹ bớt lo sợ để yên cho các cô sống tận hưởng cái tuổi trẻ của mình thì có phải vừa khỏe mình vừa khỏe con không. Ngày nay, sự sống đến trên ba mươi tuổi không còn là một sự ẽ ảm nữa mà chỉ vì các cô không thích bị ràng buộc đó thôi. Người phương Âu hay đùa bằng những câu chuyện của các bà mẹ, thí dụ câu chuyện bà X. có một con trai và một con gái. Ngày con trai lấy vợ và con gái lấy chồng xong, cách vài tháng sau bà đi đến nhà bạn ngồi mách chuyện.

— Bà xem, con dâu của tôi nó thật là phung phí, mới lấy chồng có mấy tháng mà bắt chồng sắm nào nhẫn kim cương, nào áo khoác lông con nhím, nào dây da cá sấu, nào áo dạ hội, vòng tay, vòng cổ thật là chẳng biết thẳng ấy nó tội và gì mà gặp phải cái thứ đồ đầu bà hư thời đó.

CÔ ĐI LẤY CHỒNG

— Thế còn cô gái lấy chồng làm sao? Bà bạn hỏi.

— Ôi nhà, nhờ trời con bé ấy cũng có phúc mới lấy chồng có mấy tháng mà đã được chồng sắm cho nào nhẫn kim cương, nào áo khoác lông con nhím, nào giày da cá sấu, nào áo mặc đi dạ hội, vòng tay, vòng cổ. Thật tôi không ngờ con bé ấy thế mà lại tốt phúc. Các bạn có để ý nghe. Cũng một bà mẹ, cũng một câu nói mà hai giọng khác hẳn nhau. Bên xứ ta, các chàng rể yêu mẹ vợ vô cùng, không biết các bà có cái tài cán gì chứ ở Âu châu, các bà mẹ vợ và chàng rể không bao giờ ưa nổi nhau. Người ta hay đùa rằng khi nào đi vào rừng nhỏ nằm về phải mang đèn biểu mẹ vợ cho bà ấy ăn trước. Gặp phải nằm độc thì bà ấy sẽ chết trước.

Một ông kỹ sư vẽ woa đồ xe hơi, vào hãng xe đưa trình ông Giám đốc, ông này sau khi hỏi thăm các thứ máy móc bồng

nhớ đèn mẹ vợ ở nhà, mới hỏi ông này, thế chỗ bà mẹ vợ ở đâu? — Đây thưa ông, ở sau cái thùng xe, để bà ấy có căn năn cái gì mình khỏi điếc tai. Thời đại này người ta cũng hay ly dị, mà vì có nhiều lý do, nhà xã hội học bảo vì sống lâu với nhau nên dễ chán nhau. Nhà luân lý bảo thời thế phong hóa suy



đổi. Nhà đạo đức bảo tại cái căn bản tôn giáo trong mỗi con người bị lung lạc. Có người còn bảo tại văn minh cho đàn bà giải phóng, nên về nhà các bà không biết làm cơm lành canh ngọt, lại còn mở miệng là cãi bướng, các ông chịu không nổi nên mới có sự ly dị nhiều như thế.

CÔ ĐI LẤY CHỒNG

Thật ra, nếu thương nhau không được sống với nhau mà khổ một phần, thì ghét nhau mà phải ở cạnh nhau, chắc khổ đến hàng trăm phần. Các bà mẹ xứ Ý bây giờ thường bảo với con gái mình: « Con lấy con trai nước nào thì lấy chứ đừng lấy con trai Ý, sau này nếu hết thương nhau mà không được ly dị sẽ khổ một đời. Và cái nghề trạng sư chuyên môn làm hồ sơ cho các vụ ly dị không thể nào sống được trong cái xứ ấy.

Nhưng đây là xứ người, trở lại xứ ta, nhìn kỹ cũng còn rất nhiều đôi hạnh phúc, có lẽ nhờ sự văn minh chưa lan tràn đến quá cỡ, và lại các cô dâu có muôn văn minh nhưng còn các bậc cha mẹ ở đây dễ thắng dây cương. Như vậy, các nhà đạo đức sang đến đây cũng khỏi phải lo. Cô gái Việt-Nam còn hiền lành quá. Cô nào lúc trẻ có táo bạo đến mấy, lúc lấy chồng rồi cũng ngoan ngoãn phục tùng, chúng ta không cần lo ngại khi nói

đến những cô gái đột sống mới hay cao bồi, vì các cô này cũng chỉ đùa vạy thôi, chứ chắc không hại gì ai. Trở về với các cô nữ sinh của chúng ta, nếu các cô còn nhỏ thì nên làm sao cho các cô đừng nghĩ vợi đến những chuyện lập gia



đình sớm, chỉ mắt thì giờ nọc hành chờ chẳng được cái lợi gì. Hơn nữa, các cô đang có cha mẹ nuôi cho ăn học, mà không lo học, để sau này lấy chồng, nếu chồng có thất nghiệp rồi biết cách nào làm để nuôi con. Ý nghĩ lo lắng về tương lai này không biết đã xâm nhập vào người phụ nữ Việt-nam chưa, chứ phụ nữ Âu châu tôi quả thật

PHONG-PHU

NEUROTONIC

Bổ óc
Tăng cường trí nhớ

575 Y.T. 20-11-45

Dùng midol

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/BY.T./D.R.D.C.

CÔ ĐI LẤY CHỒNG

là ghi tâm khắc cốt. Ảnh hưởng sang cả đến các bà Việt Nam sang Pháp sống ở đây. Một bà vợ ông bác sĩ, chồng vẫn mạnh khỏe thề mà bà luôn luôn sợ chồng chết, không biết làm sao nuôi con, là bà phải đi học nghề cô đỡ, nghề thợ hớt tóc đàn bà, hớt tóc đàn ông và không biết còn học thêm gì nữa.

Các cô còn trẻ đừng lo nghĩ vội, nếu chúng ta muốn tự lập là cốt để cho cuộc sống của chúng ta khỏi phiền đến cha mẹ chứ đừng dại gì mà nghĩ đến chuyện lập gia đình, để phải gánh vác giang sơn nhà chồng ấy.



★ KỸ-LƯỞNG

Một nhà triệu-phú đến tiệm đặt làm một tủ sắt để ông ta cất tiền cho kỹ. Ông hỏi người thợ:

- Chú có thể làm cho tôi một tủ sắt thật chắc chứ?
- Dạ được ạ!
- Và chú phải đặt thêm vào bên trong vách tủ một tấm gương soi nữa nhé?

Người thợ tò mò hỏi tại sao. Ông triệu-phú điềm-nhiên đáp:

- Để tôi nhìn xem có phải chính thật là tôi đang mở tủ lấy tiền ra không!

Các bà mẹ cũng đừng lo đi giảng bầy, một cậu sinh viên học ở ngoại quốc về khoe: Từ khi nghe tôi sắp về, các bà có con gái luôn luôn đến thăm mẹ tôi và cho bà già ăn nhậu đủ thứ. Thề mà không biết sau đấy họ nghe phong phanh đồn rằng tôi có vợ đảm, thế là mẹ tôi hết được ăn. Biết rằng cứ chiến tranh mãi thì rồi giá đàn ông sẽ tăng lên cao, vì khan hiếm, nhưng hữu xạ tự nhiên hương, cần gì phải đi tìm cho mệt. Các ông lấy vợ ngoại quốc rồi lúc về xứ cũng kêu rằng các cô gái Việt sao độ nẩy xinh quá, thề thì các cô còn sợ gì nữa. ● ★



BỨC THƯ

PARIS

● Đọc Thư nhà

★ Nguyễn văn Côn

vẫn gì cả, đọc lên nghe như đựng đá sỏi, hay dụng phải dây núi ngồn ngang.

Chẳng hạn như: « Gió ngủ bên bờ liễu »; « Chim hoàng-anh nói chuyện với bông hường »;

hay:

« Vài ngôi nhà trên đồi
Gội đầu dưới mưa,
Hay ngáp ngủ
Trong trưa hè ».

Nhưng cũng có nhiều đoạn rất cảm hứng và tài tình:

Hôm nay dưới sous-sol (tức là tầng dưới đất) một hộp đêm ở xóm Saint-Germain-des-Prés tôi nghe một buổi bình thơ đặc biệt dành riêng cho các nhà thơ trẻ tuổi.

Lẽ tự nhiên hôm nay từ hình đến ý đều trắng trợn, táo bạo, có khi vẫn liên tiếp như nguồn suối, có khi câu cụt ngùn, không

Em là bông hoa chưa nở,
Em là ngôi sao chưa mọc,
Là ánh trăng thơ mộng
Đang từ phương xa đi lại.
Em là nụ cười,
Là nguồn sống
Là bàn tay

« oa n ái tóc tôi
An ủi hồn tôi trong tìm kiếm
Từ nghìn xưa
Khi chưa có trời đất
Chưa có hoa có lá
Chưa có tôi
Chưa có em
Em là Hy Vọng ! ».

Nhìn mấy nhà thơ trẻ tuổi này tóc bù xù, dài quá tai, râu che nửa mặt, hay các nữ thi-sĩ trẻ trung, mặc quần hẹp ống, sát vào đùi, chiếc pull-over đen bó ngực, tóc dài chấm vai, đứng trên sân khấu đọc thơ mình một cách linh động, cặp mắt khi trợn lên, khi mờ màng, khi nhắm lại, cánh tay khi dang thẳng, khi ôm ngực, nét mặt khi chưa chất, khi vui cười, khi tức giận ; trong lúc đó khán giả hay thính giả, có hiểu thơ hay không, đó là một chuyện khác nhưng trước bộ điệu các nhà thơ ấy, họ cũng thấy « lòng mình nao nao ».

Lúc ra khỏi « hầm », tuy đã tám giờ tối mà trời vẫn sáng.

Tôi bước vào hàng hiên một tiệm cà-phê mà chỗ ngồi thú nhút ở xóm Saint-Germain-des-Prés, tức là quán « Aux Deux Magots ». Trời ấm áp, ngồi ở quán này thì trước mặt là một nhà thờ danh tiếng ở Paris, tức là nhà thờ Saint-Germain-des-Prés, xây từ thế kỷ 11, 12, tức là trước đây gần 8 trăm năm.

Anh bạn Việt-nam cùng đi với tôi, qua đây học đã lâu nên không được theo dõi sự biến chuyển của văn thơ nước nhà. Tuy anh học ngành kỹ-sư nhưng anh vẫn thích văn-chương.

Anh ấy hỏi tôi : « Không biết thơ mình có nhiều thay đổi hay không, anh nhĩ ? »

Trước khi trả lời câu hỏi ấy, tôi hỏi lại anh ta : « Có lẽ trước sự thay đổi lớn trong thi văn Pháp, anh đã xúc-cảm nhiều chứ gì ? »

— Đúng thế ! Những bài thơ tôi vừa nghe hồi nãy khác hẳn thơ mà tôi đã học xưa kia, như thơ của Alfred de Musset hay Victor Hugo !

— Cái đó đã hẳn, vì trong đời sự gì cũng biến chuyển cả. Văn thơ bên nhà cũng có nhiều sự đổi thay, từ hình thức, cho đến ý tưởng. Bởi anh ít đọc

sách báo bên nhà, nên anh không được tường sự đổi thay ấy ! Mai chủ-nhật, nếu anh không bận, lại nhà tôi chơi, tôi sẽ đưa anh đọc một vài tác phẩm ở bên nhà. Anh sẽ thấy sự thay đổi của văn thơ nước ta, khác hẳn thời các cụ thích Đường Thi, hay lối thơ mới của Tự Lực Văn Đoàn ».

Ba giờ chiều Chủ-Nhật hôm sau, anh bạn này đúng hẹn đã đến nhà tôi, không quản ngại đường xá xa xôi. Anh bạn có nhã ý mua một chiếc bánh ngọt và đem theo ít mút hột sen bên nhà gửi qua.

Tôi chỉ pha một bình trà mạn, thế là hai chúng tôi phong lưu ngồi nói chuyện gẫu trước lan-can. Anh bạn nhắc với tôi buổi đi nghe bình thơ và hai chúng tôi đem các tập thơ bên nhà đã gửi tặng tôi, để tìm những sự đổi mới.

Anh bạn tôi, có một giọng ngâm trong veo, ấm áp, hơi dài và uốn nắn cao thấp dễ dàng. (Ở Paris, trong các buổi hội họp văn thơ và ca nhạc, thường thường phải nhờ anh giúp vui). Anh ta ngâm cho tôi nghe một vài bài thơ trong các tác phẩm nói trên : những thơ Đường anh

ngâm với giọng các cụ đồ xưa, còn những bài lục bát, anh ngâm chẳng khác các cô đầu ở dưới « xóm ».

Tôi sức nhớ xưa kia, cũng chỉ vì mê giọng ngâm thơ, hay lối kể chuyện mà tôi và vài người bạn đã trải biết bao nhiêu « đêm trắng ».

Anh bạn của tôi vẫn không quên mục-dích cuộc gặp gỡ hôm nay, nên anh lại gạn hỏi tôi về sự biến chuyển của thơ văn nước nhà. Vì vậy chúng tôi, mỗi người một tập thơ, tìm tòi một « hơi mới » (un souffle nouveau) trong Thi văn nước ta.

Vẫn biết nước ta đã có những áng văn xưa rất có giá-trị mà ngày nay chúng ta vẫn tôn sùng, nhưng trong đời, mọi sự đều phải theo luật tiến hóa thiên nhiên. Những gì không tiến tức là đứng lại, là giậm lùi, là tiêu tan. Vì thế, sự biến chuyển về hình thức và ý tưởng trong thi văn là việc cần phải có. Không phải tất cả những gì mới đều là thành đạt, nhưng tất nhiên phải có cái mới thì mới có thể tiến bộ được.

Cái mới mà hai chúng tôi đi tìm bao hàm từ nhạc điệu đến danh từ, hình ảnh và ý tưởng,

chẳng hạn như mấy câu sau đây
trong tập « **ĐÊM TRẮNG** » của
Thu Nhi.

« **Thu Nhi ơi !**
Hôm nao tóc thả hồn phiêu
lãng
Nghiêng mái đầu xanh rớt ần
tình
Tay đã nắm tay hòa ý nhạc
Tơ lòng chung đợi ánh bình
minh ».

hay mấy câu trong bài tựa :

« **Ta lặng lẽ nhận nụ hôn lần
cuối**
Đề ngày mai phải lượm chết
hương yêu,
Ta đoán biết tình mê say đắm
đuối
Càng đưa nhau vào ngõ hẹp
hoang liêu. »

Trong mấy câu này, ý và lời
rất riêng biệt : « **Tóc thả hồn
phiêu lãng** » ; « **nhận nụ hôn lần
cuối** » ; « **lượm chết hương yêu** ».

Trong tập « **ĐỢI MÙA
TRẮNG** », của Tôn Nữ Hỷ
Khương mà tôi đã có dịp phê
bình, chúng tôi rất thích những
câu sau đây trong « **Giấc mộng
đêm xuân** ».

« **Tiếng gió lao-xao**
Từ rừng vọng lại
Cùng chung hòa ngân mãi bản
tinh ca !

Núi đồi bao la
Ngân mai rực rỡ
Như reo mừng niềm nở đón
chào ta

Lối đi ngập sắc hoa
Mùi hương bay thoang-thoảng
Các vì sao lấp-loáng khoe màu...

Đây vừa là một cảnh đẹp vừa
là một bản nhạc, và hơn nữa
cảm hứng đã được thả hoàn-
toàn tự do, không bị niêm luật
chói buộc, thật là một « **cánh
mộng** » xán-lạn.

Đọc những câu thơ kể trên
của Thu-Nhi và Hỷ-Khương, ta
nhận một nguồn hứng mới, với
những nét tinh-vi đặc sắc.

Nhưng nói đến « **đợt sóng
mới** », ta không thể không nhắc
đến nhà thơ Nguyễn-Vỹ. Vì thế,
chúng tôi dờ đọc tập « **Hoang-
Vu** », và nhận thấy trong bài
« **ĐÊM TRINH** », nhiều điểm đặc
sắc trong sự biến chuyển
của Thơ Việt-Nam. Trước khi
bàn luận, ta hãy đọc lại bài
« **ĐÊM TRINH** », mà tôi đã dịch
ra Pháp văn.

Đêm nay tôi không muốn ngồi
gục, bên đỉnh trầm

Nghe rượu cười trong ly,
Nhạc quây cuồng trong khói,
Thời gian động trên mi
Tôi muốn về bên giếng tối

Khu vườn âm u
Không một dấu vết
Tôi không muốn đắm lên những
mặt trời đã chết

Không vương những nắng tơ
đã kết

Vòng hoa trên cổ áo quan tài.
Đã lạnh rồi những mùa xuân
chết yểu trong Thiên Thai
Nhặt làm chi những phím hương
đỏ gầy,

Màu xám hoàng hôn
Màu xanh rợn hoang hồn,
Hình bóng thời Homère quay
cuồng trong nhạc lửa !

Thôi vươn lên chi hình hài éo-
lả nữa !

Tôi không muốn đêm nay cười
ngiêng ngựa

Tôi đập tung cánh cửa
Ngạo nghễ của Thành Sầu
Tên lính gác nherăng cười rùng
rợn mắt sâu

Đề tôi đi !
Đề tôi đi !

Trời không mây, không gió,
Tôi không áo không chăn

Lôi về quê hương không cửa
không ngõ,

Tôi về cô phương không lửa
không tiáng

Mịt mù thăm thăm
Mênh mông biên giới của Đêm
Trinh !

Tối đen một giếng thăm,
Rực rỡ ánh quang minh
Tôi với tôi

Không hình không bóng
Tôi với tôi
Không thơ không mộng
Tôi với tôi

Lồng lộng giữa Hoang Vu
(Nguyễn-Vỹ)

Đọc lên, ngâm lên hay ngẫm
nghĩ đọc một mình, ta nhận
thấy lời lẽ ngang tàng, ý tưởng
táo bạo, hình ảnh đậm đà, âm
điệu linh động, và... « **cánh cửa**
của Thành Cổ điển » đã bị phá
tung !

Anh bạn của tôi tặng hẳn, lấy
giọng già dặn, rồi ngâm lên. Tôi
ngồi im-lặng nghe anh ta ngâm
với tất cả tinh thần của bài thơ
của Nguyễn-Vỹ. Hình ảnh, văn,
và những câu ngắn, đã được
trời lên một cách mạnh mẽ, nhạc
điệu dặt-dìu, những chữ « **then
chốt** » nổi bật lên ! Thật là một
bài thơ với « **nguồn hứng mới** »,
làm chúng tôi ngồi lặng lẽ một
hồi lâu, và làm tôi sức nhớ mãi

Dũng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BY.T/DPDC.

câu thơ trong «Cung oán ngâm khúc» :

Nước suối mạnh, dây mảnh
ngừng đứt
Ngừng đứt nên phút bật tiếng
tơ

Âm thầm đau giận ngân-ngơ
So ra lặng lẽ, bây giờ càng
hay.»

Bài thơ này tôi đã dịch ra Pháp văn như đã nói trên, và tôi chỉ nhắc lại là khi các bạn Pháp và Việt ở Paris đọc bản dịch đã nhận thấy nguồn hứng dồi dào, mạnh mẽ, và những nét diễm lổ lạc.

Về «nguồn hứng mới», tôi không thể nào không nhắc đến chị **Tuệ Mai**, mà ta có thể liệt vào những nhà thơ đặc sắc, tài hoa của thời đại mới này. Hai tập thơ: *Thơ «Tuệ Mai»* và «*Không bờ bến*» đã đem vào nguồn thơ ta những đợt sóng mạnh mẽ, những ánh sáng tung bừng, những nhạc điệu cao hùng, những tâm tình tuy thâm kín nhưng đầy sao xuyên. Tôi xin thú thật là nhiều câu và nhiều bài trong hai tập thơ của chị **Tuệ Mai** đã làm cho tôi hiểu thêm tâm hồn của một thiếu phụ (l'âme d'une jeune femme) và làm cho tôi được hưởng những ngạc nhiên hứng thú (des surpri-

ses agréables).

Cách đây hai năm tôi đã đọc một cách thích thú, và hôm nay sự thích thú vẫn mới mẻ khi tôi đọc lại bài «*Ngủ giữa Lòng Trăng*» :

* Em chờ trăng
Trăng lên rực-rỡ
em mời trăng
trăng tỏa khắp phòng
thương quạnh quẽ, Trăng vào...

âu yếm quá !

Trăng đem theo những âm-
hưởng đặt-diêu
cho phòng xinh khoảnh-khắc
hết diu-hiu.

Trăng khoe em : suối trăng rớt
rào

em khoe Trăng : thơ em ngọt
ngào

Trăng mời em tắm suối
em mời Trăng nghe thơ

Cảm động... hoa năm màu bùng
nở

Góp sắc hương mừng hội Thơ
Trăng

Gió vội rủ thông trời nhạc
sinh ca réo-rắt vang lừng
Vui quá !

thấy em vui Trăng cười rạng-rỡ
rời về khuya, em ngủ... giữa
lòng Trăng

Trăng ôm em... màu xanh bàng-
bạc

Trăng ru em... tiếng thơ man-
mác
chờ em say giấc, Trăng về
Trăng thường cung thể, bởi vì...

Trăng yêu.
(Tuệ Mai 1962)

Bài thơ này ta có thể liệt vào các bài thơ kiệt tác của thời đại, không những đã nâng cao tài hoa của các thi-sĩ phái đẹp, mà còn đáng đặt một «viên đá trắng» (marquer d'une pierre blanche) con đường thi văn của nước ta. Không phải bất cứ ai, hay bất cứ lúc nào cũng có thể sáng tác được một bài thơ như thế. Chính trong trọn đời một thi-sĩ, tóm tắt lại chỉ có dăm ba bài thơ bất hủ, sống hoà với nền thơ ; và cá «*duyên*» đó (cette bonne fortune) chỉ xảy ra vài lần trong đời người ta. Bài thơ này tức là mối «*nhân duyên*» của **Tuệ Mai**. Khi đọc lên ta tưởng đâu, không phải một đêm đón mừng Trăng, mà là một thiếu nữ đợi một người tình nhân, rồi trong bao nhiêu cái đẹp của thanh, của sắc... «*em đã ngủ*

giữa lòng Trăng.» Khiến cho tôi lại nhớ đến truyện thần-thoại *Nàng Psyché và Thần Ái-Tình* (Psyché et l'Amour).

Ưa duyên má thẹn hồng hào
Đẹp như sắc mộng đêm nào
chưa phai.

«*Đọc Thơ nhà*», tôi tưởng đâu đang đàm luận cùng anh chị em ở bên nhà. Tuy chỉ quen nhau qua hình ảnh và lời thơ, nhưng mỗi duyên như nổi chặt tự bao giờ.

Sau khi đưa bạn ra bến ô-tô-buýt, tôi nhắc lại những vần thơ yêu mến, rồi tự thấy mình nhớ tưởng xa xôi và lòng lơ-thú thêm đơn lạnh. Tôi cảm tập *Hoang Vu*, ngâm mấy câu của Nguyễn Vỹ, trong bài «*Ra đi*» :

Tương tư dâng ngọn thủy-triều
Vấn vương cánh mộng nặng
trôi sương tơ l

Vần rêu còn quẩn bụi mờ,
Còn hoen nét lệ trên tờ giấy
Trăng»

Thân mến chào các bạn.

* DANH NGÔN

Đứa ngu si, gặp người đàn bà, thường khen là bộ răng đẹp.
Người khôn thì lại làm cho họ cười.

(L'imbécile dit à une femme qu'elle a de belles dents.
L'homme d'esprit la fait rire).

VỤ ĐỐT PHÁ HỒI ĐÊM



Truyện ngắn : LAN-BÌNH

BÔNG từ cánh rừng phía Tây, mạn sang biên giới, lại vọng vào tiếng loa, cũng giọng con gái như đêm qua, đêm kia và lâu rồi :

— Đêm qua em nằm nhà ngang
Màn thưa gió lọt thương chàng
lắm thay

Dại gì sống kiếp tay sai
Cơm đồng bào, lại đi quây
đồng bào

Anh ơi, anh nghĩ thế nào
Nỡ tâm...

Mọi khi, sau những câu ví-von đại loại như thế, tôi chỉ nghe sùng trong đồn Chợ - Đồn bắn ra xối-xả, đình tai lộng óc. Nhưng lần này, lần thứ nhất tôi

ngạc nhiên, anh chàng nào đó cũng cao hứng ngâm nga :

— Con trai mà nuốt con cò !
Bởi chưng đôi rách mới mò vào
đây

Bao giờ trắng mọc đặng Tây
Bên ấy chẳng gọi, bên này cũng
về.

Hề hề...

Ngoài xa, người con gái thoát
đôi giọng cay nghiệt :

— Alô, nghe kỹ đây : Sau biện
pháp ôn hòa, nếu các anh còn
ngoaan cố, chúng tôi sẽ...

Trên chòi canh, anh chàng
ban nãy cười rộ :

— Có ngay ! Đợi đấy, anh ra
tức thì. Thăng Hồ đây !

Chẳng hiểu ả cán bộ tuyên

ĐỐT PHÁ HỒI ĐÊM

truyền có đặt mình hay không ? Nhưng chính tôi, kẻ ngoài cuộc, đã phát hoảng đến ngồi bật dậy. Thì ra Hồ đã dời về đây ! Chưa chi mà tôi cứ run đây đây khắp tay chân. Tôi còn nhớ rõ tường chừng vẫn trông thấy ngay trước mắt, qua các chuyển đem ghe mía lên bán ở vùng trên, tôi thường gặp gã đàn ông dị hợm ấy dẫn đầu toán lính vụt ẩn, vụt hiện nơi nơi, bến đò, trong chợ, dọc đường, bụi rậm, ven sông...

Hắn... Cái đầu cá trê bẹt mà vát, lại còn để tóc móng lừa trông thật chẳng khác một vết búa tán mạnh cho đẹp xuống ! Vầng trán ngắn, dựng đứng đặc về gần bướng, tàn nhẫn, và ngu nữa. Đôi mắt him híp lúc nào cũng đỏ gay, sừng sừng, lừ đừ, cái nét nhìn lim dim phảng phất bóng dáng thỏa thích sau giấc ngủ ngon, nhưng cũng chính vì thế mà lại toát ra đôi chút dâm dăng. Hàm răng đều tăm tắp, trắng bong, cười thật tươi, nét cười ở kẻ hay chơi nhả đùa mà chết người !

Tôi hồi hộp lóng tai mãi, tiếng loa đã cất bật tự lúc nào. Tôi đoán có lẽ ả cán bộ và đồng bọn cũng giống tôi, chỉ cần nghe Hồ xưng danh, đã khiếp đảm đến nỗi phải tháo chạy rồi.



Tôi vẫn ngồi miết ở mé phàn, thu mình trong góc nhà tối, thật đúng là sợ đến 'thắt ruột', chẳng biết đã bao lâu. Bỗng Hồ từ đâu xịch vào, cao lớn một cách dứt nức hẳn khung cửa. Hẳn giờ cao cả hai tay, xòe rộng cả mười ngón, máu bẻ-bết :

— Cho tao rửa nhờ cái tay.

Chúng tôi đi xuống sân sau, dừng lại bên vại nước ở mé vườn. Hồ thọc tay vào túi quần, định lấy vật gì đó, nhưng nghĩ sao lại thôi, cái cử chỉ cố tình muốn nhàn nhạ :

— Này, đêm qua, mày có nghe tụi nó gọi loa không ?

— Dạ thưa có.

— Ờ, ngay bây giờ tao đã dẫn một tiểu đội ra, nhưng chẳng thấy ma nào cả !

— Dạ, chúng sợ...

— Vừa rồi, tao lại dẫn lính vào mấy làng chung quanh...

Hồ moi ra một xóc tai người, nhiều đếm không xuể như chuối vỏ quít :

— Thoạt tiên, tao gặp một thằng đang câu cá ở bờ ruộng...

Hồ văng tục, chửi dèm :

— (...) Dưới ruộng, nông sờ, thì làm gì có cá mà câu ? Tao hỏi nó : tụi già mòm đêm qua đâu ? Nó bảo « không bắt ». Nhưng

tao vẫn thừa hiểu là nó biết. Thế là tao xin nó một cái tai để cảnh cáo. Bỏ đi một quăng, tao chợt nghĩ, ông trời ông ấy sinh ra người nào cũng có hai tai, nếu chỉ xẻo một bên thôi, thì trông lệch lạc thế nào ấy. Thế là tao trở lại, xin nó nốt cái tai còn sót. Rồi quen tay, tao cứ gập thẳng nào ăm ớ, thì xẻo tai. Hề hề, nhiều không?

Tôi chóng mặt chỉ muốn ngồi vật xuống, nổi choáng-váng in hệt cơn sốt ngộ gió độc. Cả lời lẽ của Hồ cũng mờ đi, nghe xa lắc:

— Mày làm sao thế? Đừng sợ. «Chính sách» của tao là đi lột bớt mặc áo cà-sa, đi với má mặc áo giầy...

— Dạ.

— Mày làm công cho cái thằng «Ông Chủ» hả? Ờ, mới trông tao cũng có cảm tình với mày rồi. Tao đang định tuyển mày vào lính...

Tôi sực tỉnh, chưa tìm được câu nói thoái thác, thì Hồ đã tiếp:

— Thời buổi này, nhất là tình hình khó khăn ở đây, thì sức vóc như mày không thể phát

phor ở ngoài được, phải đứng hẳn về một bên.

Bất giác, tôi dang cả hai bàn tay về phía trước không biết để làm gì:

— Dạ thưa, mẹ tôi chỉ có mình tôi...

Nhưng Hồ đã ngoắt đi:

— Không sao. Đây vào đồn có vài chục thước. Còn nếu mày sợ thằng «Ông Chủ» phản đối, thì để tao sẽ bảo nó cho...



Chúng tôi tới nơi vừa lúc nhà lão Ông Chủ đang ăn cơm trưa. Lão ngồi riêng ở đầu thềm, chỗ rợp bóng cây, một manh chiếu cùn, cái khay gỗ đựng con gà luộc to tướng, vàng ngậy, và chai rượu trắng cao ngều nghện. Thế thôi. Lão ra tận cổng đón Hồ:

— Kìa anh Hồ, nghe nói anh mới về cai quản miệt này, tôi đã toan lên đồn chào anh, mà chưa gì hết, anh đã vô chơi. Thiệt tôi khó nghĩ quá!

Hồ chỉ khê gặt gù. Lão Ông Chủ phác một vòng tay:

— Tiện bữa, mời anh vô nhậu ba xì cho vui.

Hồ cũng chỉ khê gặt gù, đi thẳng vào chiếu rượu. Tôi sồn vén ngồi tựa chiếc cột hiên, thật xa họ. Hồ vận nghiêng cái đùi gà, một tay tung cao chai rượu, bắt xuống, tu dài:

— Mày ở chỗ vắng thế này, mà tụi nó không làm khó dễ, sao lạ vậy?

Lão Ông Chủ nhếch cười:

— Tụi nó đâu phải những thằng nào xa lạ, toàn một lũ trộm vặt, đói muốn chết nên mới phải vào du-kích chứ...

— Tụi nó ngán mày?

— Có một phần. Phần nữa, tôi cũng chẳng còn gì để tụi nó kiếm chuyện. Anh coi, ít ruộng khô nứt ra, ba cái dò máy mắc dịch, đáng là bao?

Chúng nó đã chữa tôi ra thì phải hơn!

— Chúng nó chữa mày ra. Còn mày, mày không tố cáo chúng nó, vậy thì bọn mày vào đảng với nhau rồi?

— Thật khó nói cho rành rẽ.

Hồ rút dao găm, cầm ngược đằng lưởi, ở đốc chuôi có gắn cái đầu lâu bằng đồng, hẳn bỏ xuống gối lão Ông Chủ một cái:

— Hồ?

Tuy ngồi xa, tôi chỉ thấy Hồ khê nhíp tay, chỉ nghe một tiếng dội ngân, nhưng tôi vẫn cảm thấy nhát đòn đau lắm, như chính mình đau, đến sồn da. Hơn nữa, lão Ông Chủ là kẻ giỏi võ, nhưng cũng đang vo viên đôi tay, cái cử chỉ da diết ở người vừa bôi phải chất thuốc sát!

Hồ cứ đều tay gõ đốc dao. Tôi đếm rõ đến lần thứ năm. Phất cái, lão Ông Chủ vùng dậy, toan chạy, có lẽ chạy tìm khí giới. Nhưng Hồ đã kịp chĩa nòng súng tiêu liên:

— Đứng im. Cho mày nói. Nhưng nếu chạy, tao bắn!

Lão Ông Chủ nghiêng răng ken két, quai hàm bạnh ra, mắt đỏ sừng, đỏ vì rượu, vì uất. Lão trở tay vào mặt Hồ, miệng sùi bọt:

— Tôi nề anh là người chức việc, tôi là dân. Nhưng một anh hùng một giang sơn. Tôi trọng anh, kêu anh là anh, tuy tôi lớn tuổi hơn anh nhiều. Nhưng anh cứ chơi cha, kêu tôi là mày. Mà tôi vẫn chịu.

Hồ lại khê gặt gù. Lão ông-

Điנג midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/DPBC

Điנג NEUROTONIC BỔ ỨC TĂNG CƯỜNG TRÍ NHỚ
575 BYT 20-11-65

chủ tiếp :

— Tụi nó đầu sao cũng là một đạo quân, tôi có một mình, làm gì được. Tụi nó đề cho yên thân là có phước rồi, còn muốn gì? Anh không hiểu chỗ đó cho tôi, cứ chơi cha hoài, thì tôi, tôi liều, tôi...

Hồ phì cười, vẫn nụ cười chơi nhả:

— Có thể chứ! Tao đang nghĩ bụng, tao sẽ gõ đủ mười cái, nếu mày vẫn nhịn, thì tao giết mày, giết một thằng vô ích, anh hùng rơm, không xứng với lời đồn!

Hồ thần nhiên đứng dậy, ngoắt tôi cùng về. Ngoảnh lại, bây giờ tôi mới thấy người nhà lão Ông Chủ từ đầu ủa ra, xúm quanh lão.

Ai đó còn đứng khuất ngoài hiên, nhưng tôi cũng nghe thủng câu chuyện thì thầm. Dưới rạch Môn vừa phái người lên cho tin bị bao vây và xin cứu viện. Hồ lại khê gật gù, cái cử chỉ cố hữu nhưng hần còn gãi cạnh sườn một hồi lâu, rồi mới nài nỉ, tay súng tay đèn bấm. Lúc Hồ sắp chạy ra, chợt ngoảnh thấy tôi, hần chặc lưỡi:

— Đi mày!

Tôi lầy bầy bước theo hần.

Chúng tôi mười bốn người, đứng chụm giữa sân, chung quanh Hồ. Hồ nói chỉ vừa nghe, nhưng dần giọng:

— Tao chẳng học ở trường nào ra cả. Nhưng tao đã hiểu rõ bọn du kích. Lát nữa, từ đây vào Rạch Môn chỉ có một lối đi, đường độc đạo, coi chừng bị đánh úp. Tao đoán thế. Bởi vì tao đã cắt tai mấy chục thằng, có lẽ chúng nó muốn trả thù, cử đại diện thách tao ra. Có lẽ đúng, chứ đang đêm thế này cho ăn thính cũng chẳng đứa nào dám lén mò từ Rạch Môn lên đây đề xin tiếp viện.

Hồ nghịch ngợm búng mẩu thuốc lá lên cao:

— Vậy chúng mày nghe kỹ đây. Tao với thằng này đi giữa—hần bảo tôi—còn mỗi bên đường sáu thằng, chia thành hai cột chéch xa nhau, cách khoảng thật thưa, luôn luôn đề ý dưới ruộng. Nếu đụng mìn, đứa nào chết thì thôi. Đứa nào còn sống phải đầu lưng vào nhau, từng đôi, bắn phủ đầu chúng nó hoặc đâm. Không được nằm, nằm thì chết hết. Sau tiếng nổ khủng bố tinh thần, nhất định chúng nó sẽ ào lên, đánh cận chiến. Đừng để chúng nó kịp ào lên! Thằng nào nhất bỏ chạy, tao bắn chết tươi!

Tôi cố giương mắt, vẫn không nhìn rõ được chút gì, chung quanh chỉ hiện rõ từng vũng nước phản chiếu vòm trời, trắng lạnh. Gió buốt tê da mặt. Tôi đã cắn răng đến nhức lên thái dương, nhưng chân tay cứ run lật bật liên hồi khiến tâm óc cũng xáo trộn mù mịt, không thể phân biệt đâu ra đâu nữa.

Tiếng ai hô đồng dục:

— Đứng lại!

Hồ cười khẩy:

— Lính Chợ Đồn đây!

Gã trai làng vụng dại giờ cao cái đèn chai ngang mặt, tay lăm lăm cây súng một cách cố tình tỏ ra siêng năng. Hồ văng tục, chửi dêm:

— Mở cồng ra!

Vừa bước vào đầu làng, Hồ đã hất hàm:

— Đâu, địch bao vây đâu?

Gã trai làng còn đang ấp úng. Phắt cái, Hồ rút dao găm, xiên anh ta một nhát, ngã dúi; không kịp kêu. Hần lại văng tục, chửi dêm:

— Bịp hà?

Lập tức, Hồ nhảy tới gian nhà tranh đang có ánh lửa thoát qua khe liếp. Chúng tôi đi theo. Cái điểm gác, hai đầu nhà kê hai tấm phản, bốn năm thanh niên

ngồi vón lại. mấy khẩu súng trường dựng xiêu vẹo một cách chênh mảng ở những chân cột. Gian giữa, cái bếp lò cả lửa, cháy phần phật, nồi cháo bốc hơi ngùn ngụt thơm phức. Hồ nhử mắt nhìn dăm dăm nồi cháo, rồi không hiểu nghĩ sao, hần nhếch môi, tay khê nâng cây tiêu liên, vẩy nhanh. Tròng đạn nổ gọn như chỉ bắn một phát. Bốn năm thanh niên bật ngửa, chất đồng trên tấm phản. Hồ nhảy tới dùng dao găm, cứa đứt da chiếc đầu, xoắn tóc, xách ra ngoài. Chúng tôi lại đi theo Hồ. Hần dừng trước ngôi nhà vách cây, mái ngói:

— Ông làng đâu, Hồ đây thấp đèn lên!

Người đàn ông còm cõi, tay xách chiếc đèn măng-xông, chạy vội ra, bước thấp bước cao chỉ chực dậm sấp. ánh sáng xanh ngấn ngắt soi rõ bộ bà ba, nước vải sa tanh đen bóng loang-loáng. Hồ quăng ba cái đầu lâu rơi lặn lóc dưới chân kẻ đối diện, giọng nói của hần bỗng trầm xuống ngọt sớt:

— Xin ông Làng vắn to ngọn đèn lên mà nhìn cho rõ. Chúng tôi vừa đến giải vây cho quý xã, thủ cấp quân địch đây ạ!

Ông Làng dật lùi từng bước.

đúng thái độ trời chết. Hồ đồ xô tới, tay nắm ngực áo, tay còn bê bát máu tươi quệt đầy mặt ông lão, giọng nói của hắn rín rít như mài xuống:

— Đây mới là lần thứ nhất, đề cảnh cáo cái lối khôn vặt. Ông ghét nhất cái lối khôn vặt! Thiếu gì cách đề tăng công, sao lại làm mất giấc ngủ của ông, rồi rút cục chẳng thấy gì cả, chỉ có mấy thằng khốn kiếp đang ăn cho béo. Ông soi gần chục đĩa rồi đấy. Có oan ức thì đi thưa...

Hồ cứ nghiêng răng, cứ sorn đồ kín bộ mặt của ông Làng.



Lâu lắm, tôi cứ ngồi bó gối, nhìn sang quán ăn bên kia đường, tỉ mẩn theo dõi từng cử chỉ của họ. Trong ánh đèn phần xanh lét, mặt Hồ càng đỏ dừ như gấc chín. Tôi chỉ trông rõ một số vỏ chai phori ra chỗ sáng không kể những chiếc còn khuất trong bóng tối găm bàn, nhưng cũng đủ ước chừng Hồ đã uống cạn hàng két bia. Tuy thế, tôi chưa đọc được chút gì no say ở Hồ. Hắn vẫn đều tay nâng ly, gấp thức ăn. Trái lại, cốc bia của lão ông chủ còn y nguyên. Hình như Lão chỉ cốt ngồi cho Hồ có bạn đối ẩm, chứ lão không đói. Nghĩ thế, tôi

liếc vội qua những hàng quán chung quanh, tiệm nào cũng đông khách, kể cả chỗ tôi ngồi, trừ ngôi hàng trước mặt, chỉ có riêng đôi bạn: Hồ và Lão ông chủ.

Thêm lần nữa, tôi lại so sánh lần thần, nếu ở chợ Đồn không có Lão ông Chủ, thì Hồ sẽ lấy ai làm bạn tương đắc. Cũng thêm lần nữa, tôi ngạc nhiên trường hợp kết giao của họ. Nhiều khi tôi thường nghi hoặc một phép màu nhiệm nào đó đã xui khiến họ gặp nhau, bù trừ uy thế cho nhau. Không bao giờ tôi ưa họ, nhưng thâm tâm, tôi vẫn mừng tượng thấy chút gì công ơn của họ. Trường đồn Hồ, thêm với chánh tổng Lão ông chủ, quả thật hai thằng người ghê gớm đó đã bình trị cả góc trời. Trước kia, khu phố lá Chợ Đồn chỉ có hai dãy nhà tranh xiêu vẹo, buôn bán lấy lẹ, nhưng bây giờ, dù sao, khung cảnh cũng đông vui hơn, đủ cả bến xe ngựa, hiệu tạp hóa và nhà họ sinh.

Có tiếng bàn ghế va chạm. Tôi ngoảnh nhìn, tường Hồ ra về. Không, hắn lại chấp chứng bước ra góc sân, chỗ cây gòn, đi giải. Còn một mình, Lão ông chủ vẫn giữ nguyên dáng điệu cũ, chân

trên chân dưới, tay chống khuỷu trên bàn đỡ má, đôi mắt ngó thẳng trên tờ báo.

Tôi sắp hướng về phía Hồ, ngay lúc đó, tôi nhác thấy, từ phía cửa sau, một người nhẩy ra, quần áo đen, chéo khăn vuông bịt kín nửa mặt. Tôi mới thoát nhận xét được chừng đó, chưa kịp phản ứng, thanh mã tấu đã hạ xuống, bàn tay lão ông chủ — đang đỡ má — đã rụng xuống mặt bàn, đầy này. Đèn tắt. Tôi còn đang lúng túng, Hồ từ chỗ đi giải trở vào, vẫn vô tình, lại còn chum miệng huyết sáo hồn nhiên, chắc hắn say quá, nên đã tưởng nhầm ánh đèn bên này, chỗ tôi ngồi, là ánh đèn bên ấy. Sự nhớ, tôi ném mạnh cái ống dũa, đập vỡ cây đèn phần. Khốn nỗi, Hồ lại ngoảnh nhìn có vẻ lạ lắm hơn là giật mình.

Ngay lúc đó, một bóng đen khác, chồm tới, xuống dao. Nhờ ánh đèn ở những nhà khác tắt sang, tôi còn trông rõ Hồ nhẩy tránh, đá tên kia ngã ngửa, văng mất khí giới. Lại một bóng đen khác đâm sầm ra, Hồ đặt lùi,

trong tay đã có súng lục bắn trả.

Mãi đến bây giờ, nhờ phát đạn, hàng phố mới biết có biến, đèn tắt một loạt, cửa đóng rầm rập. Nhưng ngay lúc chợt tối, tôi còn bắt gặp cái thẳng bị Hồ đá văng dao ban nãy, dùng dẫy, vó được cây bời chèo dựng ở mái hiên, nó quai ngược, trúng giữa trán Hồ, lăn quay. Rồi đạn nổ rền, xẹt lửa, tiếng đàn bà kêu thất thanh, trẻ con khóc chết lặng.

Các bạn tôi, vẫn ngồi tẩn mác ở khắp quán ăn trong phố Chợ Đồn, đã kịp phản ứng. Họ giần thận bắn tia những bóng đen. Riêng tôi nằm trong chỗ nấp, chỉ đếm rõ những tên địch vụt ẩn vụt hiện, đúng 6 đĩa, chúng nó đang lui dần ra xa, mạn Đồng Tranh.

Bỗng giọng nói của Hồ nồng nặc, hồn hèn đứt quãng đằng sau chúng tôi:

— Thôi. Về đồn ngay, không bị vây bây giờ!

Chúng tôi vùng nhanh dậy, chạy. Nhưng Hồ còn đứng tại chỗ dật khẩu tiêu liên của tôi, bắn quét, cản hậu, một tay đập khắp túi quần, túi áo, hắn xòe lửa, dĩ

PHONG-PHÚ

Đúng

NEUROTONIC

BỔ ỨC
Tăng cường trí não

575 BYT 20-11-65

lên góc mái tranh, ánh sáng phơi rõ đôi mắt trợn trừng, cái quai hàm bạnh to. Tôi thốt kêu :

— Còn Ông Chủ ?

Hồ giắt tôi, bỏ chạy.

— Nó chết rồi.

Chạy vào sân đồn, tôi ngoảnh lại, khu phố đã cháy đều, đồ ối, soi rõ từng nắm mộ, bụi cây ngoài cánh đồng. Hồ nằm vật xuống ghế xích đu, hai chân sằng háng, hai tay buông thõng, vết thương hằn sâu, kéo dài gần hết bề ngang vầng trán, máu tươi đọng thành vũng cả hai mắt. Ở Hồ chỉ còn cái quai hàm đang sống, hẳn cứ nghiền răng cứng nhắc tưởng chừng đang nghiền cho thật nhuyễn những cái gì sạn trong miệng, na ná cử chỉ cắn chặt. Có điều tôi không hiểu Hồ đang nín đau hay nuốt hận, chắc cả hai thứ.

Đôi bên Hồ chỉ có hai người hữu ích, mẹ tôi pha thau nước nóng, anh y tá đang lúng túng chọn đồ nghề, cái túi hồng thập tự vừa đủ đựng một ống tiêm, vài lọ thuốc, gói bông, cuộn băng.

Đang cùng quần, chợt ai nẩy chạy tủa ra các ụ súng. Ngoài xa, vẫn từ mạn biên giới, cũng tiếng loa giọng người con gái độ nào. Tôi đến sau, chỉ nghe được câu cuối :

— ... Thủ đô và các tỉnh, chúng tôi đã làm chủ tình hình. Đề tiết kiệm máu, các anh hãy buông súng ra hàng. Nếu không tin, các anh mở máy thu thanh mà nghe. Cho các anh suy nghĩ...

Mấy người xúm vào chiếc máy thu thanh, loại xách tay, chạy bình nhưng không tài nào bắt được tin tức xa. Chợt Hồ gầm lên :

— Đem vào đây cho tao !

Hồ toan trỗi dậy, nhưng kiệt sức lại phải nằm nguyên, hăm giáng mạnh gót giày, cái máy thu thanh vỡ vụn :

— Liên lạc về quận xem !

Quận không trả lời. Trong mấy chỉ phát ra những tiếng rền dài, «đề kêu» vô nghĩa. Trông Hồ ngồi nghẹo cổ, băng quần ngang đầu, mắt nhắm nghiền, chúng tôi xuống tinh thần ghê gớm. Nhưng Hồ đã tập trung hơi sức, thở mạnh một cái :

— Mặc mẹ chúng nó. Cứ nằm im, nhìn ra. Để chúng nó đến sát hàng rào, hãy bắn...

Hồ nuốt nước bọt, liếm môi :

— Đừng có tưởng bở, nghe chúng nó xui dại. Tao, tao còn khỏe lắm...

Tuy nói thế nhưng Hồ cứ yếu dần, rồi mê hẳn. Chúng tôi cứ hồi hộp trông chừng, vẫn ba phía mù mịt, một phía hoa mắt, tàn đỏ bay lao xao.

Thật khó hiểu, từ nửa đêm đến sáng, đối phương chưa động binh. Mãi tới bạch nhật, chúng tôi mới thấy từng nhóm người, lũ lượt, từ đám cháy đi ra. Nhìn kỹ, toàn những bóng dáng quen thuộc, số dân sống sót đêm qua. Họ ngồi kín cả quảng đường vào đồn, đủ mặt nam phụ lão ấu. Họ chỉ ngồi nín thinh, giống nhau, hầu hết một dáng điệu, đầu cúi gằm, tay ôm đầu gối. Họ muốn ăn vạ, hay nói cho hết nghĩa, họ biểu tình ngồi.

Tiếng động cơ từ xa vẳng lại. Chuối xe nhà binh hiện ra ở cái

ngã ba, đầu quảng đường lên quận. Đoàn công xa đỗ trước cổng đồn. Đại úy quận trưởng vừa bước xuống, nhất loạt, đám đông bật dậy, họ khóc, họ gào :

— Giết thẳng Hồ cho chúng tôi !

Bây giờ chúng tôi mới vỡ lẽ. Ngay từ xế chiều hôm qua, trên thủ đô có đảo chánh. Sáng nay, đại úy quận trưởng về trấn an quân, dân Chợ Đồn, và bắt Hồ.

Lúc người ta khiêng Hồ ra xe, hẳn vẫn mê man, chỉ thoáng mở mắt, một cái nhìn lạ lẫm, rồi lại nhắm nghiền. Trông theo Hồ, chợt mẹ tôi ôm mặt, òa khóc. Tôi cũng phải gắng gượng hết sức, mới trấn áp được nước mắt.

Nhưng tôi vẫn chưa chịu tin rằng mình đang thương Hồ. Nước mắt nguôi vào trong ngực, cô gợn lại thành một bối gì ôm ộp, nóng hổi, tan dần đi và son sớt. Đến bấy giờ, tôi mới chợt hiểu, riêng mình không hề có lý do gì để ghét Hồ. Ngược lại, ai ngờ tôi đã ưa thích hẳn từ lâu rồi.

PHONG-PHÚ

Đông NEUROTONIC

BỔ ỨC
Củng cố trí não

575 BVT 20-11-62

Đông midol

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm

1360/BYT/DPDC.

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÁY

NHÂN TẾT ĐOAN NGỌ NÓI CHUYỆN

KHUẤT - NGUYỄN

CỤ TỔ CỦA THI ĐÀN
TRUNG QUỐC
MỘT NHÀ THƠ ÁI QUỐC
TIỀN PHONG
MỘT BÀI HỌC ĐÁNG GIÁ
CHO NHỮNG KẺ CHẦN
DÂN TRỊ NƯỚC
VÀ BÈ LỮ HÔN QUÂN
ÁM CHỨA

Giá trị thi
phẩm Ly - Tao
và cuộc đời
văn-nghệ

★ Thái-Bạch

(tiếp theo P.T. 151)

KHUẤT Nguyên chết, lưu lại lòng người nước. Sở nói riêng khi ấy và Trung-quốc nói chung sau này một nỗi buồn bất diệt về thảm cảnh như trên. Thực ra thảm cảnh ấy, không phải trên đời chỉ có Khuất Nguyên là kẻ duy nhất gặp. Còn cơ man người khác. Nhưng Khuất Nguyên được nhắc đến, được thương nhớ nhiều hơn, bởi lẽ gặp thảm cảnh ấy ông đã để lại cho đời một sản phẩm tinh thần bất hủ tức bài thơ Ly-Tao.

Ly-tao có nghĩa là buồn rầu ly biệt. Nhưng cái buồn rầu ly biệt của ông là cái chung của thiên hạ không phải cái thứ buồn vô lý vô nghĩa của những kẻ than mây khóc gió, tiếc hoa hận tình. Đọc Ly-tao chúng ta có thể nói đó là bản đàn tuyệt diệu phả vào lòng người những hoài cảm rung động, những cung bậc nỉ non rẻo rắt, khiến hăng ưu thời mẫn thế thường phải băn khoăn và suy nghĩ rất nhiều. Vì vậy, danh nho đời Hán là Giả Nghị khi qua sông Mịch-la cũng có phú điệu Khuất Nguyên, cụ Tiên Điền Nguyễn-Du của ta khi sang xứ Tàu, thuyền đậu bên

FHUẤT-NGUYỄN

bờ sông Tương, cũng đã xúc cảm làm thơ khóc Tam-Lur đại phu. (tức Khuất Nguyên).

Nói tổng quát, giá trị của Ly-Tao là thế, đồng thời là một tấm gương phản chiếu một cách trung thực và minh chính của nỗi lòng Khuất Nguyên, đã được nghệ thuật hóa rất thần tình. Chả vậy, một người khó tính như nhà viết sử Tư-Mã-Thiên khi đọc Ly-tao cũng phải hạ bút viết những giòng nhận xét :

« Trời là đầu mối của loài người. Cha mẹ là gốc của con người. Người ta khi cùng thì trở lại với gốc, cho nên khó nhọc, mệt không ai là không kêu trời, đau ốm tủi nhục không ai không kêu cha kêu mẹ. Khuất Bình theo đạo chính làm việc thẳng, đem hết lòng trung hết trí khôn để thờ vua, vậy mà bị kẻ dèm pha làm cho đến ly gián, có thể gọi là cùng vậy. Đúng mà bị ngờ vực, trung mà bị nói xấu, không oán sao được ? Viết Ly-tao, Khuất Bình tự oán đời mình đấy. Thơ Quốc phong mê sắc mà không dâm, thơ Tiểu-nhã ai oán mà không loạn. Ly-Tao gồm được cả hai đặc sắc

ấy. »

Đó là hình thức, còn nội dung thì sau đây cũng là những lời của nhà viết sử trứ danh trên :

« Trên núi Đế Cốc, dưới khe Tề Hoàn, giữa thuật vua Thang vua Vũ đề nói khấy việc đời. Xét cao rộng của đạo đức, ngọn ngành của trị loạn, không chỗ nào không suốt. Văn ông gọn, lời ông êm, chí ông sạch, nét ông thẳng, câu viết ít mà ý rất nhiều, diễn dẫn gần mà nghĩa khá xa. Chí ông sạch nên ông hay nói đến hoa thơm, nét ông thẳng nên dù chết cũng không chịu buông thả. Quần quai trong vũng lầy, trút sạch lốt dơ đục, bay bổng ra ngoài trần ai, không để cho đời đầy bẩn, thật là « bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn ». Suy rộng ra, chí ấy có thể so sánh cùng mặt trời, mặt trăng cũng được? »

Thật vậy, chúng ta hãy nghe một đoạn trong bài mà trước đây nhà thơ Nhượng Tống đã dịch :
*Nói với chúng để hồng nói xiết,
Ai là người xét lòng ta.
Đời đều bề đảng gian tà,*

PHONG-THU

Dùng

NEUROTONIC

BỔ CỨ
Tăng cường trí não

575 DVT 20-11-69

Một mình ta nói nói mà ai nghe.
Trông đạo Thánh liệu bề theo rồi
Đến chi đây xiết nỗi tan toan.
Sang Nam qua ngọn Tương
Ngoan
Đến đền vua Thuần, ta than vãi
lời

Mê hát xướng kìa đời nhà Hạ,
Vua Thái Khang thỏa dạ vui chơi
Chẳng lo chẳng nghĩ lâu dài.
Năm con mới phải lạc loài bốn
phương

Vua Nghệ chỉ ham đương sẵn bắn
Say chim muông quên hẳn việc
thường

Tham vui vua xúc hoang toàng,
Cả hai đều phải thịt xương tan
tành

Đến vua Nghiêu cây minh sức khỏe
Chẳng giữ gìn phi chí ăn chơi
Quên mình ngày tháng dòng dài
Quá ra khi đã đề rơi cả đầu.

Hạ-Kiệt có biết đâu đạo cả.
Lần lửa trông tai vạ tới nơi.

Vua Tân ướp mắm thịt người.
Cũng vì thế mới hết đời nhà
Thương

Lại xét đến Vũ, Thang, Văn, Vũ.
Kính mà nghiêm chẳng bỏ đạo bằng
Cắt dùng toàn bọn tài năng.
Theo khuôn giữ mực thẳng băng
một chiều.

Ông trời chẳng riêng yêu ai hết.
Xem thấy ai đức nết thì nên.
Xưa nay chỉ bậc thánh hiền
Thương dân mới được cầm
quyền trị dân
Trông sau trước xét lẫn sự
thế

Hãy đề tâm suy nghĩ cho cùng
Làm đâu được việc bất công!
Những phường bất nghĩa có
dùng được đâu

Lòng này nghĩ trước sau như
một,
Dẫu chết ngay chẳng chút nòn
nao

Người xưa oán thác biết bao
Then vuông lựa có vào sao lỗ
tròn

Nức nở khóc lo buồn đầy dạ
Tủi cho thân sinh đã lỗi thời
Gạt sầu bút cánh huệ tươi
Áo khăn lã chã lệ rơi ướt đầm.

Cứ đoạn này, với Ly-Tao.
ngoài cái tính chất như lời Tư-mã-
Thiên nhận định, ta thấy nội
dung của nó còn giá trị nghìn đời
ở chỗ những lời cảnh cáo rất
xây dựng bằng vào kinh nghiệm
lịch sử để răn dạy cho những kẻ
chấn dân trị nước. nhất là bọn

hôn quân ám chúa đã tới bên bờ
hố sâu, vẫn tưởng như trên
những tảng đá lớn bằng.

Chưa hết, Khuất-Nguyễn còn
là tác giả của những bài khác như
Cửu-ca, Quốc - thương, Lễ-
Hôn, Cửu-chương, Bốc-cư, Ngự
phủ, Chiêu hồn, Hoài-sa. Bài nào
cũng có một giá trị trường tồn,
như bài Quốc thương, ông tả cảnh
thảm khốc rừng rợn của một
cuộc chiến tranh:

Ngọn giáo sắc đa tề áo giáp,
Xe troi nhau gươm giáp
lá cà

Rợp trời giặc kéo tuôn ra,
Mũi tên tui bụi ai mà chịu lui.
Xắn vào trận muốn trời lên hết
Tả hữu xe kẻ chết người đau
Ngựa còn kéo miết xe sau,
Trống hồi giục đã đâm nhau đến
cùng.

Đầy đồng xác chết lung tung
Tay còn bên kiếm bên cung chặt
chồng

Trông vơi cổ quốc mênh mông.
Tuy rơi thủ cấp đầu chùng lá
gan,

Nghĩ thực là đảm can biết mấy
Lăn hiếp nhau đến thế là cùng
Nghìn thu còn tiếng anh hùng,
Đề cho những kẻ chết cùng
nước non.

Thật ông đã đi trước thiên hạ
Á-đông về những ý tưởng trên, ý

tưởng thù ghét chiến tranh, ý
tưởng nhận rằng trong chiến tranh
chỉ có những người dám chết cho
quyền quốc gia dân tộc mới là
những kẻ đáng đề cao, và ông
đã vượt Tây-phương ở chỗ trước
cả nghìn năm, thi sĩ Pháp Le con-
te de Lisle người viết bài Chiêu
chiến địa (Le soir d'une bataille) mà
ý tưởng đặc sắc là ở mấy câu kết:
Nếu họ vì tự do chiến đấu.

Lăn mình vào khói lửa binh đao
Thì như vậy là đáng đề đề cao.
Tên với tuổi trong lòng người
mãi mãi.

«...Si, heurtant de leur cœur la
gueule du canon,
Ils sont morts, libérés, ces bra-
ves, en ton nom,
Béni soit le sang pur qui fume
vers la gloire!»

Phải chăng Khuất Nguyễn vừa
là nhà thơ ái quốc của dân tộc
Trung-hoa, vừa là nhà thơ của
nhân loại? — nhân loại của
những người liêm khiết thẳng
ngay, giữ mình cao cả và trong
suốt, chứ không phải «nhân loại»
của những kẻ ở trong bài Bốc cư:

Hoặc là chơi với các ông lớn,
Đề cầu tiếng thơm lây
Hoặc theo giàu sào
Đề sống cho qua lần
Hoặc đi bợ đỡ bọn đàn bà

PHONG-THU

NEUROTONIC

BỔ ỨC
Tăng cường trí nhớ

575 BYT 20-11-63

Hoặc theo đuôi lũ ngựa hèn,
Hoặc cùng bọn gà vịt tranh thóc
Nếu ta nói thì ca trung quốc chính
thức phát nguyên từ Sở-từ thì
Khuất Nguyên còn là cụ tổ của thi
dân nước ấy bởi đã mở lối cho
thiên hạ cái thích viết văn và từ
đề thành những nề nếp và phong
trào sau này; mà kể tục là những
người như Tống Ngọc, Đường
Lạc cùng Cảnh Sái v. v....

Có kẻ nói:

— Đành vậy, tuy nhiên thời
đại Khuất Nguyên cũng như tác
phẩm của ông đã xa xưa lắm rồi.

Than ôi. Xa, xa thật, xưa, xưa
thật nhưng nếu lời hát của ngư phủ:
Nước sông Thương trong thay
Nước sông Thương đục thay
Trong ta giặt mũ cũng hay
Đục thìa rửa chân này cũng nên.

Còn làm gương được cho ai
muốn giữ gìn nhân cách nhân
phẩm thì Khuất Nguyên và lời thơ
của ông cũng hãy còn tác dụng.

Và lại thế gian này nếu còn
những câu chuyện «tranh bá đồ
vương» hèn hạ nếu còn nhan nhản
hàng ngày những kẻ chuyên sống
bằng thủ đoạn lừa bịp trắng trợn,
với những đàn tay sai dè tiện nhắm
gây cảnh địa cầu thành cảnh xáo

trộn bất lương và man rợ hơn cả
địa cầu thời chiến quốc thì cái chân
giá trị con người Khuất Nguyên
cùng thi phẩm của ông còn có
phần tăng nữa, gác ngoài
những điểm còn màu sắc «Thượng
thần» trong các thiên Đông quân
Hà bá Sơn quý Trường quân v. v..
một quan niệm không thể tránh
được trong thời cách đây cả hơn
2.000 năm.

Bởi thế nay nhân ngày kỷ niệm
Khuất Nguyên, tôi xin thấp nén
hương lòng tưởng nhớ ông cùng
xin mượn mấy câu trong bài Chiêu-
hồn của ông (do thi sĩ Nhượng
Tống dịch) đọc chiêu những kẻ
đang sai đường lạc hướng:

Hồn ơi, thương nhớ ra về!
Lang thang vơ vẩn làm gì bốn
phương?

Chốn vui hồn nỡ chẳng màng
Lại tìm những chỗ bất tường
mà đi.

Hồn ơi, thương nhớ ra về.
Lang thang vơ vẩn làm gì Đông
Phương.

Người dài nghìn trượng nghênh
ngang,
Tìm hồn chỉ những toan đường
nuốt tươi

Xi nhau có chực mặt trời,

Chầy vằng nề đá chúng thời đã
quen.

Hồn sang sẽ rửa tan liền,
Ở sao cho được, kíp nên tìm về?
Hồn ơi, thương nhớ ra về!

Lang thang vơ vẩn làm gì Nam
phương?

Rằng đây mình tỏ dọc ngang,
Bắt người róc thịt, băm xương
tổ thần

Đầy đồng giống cáo béo lẫn
Đầy rừng lại sẵn giống trăn lạ
đời

Chín đầu rắn độc sợ ai,
Đi về như gió nuốt người đã
quen

Hồn sang sẽ mắc vạ liền
Chơi lâu sao được kíp nên tìm về
Hồn ơi, thương nhớ hồn về
Lang thang vơ vẩn làm gì Tây
phương?

Dặm ngàn bề cát mênh mang
Cuốn vào vực sét khôn đành
chống ngăn

Dẫu rằng may được thoát thân
Đồng hoang cách sống khó khăn
vô chừng

Ông đen lớn tựa hũ bưng
Kênh càng kiến đồ to băng con
voi

Nước khôn kiểm, đất thổi người
Thóc ngô chẳng mọc ăn loài cỏ
tranh

Ngày đêm nào chỗ nương mình
Mơ hồ vô hạn mông mênh vô
ngần.

E khi tai vạ đến thân,
Ở làm chi nữa mau chân tìm về
Hồn ơi thương nhớ ra về!

Lang thang vơ vẩn làm gì Bắc
phương?

Núi băng chặt ngắt giọc đường.
Bạt ngàn mưa tuyết bay ngang
đêm ngày.

Ở lâu sao được chốn này,
Mau mau cưỡi gió đáp mây tìm
về!

Hồn ơi, thương nhớ ra về!
Xin đừng vơ vẩn lên chi cõi trời!
Chín lần cửa đóng then cài,
Hùm beo đón lối xoi người trần
gian.

Chín đầu thiên-tướng sốt gian,
Một tay nhờ bật chín ngàn gốc cây
Sói trời dọc mắt dọc mày,
Qua qua lại lại suốt ngày nhao
nhao.

Treo người lên ngọn cây cao,
Nô đùa chán lại quăng vào vực
khơi.

Dũng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BY.T/DPDC.

PHONG-PHỦ
NEUROTONIC BỔ ỨC
Tăng cường trí nhớ
575 BYT 20-11-63

Quảng rồi trở lại tâu trời,
Chết mà muốn được chết tươi
được nào.

Cõi trời nguy hiểm biết bao,
Về thôi hồn khá mau mau tìm về!
Hồn ơi, thương nhớ ra về!
Xin đừng tìm xuống làm gì cõi
âm!

Mình trâu mặt báo mày hăm,
Đôi sừng quý sú xăm xăm đuổi
người

Bàn tay vết máu tanh hôi
Xưa nay ăn sống nuốt tươi đã
thường

Ở đây mang lấy tai ương
Về thôi hồn khá tìm phương trở
về!

Hồn ơi thương nhớ ra về!

Cửa thành rộng mở hồn thì
dừng chân!

Đêm thắm thoát bình minh đỏ ối.
Nhìn quanh mình nào phải lối
xưa

Dưới sông nước chảy lững lờ
Trên sông gió thổi bờ phờ ngàn
phong.

Mòn con mắt xa trông ngàn dặm
Mảnh lòng xuân thắm đắm
thương đau

Cõi Nam bao nỗi thăm sâu
Hồn ơi, thương nhớ mau mau
ra về!..

Và đó cũng là đề thay lời kết
luận của bài nói chuyện này.
(Tết Đoan-Ngo
năm Ất Tỵ 1965)

★ NGÀY THƠ

Bà mẹ rắn dạy cô con gái sắp đi dự buổi khiêu vũ đầu tiên
trong đời:

— Con hãy thận trọng. Nếu một trong những đứa con trai ấy
dẫn con vào vựa lúa, thì con hãy coi chừng. Hẳn sẽ lợi dụng và
gia đình ta sẽ bị nhục nhã đó!

Sáng hôm sau, buổi khiêu vũ đã tan. Cô gái trở về nhà. Bà mẹ
lo lắng hỏi con:

— Thế nào con? Mẹ có thể yên tâm được không con?

Cô gái lĩnh bờ đáp:

— Mẹ cứ yên tâm, chính con, con sẽ làm nhục gia đình thẳng đó
trong vài tháng nữa đây.

thật có
một
Thế - giới

LOÀI
NGƯỜI
ở trên

HỎA
TINH
không?

Mariner IV của Mỹ được phóng
lên Hỏa-Tinh ngày 30-11-1964 và
sẽ đến Hỏa-Tinh vào ngày 15-7-
1965 (420 triệu ki-lô-mét), để
chụp hình.

N G H E phi-cơ bay âm-âm trên thành phố và súng đại bác nổ rền gần ngoại-ô Sài-gòn, ông Tú ngồi ngoài hè hóng gió nhìn Trăng sao sáng tỏ trên trời khuya, nói với bà Tú ngồi cạnh ông:

— Không biết ở trên các hành-tinh khác có chiến-tranh như ở trên Trái-Đất khốn-nạn này không?

Bà Tú tựa đầu vào vai ông, dịu-dàng hỏi:

— Những Hành-tinh khác là hành-tinh nào hả Minh?

Ông Tú ngó vành Trăng bạc:

— Không phải mảnh ngân-tinh kia đâu. Hộ-tinh bé nhỏ của Địa-cầu, trông nó đẹp thế bởi nó chỉ chứa toàn thơ với mộng. Nó được treo ra đó để làm món đồ chơi íy-tưởng cho Nghệ-sĩ, Thi-nhân, nhưng nó không có đời sống vật-chất, không một bóng người, không một giọt nước, không một bụi cỏ, không một con chim. Nhưng trên một vài Hành-tinh của Thái-dương-hệ (*Système solaire*), như Hỏa - Tinh (*Mars*) hình như có đời sống linh - động, có cây, có nước, có lẽ có một thế-giới loài người không giống loài

người chúng ta trên Địa-cầu nhưng có thể văn-minh tiến-bộ hơn ta.

— Sao biết có một thế-giới sống ở Hỏa-tinh hả Minh?

— Đó là khám phá của các nhà Khoa-học, Thiên-văn-học trứ danh, căn-cứ trên những điều họ đã được trông thấy qua các kính viễn-vọng (*télescopes*) mạnh nhất trên thế-giới, và những bài toán thiên-văn-học, từ Thế-kỷ XVII đến nay, nghĩa là từ trên 300 năm nay.

Mới năm ngoái đây, nói đích-xác hơn là ngày **Thứ Bảy 30-11-1964**, hai vệ-tinh nhân-tạo, chiếc **Mariner IV** của Mỹ từ căn-cứ Cap Kennedy, và chiếc **Zond II** của Nga từ căn-cứ Baz-Konour, đã được phóng lên cùng một lúc để cố thực-hiện sự liên-lạc trực-tiếp giữa Trái Đất và Hỏa-tinh. Tháng **4-1965** vừa qua, hai vệ-tinh ấy đã lên được gần nửa khoảng cách nhau của Hỏa-tinh và Địa-cầu.

— Từ Trái Đất lên Hỏa-tinh, cách nhau bao xa?

— **56 triệu ki-lô-mét.**

Bà Tú trở mắt ngó ông Tú:

— Chu cha ơi, 56 triệu ki-lô-mét!

Bà ngó lên trời, hỏi tiếp:

MÌNH ƠI!

— Mình chỉ cho em xem Hỏa-tinh là ngôi sao nào đâu nè?

— Kia kia, ngôi sao đỏ màu da cam, theo ta thấy với mắt trần, nhưng nếu có kính viễn vọng sẽ thấy màu nó vàng. Nhìn trong kính viễn vọng, còn thấy rõ hai vết trắng ở hai đầu Bắc-cực, Nam cực, đó là tuyết cũng như trên địa cầu vậy. Mùa Đông của Hỏa-tinh, ta thấy vết tuyết ấy rộng ra, mùa hè nó rút hẹp lại.

Nếu không có gì trục trặc, thì hai vệ-tinh Mariner IV và Zond II sẽ cùng đến gần Hỏa-tinh vào khoảng giữa tháng 7 để chụp hình.

— Tháng 7 sắp tới đây?

— Ừ, Hiện nay các nhà khoa học và Thiên-văn-học trên toàn thế-giới đang hồi hộp chờ ngày đó để được xem những tấm hình do hai vệ-tinh kia sẽ chụp được trong vài tiếng đồng hồ và sẽ truyền về trái đất bằng vô tuyến. Nhờ những bức ảnh đó, người ta sẽ thấy rõ « bộ mặt thật » của Hỏa-tinh, một hành tinh bí mật nhất của Thái dương hệ.

— Sao gọi là bí mật?

— Vì các nhà khoa học của Địa cầu đã tìm hiểu về Hỏa-

tinh trên 300 năm nay, đã dày công xem xét nó qua các kính viễn vọng, đã khám-phá ra được nhiều yếu tố nhưng đến nay vẫn chưa có thể xác nhận một điểm nào một cách quả quyết được.

Thế kỷ XVII, nói đúng hơn là đêm **28-11-1659**, ở Hòa Lan, nhà thiên văn học tài giỏi trứ danh **Christian Huygens**, lần đầu tiên đã dùng kính viễn vọng nhìn thẳng lên Hỏa tinh và đã vẽ một bản-đồ gồm những vùng mờ-mịt trên mặt hành tinh ấy. Một vùng rộng lớn nhứt được ông đặt tên là **Syrtris Major**. Đúng ba trăm năm sau, tháng 11 năm 1956 và 1960, nhà Thiên văn học Mỹ **William Sinton**, nhìn qua kính viễn vọng rất mạnh của Đài Thiên văn Harvard và kính viễn vọng lớn nhất và mạnh nhất hiện nay trên núi Palomar ở Mỹ, cũng thấy vùng **Syrtris Major** còn rõ ràng như trên bản đồ của Huygens. Nhưng vùng Syrtris Major là gì? Nếu tính ra, thì nó rộng lớn bằng cả các xứ Tây-Âu, chắc chắn là một vùng phì nhiêu có cây cỏ, có đời sống, nhưng những sinh vật ở đây thờ ra một thứ hơi *acétaldelyde*, chứ không



Christian Huygens, nhà Vật lý học, toán-học và Thiên văn học từ danh của Hòa Lan đã vẽ lần đầu tiên một bản đồ của Hỏa Tinh năm 1659.

phải gaz carbonique (thán khí) như ở địa cầu.

Hỏa tinh cũng có bốn mùa. Cuối mùa Hạ, (mùa Hạ của Hỏa tinh), người ta thấy tuyết phủ trắng miền Bắc cực đã tan dần và thu hẹp lại chỉ còn độ vài chục ki-lô-mét bề kính và bây giờ là mùa xuân của Hỏa-tinh, vùng sinh khí lan rộng dần dần ra cho đến vùng nhiệt đới. Bề mặt Hỏa tinh lại thay đổi, khác hẳn mùa Đông. Năm 1877, Hỏa tinh xoay

rất gần Địa cầu ta, suốt mấy tháng tất cả các kính viễn vọng trên Thê-giới đều chia về Hỏa-tinh để xem xét tận tường. Một đêm, nhà Thiên-văn-học Ý, **Schiaparelli**, nhìn kỹ, nhận thấy giữa các vùng sinh-lực màu xanh lá cây, có những đường đen xam nối liền nhau và chạy dài hàng mấy nghìn ki-lô-mét qua các vùng đất đỏ mênh mông. Schiaparelli đoán chừng đó có lẽ là những con sông đào (*canaux*). Nhà Thiên-văn-học Mỹ, **Percival Lovell** cũng quả quyết rằng đó là những con sông đào để đem nước do tuyết tan từ miền Bắc-Cực, chảy xuống tưới các vùng phù nhiêu như *Syrtis Major*, *Sinus Saboleus*, ở khắp mặt Hỏa-tinh. Do những nhận xét đó, người ta có thể phỏng đoán rằng Hỏa tinh không phải một Hành-tinh khô khan như Mặt Trăng, mà là một Hành-tinh có những sinh vật và có đời sống linh-động trôi-dào như trên Địa-cầu.

Năm 1882, Schiaparelli lại khám phá một điều lạ nữa, là song song với mỗi con sông đào đã có sẵn, thỉnh thoảng lại còn có một con sông đào khác cách sông-cái từ 350 đến 700 ki-lô-mét. Hiện nay, các nhà Thiên-

MÌNH OI !

văn-học thế giới còn đang tìm hiểu các « con sông-đào » đó, theo một đường thẳng và dài mấy ngàn ki-lô-mét, là những cái gì ?

Tóm lại, hết mùa Đông (mùa Đông của Hỏa-tinh) qua đầu mùa Xuân thì vùng tuyết ở Bắc-Cực rút hẹp lại (xem bản đồ của Schiaparelli) và hiện ra những chấm xanh, có lẽ là cây cỏ, và những sông-đào chạy dài khắp mặt Hỏa-Tinh. Ngoài ra, không có núi, không có biển gì cả.

Nhưng từ nửa thế-kỷ nay, các nhà Thiên-văn-học nhận xét một sự thay đổi lạ thường, chứng tỏ có một kế-hoạch vĩ-đại vô cùng được diễn biến như sau đây :

Năm 1909, vùng *Mare Cimmerium* (danh từ địa-dư cho nhà Thiên-văn-học Antoniadi đặt ra để chỉ-định một địa-diềm có đời sống linh-động), ở giữa kinh-độ 200 và kinh-độ 250 trong vùng Nhiệt-đới, rộng bằng cả châu Âu trên mặt Địa-cầu. Ranh giới phía Bắc *Mare Cimmerium* có một sa-mạc. Ở giữa sa-mạc có một khóm cây cỏ xanh-um, được gọi là *Alpha*, ở ngay giữa khoảng cách của hai vùng *Tritonis Lacus* và *Nopenthes*.



Giovanni Schiaparelli, nhà Thiên văn học Ý (1835-1910)

Năm 1930, tự nhiên khóm *Alpha* biến mất.

Đồng thời, từ lúc *Alpha* biến mất, người ta thấy hai vùng *Tritonis Lacus* và *Nepenthes* xuất hiện hai con sông-đào cứ mỗi năm mỗi tiến dần vào sa-mạc, sa-mạc này dài 2000 ki-lô-mét.

Năm 1941, sông-đào của *Tritonis* đã vào sâu được 500 ki-lô-mét trong nội-địa sa-mạc. Đồng thời từ vùng thứ ba ở Đông-Bắc, *Amenthes*, cũng xuất hiện ra một con sông đào tiến dần dần tới trung-tâm sa-mạc.

MÌNH OI !

Năm 1958, ba « sông-đào » trên, từ ba ngả tiến tới, gặp nhau và chấp nối lại, thì là quá, chỗ chấp nối của ba sông đào ấy lại chính là địa điểm của khóm Alpha đã biến mất từ năm 1909.

Thế là từ năm 1958 đến nay (1965) khóm Alpha cũ đã biến mất 50 năm về trước, tự nhiên tái-hiện, rộng lớn hơn xưa, đôi đào linh-động hơn xưa, sau khi ba « sông-đào » từ ba nơi xa tít ở ba phương hướng khác nhau, dài bằng từ Moscou (Nga) hay Constantinople (Thổ-Nhĩ-Kỳ) qua Paris (Pháp), dần dần tiến vào một địa điểm hình như đã chỉ-định trước, và theo một kế-hoạch, một chương trình đã vạch trước !

Vì những sự kiện lạ-lùng đó mà nhiều nhà Thiên-văn-học thế giới hiện nay dám quả-quyết rằng trên Hỏa-tinh hiện đang sống một thế giới loài người có lẽ khác ta nhưng văn minh tiến bộ hơn ta.

Chính vì điểm thắc-mắc quan trọng đó, mà hai vệ-tinh **Mariner IV** của Mỹ và **Zond II** của Nga đã được phóng lên Hỏa-tinh, ngày thứ bảy 30-11-1964. Như đã nói lúc này, hai vệ-tinh



Những sông đào trên Hỏa tinh theo bản đồ của Schiaparelli (24-6-1888).

nhơn-tạo kia phải đề 6 tháng bay qua 420 triệu ki-lô-mét và sẽ đến mục-phiêu đã định, gần sát Hỏa-tinh, để chụp hình Hỏa tinh và truyền ảnh về địa-cầu. Hiện nay các nhà Bác-học trên thế-giới đang chờ xem các tấm ảnh đó mà Địa-cầu sẽ được tiếp nhận vào khoảng 15 tháng 7 sắp tới đây.

— Không ngờ Khoa-học loài người tiến đến mức tối-cao như thế, Minh nhỉ. Trên Hỏa-tinh có một thế-giới văn-minh, nhưng em tin chắc rằng giống người ở thế-giới Hỏa tinh không thể nào

MÌNH OI

văn minh tiến bộ hơn loài người trên quả Đất này. Phải không, Minh ?

— Chúng ta không có bằng chứng gì để quả quyết như vậy. Nhà Thiên-văn vật - lý-học của Nga - xô, **Schklowski**, lừng danh khắp thế - giới, vừa rồi có xuất bản một quyển sách nhan đề là « *Vũ-trụ, Đời-sống và Lý-trí* », gồm 24 chương viết rất công-phu. Quyển sách này đã được dịch ra Pháp-ngữ : « *L'Univers, la Vie et la Raison* », trong đó Schklowski có viết :

« Đứng trên quả Đất chúng ta xem xét Hỏa-Tinh, chưa hiểu Hỏa-Tinh được tường-tận, thì những nhà Bác - học của Hỏa-tinh ở trên mặt đất của họ nhìn xuống Địa-cầu của ta, có lẽ cũng không ngờ chúng ta đã có một nền văn-minh cổ cưu từ bao nhiêu thế kỷ. Đã chắc gì họ khám-phá ra được những dấu-tích của đời sống và những hoạt-động của chúng ta ? Bởi vì, cũng như chúng ta nhìn lên Hỏa-tinh, họ không thể nhìn xuống Địa-cầu, nhận thấy rõ được những vật có một đường kính dưới 200 ki-lô-mét. Những thành phố to lớn nhất của ta, như Paris, New York, Moscou, đã chắc gì họ trông thấy qua ống kính viễn-vọng mạnh nhất

như kính viễn-vọng của ta ? Những vụ bom nguyên-tử của ta nổ trên không-khí Địa-cầu, có lẽ người Hỏa-tinh nhận thấy được chẳng, nhưng chắc họ cho rằng đó là những hiện tượng bất thường của vũ-trụ chứ không thể ngờ rằng đó là những thí-nghiệm do một cuộc sống thông-minh của trí-óc gây ra. Cho đến cả những làn vô-tuyến-điện xuất phát từ cội Địa-cầu cũng có thể được người Hỏa-Tinh thu thanh, nhưng có lẽ họ cho rằng đó chỉ là chứng cứ của một đời sống còn sơ-đẳng trên Địa-cầu, và còn kém xa cuộc sống thông minh lột bọc của người *Martiens* (Người ở Hỏa-Tinh)... »

Bà Tú hình như không đồng-ý, và bà luôn luôn tin rằng Loài người trên địa-cầu này văn minh hơn. Bà bảo :

— Nhưng sự các nhà Bác-học của Địa - cầu đã phóng được lên Hỏa-Tinh hai vệ-tinh nhân-tạo *Mariner IV* và *Zond II*, chứng tỏ rằng khoa-học của chúng ta tiến bộ hơn khoa-học của Hỏa-tinh, vì họ có gởi một vệ - tinh nhơn-tạo nào của họ xuống gần quả Đất để chụp hình Quả Đất ta đâu ? Phải không, Minh ?

Ông Tú cười :

— Em quên các vụ « Địa-bay », bí mật, thường xuất hiện trên khoảng không khí của Trái Đất từ vài chục năm nay, chứ không phải mới đây. Nhiều nhà Bác-học nghĩ rằng đó có thể là những loại « vệ-tinh nhân-tạo » của người Hỏa-tinh xuống rình rập Trái-Đất, hoặc để chụp hình, hoặc để khám phá, nghiên cứu gì chẳng? Em cũng nên biết rằng các nhà Bác-học của ta đã tìm thấy rằng Hỏa-Tinh có hai vệ-tinh (satellites) trong lúc Trái Đất có một vệ-tinh mà thôi là Mặt Trăng.

Hai Vệ-tinh của Hỏa-Tinh là **Phobos**, và **Deimos**, xoay tròn chung quanh Hỏa-tinh cũng y như Mặt-Trăng chung quanh Địa-cầu. Phobos và Deimos được khám phá từ năm 1877 do nhà Thiên-văn-học Mỹ là **Asaph Hall**. Nhưng có điều này rất lạ, là khác với Mặt Trăng, hai vệ-tinh **Phobos** và **Deimos** của Hỏa-tinh là hai vật chỉ có đường kính không quá 10 ki-lô-mét, và trống rỗng trong ruột. Nhà Thiên-văn-học Nga

là **H. Struve**, năm 1895, lại khám phá thêm rằng vệ-tinh **Deimos** có một mặt màu đỏ và một mặt màu xanh-lục. Do đó nhà Thiên-văn-học Nga, **Schklowski** quả quyết rằng hai vệ-tinh **Phobos** và **Deimos** mà ta thấy xoay chung quanh hỏa-tinh từ mấy nghìn năm nay chỉ là hai vệ-tinh nhân tạo do người Hỏa-tinh chế ra! Thật là một sự ngoài óc tưởng tượng của loài người trên trái đất. Theo Schklowski tính toán thật kỹ lưỡng thì vệ-tinh **Phobos** ở cách xa Hỏa-tinh chỉ 6000 ki-lô-mét, và nặng hai trăm triệu tấn. Như thế tức là một mét khối **Phobos** chỉ nặng một ký-lô. **Phobos** là một vật cứng (cổ - thề) phản chiếu ánh sáng Mặt trời, nhưng không thể có một vật cứng nào mà mỗi mét-khối chỉ nặng một ký-lô; trừ khi vật ấy rỗng ruột. Nhưng trong vũ trụ không thể có, và không có, một vật rỗng nào mà bề kính chỉ có 10 ki-lô-mét. Do đó mà **Schklowski** kết luận rằng vệ-tinh **Phobos** của Hỏa-tinh là một vệ-tinh nhân tạo

Đúng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/BYT/DPDC



Quỹ đạo của hai Vệ-tinh **Phobos** (gần) và **Deimos** (xa hơn) của Hỏa-tinh (**Mars**)

của người Hỏa-tinh. Nhưng ta thử tính xem: vệ-tinh nhân-tạo **Phobos** nặng hàng hai trăm triệu tấn và rộng đến nỗi có thể chứa cả thành phố Paris! So sánh với vệ-tinh nhân-tạo **Spoutnik** của Nga dài 3 mét, thì mặc-cớ ôi là mặc-cớ! **Phobos** là một con voi mà **Spoutnik** là một con kiến! Vậy người ta có thể tưởng tượng khoa học của giống người kỳ dị ở Hỏa-tinh đã tiến tới một mức kinh

khủng như thế nào!

Bà Tú ngồi mơ màng nhìn vành Trăng trôi rất mau lệ trên vòm trời đầy đặc sao.

Bà khẽ bảo:

— Trong vũ-trụ huyền bí bao la kia, không lẽ chỉ có Quả Địa-cầu bé nhỏ của chúng ta mới có một thể giới loài người thông-minh trí-tuệ hay sao, Minhnhì?

Ông Tú suy-nghĩ một lúc, châm thuốc hút rồi chậm-rãi nói:

— Theo ý-nghĩ nông-cạn của anh sau khi đọc hết các sách báo nói về Hòa-Tinh, anh đoán chừng rằng từ thuở khai thiên lập địa xa-xăm nào đó Hòa-Tinh xoay chung quanh Mặt Trời, chỉ chờ-vợ một mình, không có hộ-tinh, cho nên ban ngày thì sáng, ban đêm tối-hù. Sau, người Hòa-Tinh có óc khoa-học tiến-bộ, khám phá rằng Quả Địa-cầu có một hộ-tinh là Mặt Trăng, nhờ đó ban đêm trên Địa-cầu có ánh-sáng do Mặt

Trăng nhận lãnh từ ánh mặt trời, phản chiếu xuống Địa cầu. Người Hòa-Tinh mới chế ra hai hộ-tinh « nhân-tạo », xoay chung quanh Hòa tinh, để ban đêm được hai hộ tinh ấy phản chiếu ánh sáng Mặt trời. Có lẽ đó là công-dụng của hai hộ-tinh Pho-bos và Deimos chàng ? Ước-đoán như thế thật là vô-lý, nhưng ta làm sao hiểu thấu được hết Lý-trí của Vũ-trụ ?

★ *Diệu-Huyền*



CÁC BẠN XEM MỖI NGÀY NHẬT BÁO



- ★ **XÃ THUYẾT CHÍNH TRỊ.** *của N.V*
- ★ **HẬU THẠCH-BÍCH-SƠN,** *truyện bằng tranh của NGUYỄN-VỸ*
- ★ **NHẬT KÝ** *của DIỆU-HUYỀN*

Chủ nhiệm, Chủ bút: NGUYỄN-VỸ

dặm buồn



Chiều thương con ngựa đường dài
 Dấu vôi dãn mắt tưng bài tự do.
 Trưa thương gầy guộc thân cò
 Nhớ con mỗi ngậm tiếng ho chịu đòn.
 Và chân ngựa chạy bon bon...
 Và lưng cò trắng dề bùn đồng pha !
 Ngõ ngang khôn tưởng là ta
 Là ai, ai đấy, Ngọc ngà là đâu ?
 Tìm vàng bạc chảy dòng châu
 Tìm sinh thời rớt mấy màu nguyên trình.
 Giờ quay thương lại thân mình,
 Và thân con « tốt » gập ghình đá sông.

HUYỀN-PHONG



★ Trần-Quán-Kiệt
(tiếp theo P.T. 151)

À thật ra, đúng như vậy. Không phải Triệu lợi dụng một mũi thuốc với vài phút xem mạch cho bà cụ, để lấy cớ đó nghĩ đến cô thiếu nữ trẻ đẹp kia.

Kỳ thật, Nga là một cô gái có một nhan sắc huyền bí thu hút hết thảy mọi tâm hồn của những chàng thanh niên vừa đến tuổi yêu thương như bác sĩ Triệu chẳng hạn.

Đôi mắt của Nga sâu, đen lóng lánh như hạt kim cương huyền b cứ chập chờn hiện ra trong tâm trí của Triệu. Chàng ta ngồi âm-thần mong sao Nga lại mang bà mẹ đến. Không phải chàng ác ý gì, mà lòng chàng thật sự đã say đắm Nga.

Chàng say đắm về thơ ngyy, từ vóc người thon nhỏ dịu dàng đến làn tóc óng ả, gương mặt ưu-sầu của nàng.

Mưa ngoài trời thăm thẳm rơi những giọt mưa gọi lên những điệu nhạc trầm bổng khuâng và tê-tái.

Triệu mở tung cửa sổ, ngồi thừ ở bàn viết một hồi lâu, con chó nhỏ dưới ghế quẫy đuôi mừng chủ, bị chủ nó bực dọc đá cho một phát, kêu vang nhà. Nó chạy quính quíu ra sau bếp với bộ vó sợ sệt.

Chị bếp lấy làm lạ ngược cổ nhìn lên, hỏi Triệu:

— Thưa bác sĩ, có việc gì không?

— Không!

Triệu ít khi nào cộc lốc như vậy. Không lẽ nào vừa chữa không công cho bà cụ Triệu lại nghĩ đến số tiền công lao ấy?

Chủ của chị ta không hề có tính keo bần đó. Ông hay xem mạch và cho thuốc những kẻ bệnh tật nghèo nàn.

Ông là một bác sĩ có lương tâm, và biết thương người kia mà?

Chị ở đoán là trời mưa dầm, bác sĩ không đi chơi được nên tức bực vậy thôi. Nghĩ thế, chị cũng không muốn tò mò gì hơn. Chị cúi xuống chăm chỉ ủi đồ. Con chó nằm dưới chân chị, bó đuôi liếm mép.

Khi ủi xong đồ cho chủ, chị quay về phía Triệu, thấy anh chàng cầm cúi viết, đầu cổ rối lên như chưa bao giờ chải gỡ.

Chị lại thấy Triệu xé mảnh giấy, vắt xuống đất, rồi vào phòng bật đèn ngủ, nằm gát tay lên trán, một lát xoay trở như suy nghĩ gì lung lăm không ngủ được. Chị ta dẫm ra tò mò, lén nhặt, mảnh giấy, đem ra bếp, bật đèn chấp từng mảnh lại, lăm nhăm đọc..

Hàng chữ nguệch ngoạc như vậy:

Tình đầu chọt đến với ta

Nàng như mây thoảng biết là về đâu?

Giật mình, chị đem đốt mấy mảnh giấy, lom-lom nhìn lên buồng chủ. "Thôi rồi, ông đã tương tư cô nào rồi". Chị bếp nghĩ như thế, rồi cũng bỏ qua...

Nửa đêm, đợi cho chị bếp ngủ say, Triệu trở dậy rón rén ra khỏi phòng. Triệu không biết vì sao đêm nay chàng lại có cử chỉ cứ ngái ngại trước chị bếp.

Vốn sẵn có tâm hồn bình đẳng, từ trước đến giờ, Triệu vẫn xem người giúp việc như thân-thích với chàng. Triệu thấy ngại trước chị bếp là vậy.

Triệu đi lang thang một mình ngoài phố. Đêm về khuya tĩnh

PHONG-PUH

NEUROTONIC

Bổ óc
Tăng cường trí não

575 BYT 30-11-60

mịch. Điệu kèn đồng thỉnh thoảng rú lên trong mưa lạnh. Triệu không biết mình đang dầm mưa và về đâu. chỉ biết bước chân mình cứ rào rào về phía ánh đèn sáng. Nơi đông người đang tụ hội. Chẳng hy-vọng sẽ gặp lại hình bóng đang ấp yêu này. Nhưng khi chàng dừng sừng trước đám đông, những cặp mắt thao láo trong đêm khuya nhìn chàng xa lạ và lạnh lùng đến rợn người.

Triệu lại sụp mũi xuống, rào bước và hy vọng, tâm trạng chàng như si dại, nửa như đau khổ, nửa thấy say sưa như nhấp phải men nồng.

Tình yêu là những phút lên men đó. Nếu được nó sẽ thành rượu thơm, không tới, nó trở thành dấm chua chát là vậy.

Chợt Triệu thấy một bóng quen thuộc ngồi yên lặng, tóc rũ xuống bóng gầy lỏng không vào tường như một tên say sật sừ.

Bước tới gần Triệu mừng rú kêu lên :

— Phan Danh, ngồi đây làm gì ?

Rồi Triệu không đợi mời, kéo ghế ngồi lẹ xuống cạnh bạn.

Phan Danh giặt mình, tỉnh lại, đưa tay xoa đôi mắt, ngạc nhiên vừa vung vai, uốn lưng vừa ngáp;

— À! bạn đi khuya vậy?

Triệu ngờ bạn nhạo nên hỏi gắt:

— Có lạ không?

Phan Danh thành thật :

— Gì mà lạ?

— Chuyện tôi đi khuya?

Phan Danh mới tỉnh lại hẳn, vừa lắc đầu, vừa ra dấu tự nhiên.

— Ờ, đi khuya! Tôi là con ma đi khuya đây, bạn mới đi có một đêm nên thấy lạ.

— Tôi buồn!

Phan Danh xoay người lại :

— Đời ai chả buồn?

— Nhưng tôi buồn thật !

— Ai bảo anh buồn già? Buồn mới đi khuya như vậy chứ?

— Thì ra đi khuya vì anh buồn bả lắm ư?

— Bạn ơi, đừng hỏi nữa. Tôi đi khuya vì thói quen... Nhưng lắm lúc cũng nản lắm. Bây giờ uống gì, quán này chỉ có cà phê đen.

— Đề ngồi đây buồn ư?

— Biết làm gì? Phan Danh hỏi.

Triệu im lặng một lát, đáp :

— Chúng ta hãy tìm chỗ giải trí cho khuây khỏa.

Phan Danh khoát tay :

— Không được... tôi đang muốn giữ một cái mộng, e vỡ tan nát.

Triệu dò xét :

— Mộng tình hay tiền?

— Cả hai !

Nói xong, tiếng cười của chàng ký giả lộ lên sẵn sặc, khiến mấy tay tò ngồi ở bên cạnh hỏi :

— Ê đại ca, việc gì mà khoái thế.

— Có gì đâu bồ ! Chàng trả lời với mấy anh chị ở bên này.

— Có gì cho em út xẻ vui chia sẻ với đại ca.

— Anh Tư (tên thật Tư Lạm Cầm) ơi, nào có gì đâu, chuyện mộng mà.

Tư lạm cầm nhả cái mặt đen hắc-quỳ chìa cái cằm lẹm ra, trêu tráo miệng cười duyên :

— Ờ! Tưởng mần ăn ngon lành, trúng áp-phe, chuyện mộng mị thì thôi, đàn em có biết gì đâu.

Bỗng có ánh đèn pha rọi sáng rực gốc đường. Tiếng xe hơi vừa đậu lại. Tư Lạm Cầm nhảy lên vỗ tay :

— Hay lắm, lên đúng giờ lắm... nào mời hai đại ca cùng hưởng một đêm cá nướng với tôi nghe.

Phan Danh vừa gật với anh Tư, vừa quay về bác sĩ Triệu :

— Này bạn, chúng ta cùng gầy cuộc ăn nhậu cho đỡ buồn.

Dùng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1350/BY.T./DPDC.

Triệu cười đồng ý, và hỏi :

— Vậy thì bạn buồn gì, cho biết thử ?

— Muốn khám bệnh ư ?

Vỗ vai bạn, Triệu nói :

— Thật ra tôi muốn kể anh nghe một câu chuyện. Tôi cũng đang có một thứ bệnh, cần đến bạn chữa đấy.

— Chắc bệnh tâm ?

Triệu gật đầu. Phan Danh bỗng nhiên im lặng nhìn Triệu. Chẳng dè đoán ra tâm trạng của bạn. Thật sự thì tâm trạng đó cũng y hệt như tâm trạng của mình, nên Phan Danh cảm thấy lo sợ. Một câu hỏi được đặt trong đầu chàng, eo liên quan đến Nga nhưng Phan Danh không dám hỏi ra lời.

Chàng sợ sự thật đó như sợ một quả bom nổ tung làm vỡ tan diêm-mộng của chàng. Vì thế Phan Danh nói khỏá lấp đi :

— Bạn ơi, đùa gì, ăn cho ngon đã rồi hãy nói chuyện sau.

Nhìn bạn một lát, chàng bỗng hỏi tiếp với một lời thật sắt đá :

— Nếu tôi và bạn cùng một mộng-tưởng, chúng ta sẽ thế nào ?

Triệu phân vân vì biết Phan Danh đã trở ngón tâm lý, không lẽ chàng lại nhường cho bạn, nên chàng đành im lặng cười ! Phan Danh định nói tiếp điều gì nhưng thôi, vừa lúc đó người chủ quán bưng mâm cá nướng đến.

Triệu hỏi vợ-vần :

— Đây là quán gì hở bạn ?

— Quán Biên Thùy đấy !

(còn tiếp)



POLYVIT Ca
TÉVÉTÉ

DẪN BÀ DƯỠNG THAI VÀ THỜI KỲ CHO CON BÚ
TRẺ EM ỒN-YẾU, ÉO-ỢT, CHẬM MỌC RĂNG
THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHỔI
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY VÀ TIỆM TRƯỞU AU-DUỐC

K.N. số 251 BYT-QCDP 18-10-62

CẢI CHÁNH về một câu trong báo « VẤN »

Trong báo « Văn » số 36 ra ngày 15 tháng 6 - 1965, nơi trang 120 có một câu như sau đây :

« Ông Nguyễn-Vỹ nổi tiếng về thơ ta lẫn thơ tây. Bằng chứng là bài thơ *Sur la rivière des Parfums* mà dạo nào ông quả quyết là của ông sáng tác. »

Ông Nguyễn-Vỹ quả quyết rằng không bao giờ ông nói như thế. Bằng chứng là trong tập *Thơ Hoang vu* của ông xuất bản năm 1962, nơi trang 53 có đăng bài « *Sérénade sur la Rivière des Parfums*, par F.G.H và nơi trang 55 kể tiếp bài thơ đó có bài : « Dịch ra thơ Việt :

« *Hương Giang Dạ Khúc* » của **Nguyễn Vỹ**.

★

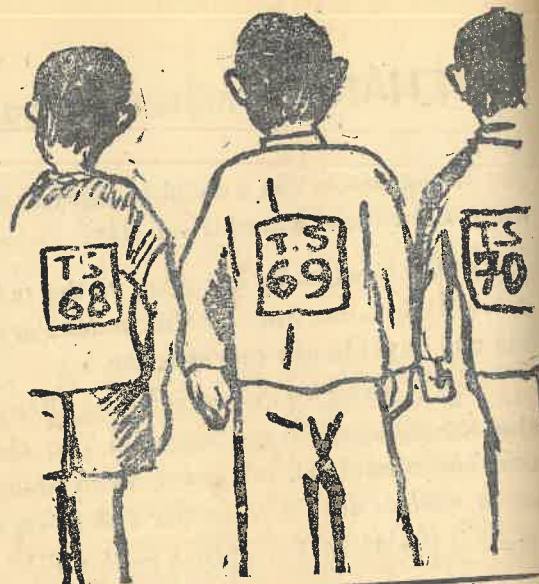
Trong *Đông Tây tạp chí*, xuất bản tại Hà nội năm 1936, Ông Nguyễn-Vỹ có đưa ra ưc thuyết rằng tác giả **F.G.H** chính là vua **Duy Tân**. Nhưng trong quyển « *Đời văn* » ông **Trần thanh Mai** nói là **F.G.H** không phải vua Duy-Tân mà là một người Pháp François **Guiblier** Henri, làm sở kiểm Lâm Huế. Ba chữ viết tắt F.G.H tác giả bài *Sérénade sur la rivière des Parfums* lần đầu tiên đã đăng trong *Bulletin des Amis du Vieut Huế*, và do ông Nguyễn-Vỹ dịch ra thơ Việt lần đầu tiên đăng trong *Đông Tây* tuần báo với một bài giới thiệu khá dài, quả quyết rằng **F.G.H** là một bí danh của **Duy Tân**, đã gây ra một cuộc bút chiến sôi nổi trong giới văn học Việt-nam vào khoảng 1936-37.

Rất tiếc ông bạn nào viết mấy câu trong báo « Văn » trên kia chỉ nói bông lông không cần cứ trên một tài liệu văn học nào cả

★ P. T.

người
tù

69



Hồi-ký của NGUYỄN-VỸ ★ Hồi-ký của NGUYỄN-VỸ

(tiếp theo T.P. 150)

Ô. Trần văn Lý, Tuần-vũ Phú-Yên
và Thanh-tra Auger

LÂU lâu, có các ông Quan «Annam», mà phần nhiều T.S. không biết mặt, không biết tên, đột nhiên đến thăm trại giam chúng tôi. Một hôm, viên đồn trưởng Bazia tin cho chúng tôi biết trước có ông Thanh tra chính trị là Auger trước làm Đốc lý Đàlat, ông Pierrot công sứ Phú-Yên và ông Tuần-vũ Trần-văn-Lý sẽ đến «thăm» chúng tôi sáng hôm sau.

Tối hôm trước đó, anh em hội nghị trong trại giam đề làm một bản thỉnh cầu đại khái có hai điều khoản: 1.— xin tăng số tiền chu cấp hằng ngày từ 0\$30 đến 0\$50. 2. Xin trả tự do cho một số T.S.

Anh em đồng thanh cử tôi, T.S. 69, đại diện anh em đề đưa bản thỉnh cầu ấy. Biết rằng mỗi lần đưa bản thỉnh cầu như thế là mỗi lần có chuyện rầy rà lộn xộn giữa Đồn trưởng

NGƯỜI TÙ 69

và T.S. nhưng tôi không thể từ chối được nhiệm vụ, vì đây là vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống chung của T.S. Trong trại đã có một anh *Chef de Semaine* tức là anh T.S. đến phiên phải phụ trách an ninh và trật tự của trại trong một tuần lễ, kể từ ngày chủ nhật. Chức vụ này toàn thể T.S. thay phiên nhau đảm nhận, theo thứ tự số tù: Thí dụ sau T.S. số 1, kế tiếp T.S. số 2 rồi đến T.S. số 3, v.v... Nhưng trong những trường hợp đặc biệt, như vụ nhà cầm quyền đến khám hoặc đến «viếng» thì anh em cử một hoặc hai Đại diện riêng, thường thường là T.S. 69, hoặc thêm T.S. 27, Lưu Quý Kỳ, người Tàu lai, cựu sinh viên trường Mỹ thuật Hà nội, thư ký riêng của viên đồn trưởng Bazia. (Anh này hiện nay làm Văn hóa vụ ở Bắc Việt).

Đề đón tiếp chánh quyền một cách xứng đáng, anh «*chef de semaine*» yêu cầu toàn thể anh em sáng hôm sau phải quét dọn sạch sẽ chỗ nằm của mình, và nhất là phải giấu kín những vật bị cấm trong trại nhưng anh em đã lén lút sắm được rất nhiều như sách, vở, đèn, dao, kéo, thuốc hút, hộp quẹt, tiền bạc, v.v... Bìnhnhật chúng tôi tự dùng các vật cấm ấy, không sợ ai. Nhưng mỗi lần có cuộc khám xét, hoặc có nhà chức trách đến thăm trại, thì tất cả các vật ấy đều biến mất hết. Chúng tôi có nhiều nơi giấu khó mà tìm ra. Ông Bazia à lính không bao giờ tịch thân được một cấm vật gì của chúng tôi đã sắm được nhờ đủ các mưu mô, thủ đoạn, có khi nhờ cả sự đồng lõa dễ dãi của một vài người lính dễ thương.

Hôm ấy, được tin viên thanh tra chính trị đến chúng tôi vui vẻ đợi chờ, hy vọng ông ta sẽ cho thỏa mãn một đôi thỉnh nguyện hợp lý. Riêng tôi được anh em căn dặn phải mặc bộ đồ sạch sẽ mới giặt, dĩ nhiên là bộ quần áo xanh của nhà, tù tóc mới hớt, chỉ có đôi guốc thì đã cùn sát đất chưa có tiền mua đôi guốc mới.

9 Giờ sáng, kèn lính Radhés thổi chào qnan khách. Một chiếc xe hơi đỗ trước côngtrại. Lính mặc lễ phục bồng súng chào. Chúng tôi hồi hộp đứng chờ trong sân.

Cửa trại mở rộng. Ông Thanh-tra Auger và một đoàn tùy-tùng vào sân, có ông Tuần-vũ Trần-văn-Lý, ông Giám-binh Faugère, ông công-sứ Pierrot. Chúng tôi sắp hàng chào. Sau khi tôi đưa các ông ấy đi xem-xét trong trại giam, đến phòng đọc sách, các ông dừng

lại. Tôi bước ra trước mặt ông Thanh-tra, nói mấy câu tiếng Pháp, đại khái :

— Thưa ông Thanh-tra, anh em T.S. Trà-khe đã trao tôi cái vinh-dự được trình bày cùng ông...

Tôi chưa nói hết lời thì ông Auger đã ngó tôi chòng-chọc, với giọng hân-học mắng tôi :

— Sao anh không thưa Quan Tuần-vũ ?

Tôi mỉm cười ngó qua ông Trần-văn-Lý đứng xế phía sau ông Auger :

— Xin chào Quan-Lớn (Bonjour Excellence).

Rồi tôi nói tiếp với ông Auger cũng chưa được hết câu, ông lại trở mặt quát tôi một lần nữa :

— Anh muốn gì ? Hãy nói mau lên !

Tôi cụt hứng, hết muốn nói. Tôi nhìn ông Thanh-tra Auger, trong lúc ông giám-binh Faugère cười tùm-tùm... Ông Đồn trưởng Bazia lo-sợ, mặt đỏ bừng. Toàn thể T.S. im lặng, chờ xem thái-dộ của tôi.

Qua một phút bực-tức, tôi hăng-hái nói tiếp, trình bày rõ-ràng 2 điều thỉnh-cầu mà anh em đã phó-thác cho tôi. Ông Auger hung-dữ đáp lại liền :

— Xin trả tự-do cho các anh ? Các anh là những người có tội làm rối loạn Nước nhà, mà trả tự-do cho các anh à ? Các anh phải ở đây yên ổn, không được sinh sự lòi thòi.

Dứt lời, ông bõ đi, không thèm ngó chúng tôi. Đoàn tùy tùng bước nhanh theo ông, cả ông Tuần-Vũ Trần-văn-Lý với chiếc dù đen đeo nơi cánh tay. Nhưng bước được mười bước, ông trông thấy một bản đồ « Đông-dương » vẽ lớn, kín cả vách tường và sơn năm màu ông hỏi viên đồn trưởng :

— Ai vẽ bản đồ này ?

Ông Bazia chỉ tôi :

— T.S. 69.

Ông Auger quay lại, nạt-nộ tôi một lần nữa :

— Sao lại « Đông Dương — Indochine » ? Phải đề là « Đông Pháp » (Indochine Française), anh nghe không ?

Viên Đồn trưởng Bazia cũng lớn giọng bảo tôi :

— Anh nghe không. 69 ? Chiều nay anh phải bôi ba chữ « Đông Dương — Indochine », viết lại bốn chữ : « Indochine Française — Đông-Pháp ».

Ông Tuần-Vũ Trần-văn-Lý nhìn tôi với nét mặt tỉnh-bơ. Chỉ có ông giám binh Faugère (Tây-lai) luôn luôn gởi tôi một nụ cười thông cảm. Chắc ông ấy thương hại người T.S. 69 bị liên tiếp mấy vợ của ông Thanh-tra. Nhưng người T.S. 69 nhất định không bỏ qua cơ hội. Lúc đưa các ông ra sân, trước khi các ông từ giả, T.S. 69 với vẻ mặt trịnh trọng, và nhẵn nại, lễ phép nói trước mặt toàn thể T.S. :

— Thưa ông Thanh tra, thưa ông Công sứ, ông Tuần Vũ, ông Giám binh, anh em T. S. rất hân hạnh được quý ông đến thăm. Chúng tôi sẽ giữ một kỷ niệm đẹp của cuộc tiếp-xúc này. Nhon dịp, chúng tôi xin nhắc lại quí ông hai điều thỉnh nguyện của chúng tôi, chúng tôi tha thiết hy vọng quí ông lưu ý đến đời sống rất thiếu thốn của T.S. Được như vậy, chúng tôi không bao giờ quên ơn của quí ông.

Xong, tôi quay lại viên Đồn trưởng :

— Thưa ông Chef de Poste, xin nhờ ông trao lại ông Thanh tra cái đơn thỉnh nguyện này. Thay mặt toàn thể T.S, tôi xin trân trọng cảm ơn ông.

Dứt lời, tôi rút trong túi áo ra bản thỉnh-nguyện đã viết sẵn nhưng tôi đợi đến lúc đó mới đưa ra. Ông Auger trở mặt ngó tôi, ông Bazia do-dự, ông Tuần-vũ Trần-văn-Lý im lặng, nhưng ông Faugère vui-vẻ cầm lá đơn, với nụ cười khả-ái, khoan-hồng :

— Allez ! Passez-le moi ! J'en parlerai pour vous à Monsieur l'Inspecteur !

(Nào ! Đưa đơn cho tôi ! Tôi sẽ nói giùm với ông Thanh-tra cho các anh).

Cử chỉ của ông Faugère khiến toàn thể T.S. vô cùng cảm-động. Riêng tôi T.S. 69, tôi chỉ lăm-băm được một câu vắn-tắt :

— Merci, Monsieur l'Inspecteur...

(Xin cảm-ơn ông Giám-binh).

(còn tiếp)



CÙ-LÀ



古
那
油

VIỆN BẢO CHẾ
NGUYỄN · CHÍ

KN 697.BYT/Q CDP. 21/2/64

GLUCOCÉ

TÉVÉTÉ

KÉO SINH TỔ

CHỐNG MỆT-MỎI THỂ XÁC và TRÍ-ÓC
NGỪA NHIỄM-ĐỘC VI-TRÙNG

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRƯỞNG AU-ĐƯỢC

Số 252 BYT/Q CDP/18-10-62



Nước Ngọt « CON CỌP »

*Nguồn mạch Sức Khỏe
và Vui Tươi*



MỌI NGƯỜI
MỌI GIA-ĐÌNH
ĐỀU ƯA
CHUỘNG



Nước Ngọt « CON CỌP » mỗi chai
là nguồn Vui Mạnh kéo dài Tuổi Xuân

LE SECOURS

Công - Ty Bảo - Hiểm và tái Bảo - Hiểm những tai nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa trộm cắp và tất cả các rủi ro

Trụ sở chánh :

30 - 32, đường Laffite — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông

16, đại - lộ Nguyễn - Huệ — Saigon

Điện-thoại : 20.461

- Bồi thường mau lẹ
- Nghi thức giản tiện

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại — Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiểm,

Xổ Số Kiến-Thiết Quốc-Gia
Giúp nước thêm nhà ta thêm của
3 LÔ ĐỘC ĐẮC
mỗi lô

1.000.000 \$

XỔ THỨ BA HÀNG TUẦN, MỖI VÉ 10 \$

THẦN-TÀI CHẴNG VỊ RIÊNG AI

CỨ MUA VÉ SỐ

THÌ THẦN-TÀI SẼ ĐẾN THĂM

1) CÁC CHỨNG HO Ho Phong, ho đàm, ho siêng Ho rang tức ngực, ho lâu ngày, ho sản hậu, nên dùng **HUỆT PHÁT PHÔNG LAO THẢO** do Tang Nha chế tạo, đề mạnh Phổi lành ho.

2) Yếu Tim, Đau Tim, Thần Kinh suy yếu ! dùng **AN THẦN BỬU** trị các chứng tim đập hồi hộp, mất ngủ xây xẩm chóng mặt, Dùng đề an thần định trí, mất gan để ngủ.

3) ĐẠI BỔ LONG PHỤNG TÍNH : Thuốc bổ cho người lao tâm, lao lực, mệt mỏi đau lưng kém ăn ít ngủ, và các chứng thiếu máu.

4) Bệnh của Phụ nữ : Kinh nguyệt bất thường thiếu máu, mặt mét, đau lưng, bạch đới hạ ít ăn ngủ, nhức mỗi tay chơn quí Bà dùng **PHỤ NỮ HỒI XUÂN TỐ**.

5) Bệnh Phong Thấp, đau khớp xương, nhức gân, tê bại, tay chơn hay đồ mồ hôi tứ chi bại hoại dùng **THẢO LINH SƠN** Di An Hòa

6) Quý Bà có thai bị bệnh thiếu máu sanh ra ya mưa, bần thần, mỗi mệt, thai trắng đau lưng. Quý Bà dùng : **DƯỠNG THAI BẢO SẢN HOAN** Di An Hòa.

7) Ai có bệnh Phong ngứa, ghe chốc lở lở ngoài da tìm thuốc **PHONG NGỬA** Di An Hòa đề lọc máu giải phong.

(Có đề bán ở các tiệm thuốc Bắc)

Tổng Phát hành : Nhà thuốc **DI AN HÒA**

252-A LÊ THÁNH TÔN Saigon — BYTKiểm Nhận ngày 18-12-1963

Nhà hàng ĐẠI - LA - THIÊN

Điện thoại số 36.893

31-33 Đường Lăn-Ông CHOLON

- Đặc-biệt các món ăn Tiều
- Sạch-sẽ, vệ-sinh và ngon lành
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- Có máy điều hòa không-khí

Ở lầu 3 lộ-thiên có không-khí thiên-nhiên trong một khung-cảnh huy-hoàng diễm-ảo



K.N. số 260 ngày 20-6-63

KINH - LÝ VĂN - PHONG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ — Saigon
Điện-thoại 23.187



Phạm - văn - Lạng

Giám-Định Trắc-địa-sư
Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản

SAIGON

KD số 1011 ngày 24-6-65

Giấy phép số 292 CDV/TT/NĐ ngày 9-10-1964

Quản nhiệm : **NGUYỄN-VỸ**

In tại **THƯ LÂM ẤN THƯ QUÂN**

231-233, Phạm Ngũ-Lão — Saigon